

Tác Giả và Tác Phẩm

Những nhà văn dòng họ Nguyễn Tường (II)



Tường Dung
(con Hoàng Đạo)

Mục Lục

Dòng họ Nguyễn Tường – 2
Hai người đàn bà phía sau Tự Lực Văn Đoàn - 3
Bà Hoàng Đạo - Từ Dung – 5
Bố tôi Thạch Lam – Tường Nhung – 10
Cậu tôi, Như Phong Lê Văn Tiến – Từ Dung – 14
Cây óc – Đặng Thơ Thơ – 23
Con gái Thạch Lam (Tường Nhung) về con phố gắn tên cha – Khúc Hà Linh - 28

Phụ đính :

Tài năng đa dạng của Khải Hưng – Duy Lam – 28
Tường niệm Nhất Linh – Nguyễn Tường Tâm – 33
Người Bác – Thế Uyên - 36
Cuộc biểu tình đầu tiên của... Nguyễn Tường Tâm – 50
Gia đình Nguyễn Tường, vinh quang và bi kịch- Duy Lam - 54
Người kết thúc chiến tranh quốc cộng 1945 – Nguyễn Tường Tâm - 57

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Dòng họ Nguyễn Tường Khúc Hà Linh

Những năm nửa đầu thế kỷ 19, cách đây khoảng một thế kỷ rưỡi ở Cẩm Giàng có một dòng họ Nguyễn Tường từng sinh sống. Sử sách còn ghi rằng:

Cụ Nguyễn Văn Vân (1774-1822) là hậu duệ của một dòng họ Nguyễn sinh sống ở xã Phước Điền, phủ Hà Trung, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Đến cụ Vân là đời thứ 5 mới di cư vào Gia Định thời chúa Nguyễn, và sau này lại dời ra Cẩm Phố, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, (nay thuộc thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam). Năm 1797 cụ theo Nguyễn Ánh ra đánh Quảng Nam lập được công to, rồi đóng quân ở cửa biển Đại Chiêm- Hội An.

“*Gia phả họ Nguyễn Tường*” hiện đang lưu giữ ở Hội An , trong phần nói về cụ Vân có ghi rằng : một lần khi hành quân ở Quảng Nam, Nguyễn Ánh chỉ ngọn núi hỏi:

- Ngọn núi này tên là gì?

- Bầm, tên là núi Phước Tường.

- Nguyễn Phước là họ của ta. Vậy ban cho người họ Nguyễn Tường.

Sau đó cụ Vân đã đổi chữ đệm từ *Văn* thành chữ *Tường* .

Khi Nguyễn Ánh lên ngôi, cụ được cử làm phó sứ cùng chánh sứ Trịnh Hoài Đức sang đề nghị nhà Thanh phong vương cho Nguyễn Ánh, lúc trở về được giữ chức Cai bạ Quảng Nam (1803). Khi Gia Long mất, cụ được triệu về kinh, nhưng Tổng trấn khi ấy là Lê Chất tâu xin ở lại giữ chức Phó tổng trấn trông coi việc ở Bắc Thành. Năm Minh mệnh thứ ba (1822) được triệu hồi về Huế thăng chức Bộ binh thượng thư (tương đương bộ trưởng quốc phòng ngày nay), tước Nhuận Trạch hầu. Cụ mất ngày 8 tháng 10 năm 1822, hưởng dương 49 tuổi. Mộ phần quốc táng tại xã Phú Xuân, Đại Lộc, Quảng Nam.

Gia phả- Sách đã dẫn. Người con thứ Nguyễn Tường Phổ sau này ra làm quan và sinh sống tại Cẩm Giàng, trở thành vị khai nguyên dòng họ Nguyễn Tường ở đây.

Nguyễn Tường Phổ (1807- 1856), tự là Quảng Thức và Hy Nhân, hiệu Thứ Trai. Năm 35 tuổi đỗ Tiến sĩ Tam giáp (khoa thi Nhâm Dần 1842). Sau khi đỗ được bổ chức Hàn lâm viện biên tu Nội các, rồi thăng tri phủ Hoảng An (Bến Tre), tri phủ Tân An (Gia Định). Năm Tự Đức thứ 6 (1853) giáng bổ Giáo thụ huyện Điện Bàn, sau thăng quyền đốc học Quảng Nam. Cụ Phổ từng làm tri phủ Cẩm Giàng, chẳng bao lâu bị giáng chức làm giáo thụ Hải Dương. Sau làm đốc học tỉnh Hải Dương. Trong cuốn sách *Quốc triều đăng khoa lục*, ông Cao Xuân Dục (1842- 1923) từng là thượng thư bộ học, lại là nhà sử học, đã bình phẩm rằng :”*Đó là người có khí tiết, không a dua, không thiết gì sự thăng quan tiến chức, chỉ lấy câu thơ, chén rượu làm vui, Người bấy giờ ví ông với Đào Tiềm*”.

Cụ Phổ sinh ra Nguyễn Tường Tiếp làm tri huyện Cẩm Giàng, được gọi là Huyện Giám. Ông huyện Giám có người con là Nguyễn Tường Chiêu, tục gọi là Nhu sinh năm 1881, vừa học Hán vừa thạo chữ tây, có thời kỳ sang Sầm Nưa (Lào) làm thông phán toà sứ, nên thường gọi là Thông Nhu hay Phán Nhu. Ông Nhu lập gia đình với bà Lê Thị Sâm, sinh được 7 con, một gái sáu trai. Thế Uyên hồi ức: *Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khốn quẫn sau khi ông (tức ông Nhu) mất bên Lào . Bà buôn bán tảo tần nuôi bảy người con ở cái phố huyện buồn thiu...Các anh em trai đi học, mẹ tôi là con gái độc nhất nên ở nhà thay mẹ lo việc nội trợ.*

Thế Uyên, Duy Lam (con trai bà Nguyễn Thị Thế, gọi Nhất Linh là cậu), Nguyễn Tường Tâm (cháu gọi Duy Lam và Thế Uyên bằng cậu).

Tường Nhu (con Thạch Lam)

Từ Dung (con Hoàng Đạo), Thơ Thơ (cháu ngoại Hoàng Đạo)

Hai người đàn bà phía sau Tự Lực Văn Đoàn Khúc Hà Linh

Thế kỷ trước, ở phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương, trong gia tộc Nguyễn Tường có hai người phụ nữ được nhắc nhiều trong đời sống văn học. Chồng, con say mê hoạt động văn chương, xã hội... còn họ lùi vào phía sau với thiên chức làm mẹ, làm vợ. Danh vọng, thành công của những người đàn ông đó có một phần ở sự tảo tần của họ.

Trại Cẩm Giàng bà Nhu

Bà Lê Thị Sâm là con gái đầu lòng cụ Lê Quang Thuật, người gốc Huế, làm quan võ ở huyện Cẩm Giàng. Bấy giờ tri huyện Cẩm Giàng Nguyễn Tường Tiếp (tục gọi là huyện Giám), quê gốc Quảng Nam, có con trai là Nguyễn Tường Nhu đến tuổi lấy vợ, mới cho người mai mối hỏi cô Lê Thị Sâm về làm dâu họ Nguyễn Tường. Bà đã gồng mình gánh vác cơ nghiệp nhà Nguyễn Tường để nuôi mẹ chồng và bảy người con ăn học thành người, trong đó có ba nhà văn thuộc vào hàng trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) - một phong trào văn chương nổi tiếng trên văn đàn nước nhà những năm 30-40 thế kỷ trước: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

Lấy chồng hơn chục năm, bà có sáu người con, dời từ ấp Thái Hà về số 10 Hàng Bạc, Hà Nội, rồi hết về quê Cẩm Giàng lại theo con cả Nguyễn Tường Thụy ở Tân Đệ, Thái Bình. Do buôn bán ở Thái Bình được một năm chẳng thuận, bà Nhu lại đưa cả con thuyền gia đình về Hà Nội. Khi vợ Nguyễn Tường Thụy xin ra ở riêng, bà lại về Cẩm Giàng. Đang bơ vơ không biết ăn ở ra sao thì người bạn thân gạo ngày trước là bà cả Hội nợ bà Nhu 60 đồng Đông Dương từ trước, trừ tiền nợ bằng hai mẫu đất cho bà Nhu. Thế là đào ao, đắp nền, làm nhà... Bà làm nhà gỗ, lợp rạ, cột vuông, bốn chung quanh hiên rộng. Nhà ba gian, gian đầu phòng khách, gian giữa thờ gia tiên, gian trong để ở. Trần nhà lát nửa dập thẳng. Mái rạ lợp dày xén rất đẹp, quanh nhà có lan can gỗ, gọi là Nhà ánh sáng.

Thời ấy khách đi tàu Hà Nội -Hải Phòng có thể nhìn rất rõ một khuôn viên trang trại có những ngôi nhà thấp thoáng dưới lùm cây xanh. Đến sau này các con trưởng thành, hoạt động văn chương, làm báo Phong Hóa, Ngày Nay ở Hà Nội, nhưng cuối tuần họ lại rủ bạn bè về trại thăm mẹ và nghỉ ngơi bàn luận chuyện văn. Cái tên trại văn chương TLVĐ hoặc trại Cẩm Giàng bà Nhu ra đời và đi vào văn học sử nước nhà.

Những ngày cuối năm 1932, ba anh em Nhất Linh mới ra làm báo Phong Hóa, còn gặp khó khăn, ai cũng sợ báo ế. Bà nói như đinh đóng cột: “Cái ấy khó gì, nếu không bán hết, mang về cho mẹ gói cau cày tiện...”. Câu nói ấy như luồng gió gạt bỏ hết những lo lắng trong những ngày đầu gian khó của nhóm.

Nhờ có người giúp đỡ, ngày 31.8.1917, tức 14.7 năm Đinh Ty, ông Nhu sang Lào (Sầm Nưa) làm thông phán tòa sứ, được đem theo vợ để buôn bán mưu sinh. Thật không may, được tám tháng, ông bạo bệnh qua đời. Một mình nơi xa xứ, lo chôn cất chồng xong, bà Nhu trở về Việt Nam đi hết 12 ngày đường bộ và đường thủy, gian nguy vô ngần. Mãn tang chồng một năm, bà cùng bốn người thân lại sang Lào để mang hài cốt ông về nước đặt mộ bên bờ ao thuộc làng La A, xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng.

Bà Nhu tôn trọng chí hướng của các con. Ngày Hoàng Đạo tốt nghiệp cử nhân luật, được bổ chức tri huyện, đã về xin ý kiến mẹ. Bà bảo con: “Nay con thành đạt rồi mỗi người có chí hướng

riêng, tùy con định đoạt. Ông cha ngày xưa nổi tiếng thanh liêm, làm quan thương dân để đức cho con cháu. Các con đừng làm gì hại đến thanh danh tiên tổ...”.

Góa chồng khi mới 37 tuổi, bà táo tợn khuya sớm đi về làng quê cấy gạo. Không đủ sống, đành nấu thuốc phiện, biết là hiểm nguy có thể bị Tây bắt bỏ tù bất cứ lúc nào. Chỉ đến khi các con học hành thành đạt, đi làm có lương mới mát mặt. Trừ Thạch Lam, và con gái Nguyễn Thị Thế, còn lại 5 người đều có bằng cử nhân, riêng Nhất Linh đỗ cử nhân khoa học Pháp trở về nước làm báo, làm văn chương... Nuôi dưỡng được ngần ấy người con, bà Nhu vượt qua bao nhiêu sóng gió. Nhưng bù đắp lại bà Nhu có những niềm vui. Đó là năm 3 người con trai Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) và bác sĩ Nguyễn Tường Bách đều trở thành đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam độc lập. Rồi Hoàng Đạo làm Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế trong chính phủ liên hiệp lâm thời, sau đến Nhất Linh làm Bộ trưởng Ngoại giao trong chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng 8.1945, bà tu ở chùa Đào Xuyên, qua chùa sư nữ ở Bối Khê, rồi về Hà Nội tu tại chùa Hai Bà. Khi biết tin Hoàng Đạo đột tử ở ga Thạch Long, Trung Quốc, vị sư già đã làm lễ cầu siêu cho con trong nơi cửa Phật. Rồi bà theo con vào Sài Gòn, tu ở chùa Xá Lợi cho đến năm 1960. Ít lâu sau bà viên tịch tại đó.

Vợ nhà văn Nhất Linh

Người đàn bà ấy dưới mắt một phóng viên báo Đông Tây ở Hà Nội thời bấy giờ, được khắc họa: “Đôi mắt bà chớp chớp... Một đôi mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả. Ánh sáng vừa dịu, vừa như có một cái gì như sẵn sàng vì mọi người... Tôi nhớ mãi cặp mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân yêu của mình. Cặp mắt của người đàn bà Việt Nam, cũ kỹ, táo tợn, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ”. (trích từ Từ bến sông Thương, Anh Thơ - hồi ký 1986).

Ấy là bà Phạm Thị Nguyên (1909-1981), quê làng Phượng Dực, Thường Tín, tỉnh Hà Đông, trước năm 1945 là chủ hiệu buôn cau khô có tiếng ở Hà Nội mang tên Cẩm Lợi.

Vào tuổi đôi mươi, Phạm Thị Nguyên kết hôn với nhà văn Nhất Linh, ở nhà 15 phố Hàng Bè, Hà Nội. Bà vẫn bán cau khô, mở rộng quan hệ buôn bán suốt trong Nam ngoài Bắc, toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp của chồng. Những năm tháng chồng mải mê làm báo, cố sứt phong trào Ánh Sáng..., bà vật lộn với nghề buôn bán cau, nuôi đàn con (13 lần đẻ chỉ nuôi được 7), làm hậu thuẫn cho chồng thi thố giữa cuộc đời. Hiếm ai biết rằng bà từng tham gia phong trào Ánh Sáng, xóa nhà ổ chuột, làm nhà tranh tre sáng sửa cho dân nghèo thợ thuyền...

Người đàn bà có tấm lòng bao dung ấy được chồng yêu... Mỗi lần viết xong và xuất bản được một cuốn truyện mới, Nhất Linh luôn đưa vợ đi biển Sầm Sơn nghỉ ít ngày. Hồi Nhất Linh ẩn cư ở Đà Lạt giữa thiên nhiên ngoạn mục cũng không quên đưa bà lên cùng thưởng thú chơi phong lan. Có những buổi sớm mai khi con còn trong giấc ngủ, hai ông bà đã bên nhau uống trà nóng, rất là tương đắc. Nhất Linh yêu quý vợ, còn yêu cả cái tên đất tên làng của vợ. Ở Sài Gòn, ông cho in lại các tác phẩm cũ thời TLVĐ và viết tác phẩm mới. Ông đã lấy chữ Phượng (Phượng Dực quê vợ) và chữ Giang (Giàng) nơi sinh trưởng của mình là Cẩm Giàng, rồi ghép thành tên Nhà xuất bản Phượng Giang.

Làm vợ nhà văn Nhất Linh, một nhân vật nổi tiếng thời TLVĐ, bà Nguyên sống trong nụ cười và nước mắt. Bà đau buồn nhất là những năm Nhất Linh lưu vong ở nước người trên đảo Sừng Châu, Trung Quốc. Bà đã vượt dặm đường gian nan nguy hiểm đi thăm và tiếp tế cho ông. Lo lắng khi thấy chồng sống cô độc trên đất khách, bà tìm cách nhắc lại một cách khéo léo về thời TLVĐ làm báo, viết sách của chồng. Như một phép lạ, nét mặt Nhất Linh vui, tươi sáng. Ở

trang đầu bản thảo tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, Nhất Linh viết tại Hương Cảng có mang những dòng chữ: Tặng Nguyên, người rất thân yêu, đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này khởi đầu từ 1940 mới được viết tiếp theo. Hương Cảng trên núi, ngày 16.10.1949. Nhất Linh.

Sống dưới chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, Nhất Linh cực lực phản đối chính quyền đàn áp những người đối lập và tham gia ủng hộ cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi và Vương Văn Đông. Việc không thành, ông bị Tòa án quân sự đặc biệt gọi ra tòa xét xử.

Trước lúc quyên sinh, Nhất Linh để lại 2 bản di chúc. Một bản nói với cuộc đời và một bản dành riêng cho vợ với hai mươi từ tuyệt mệnh: “Mình, mối tình của đôi ta hàng bao năm đẹp để lắm rồi, không... mong ước gì hơn nữa. Anh, Nhất Linh. 7.7.1963”.

Năm 1981, bà sang Pháp đoàn tụ với con, mất tại đó. Năm 2001, hài cốt của bà được đem về nghĩa trang Hội An, Quảng Nam. Mộ bà nằm bên mộ chồng và mộ cụ tổ Tiến sĩ Nguyễn Tường Phổ, vị quan triều Nguyễn, ra Bắc làm Tri phủ Cẩm Giàng, Hải Dương, người khai nguyên dòng họ Nguyễn Tường trên đất Bắc.

Bà Hoàng Đạo Từ Dung

(con út nhà văn Hoàng Đạo)



Bà Hoàng Đạo

Tôi không biết phải bắt đầu ra sao khi viết về mẹ tôi, vì có rất nhiều điều để nói. Cũng có thể dưới con mắt chủ quan, tôi nghĩ bà là một trong những người phụ nữ phương Đông tuyệt vời nhất trên cõi đời này. Người mẹ dịu hiền mà tôi được may mắn biết đến, với đầy đủ những đức tính về công, dung, ngôn, hạnh của một người đàn bà Á Đông, đã hy sinh cả một cuộc đời mình cho chồng, cho con và cho những nghĩa cử từ thiện ngoài xã hội với nụ cười luôn trên môi cùng chiếc răng khểnh duyên dáng.

Công, Dung, Ngôn, Hạnh

Về mặt dung nhan, vẻ đẹp dịu dàng và đằm thắm của mẹ tôi đã hơn một lần làm rung động những người phái nam có địa vị quan trọng trong nhiều lãnh vực xã hội. Bà cao dong dỏng, thân hình đều đặn thanh tú, nước da mịn màng trắng trẻo, dáng đi yếu điệu và uyển chuyển,

khuôn mặt trái soan, cặp mắt hơi hiếng (lé kim), mơ màng nhưng sâu sắc, miệng cười duyên dáng với chiếc răng khểnh và cặp môi đầy đặn. Tôi có đọc vài cuốn sách viết về mẹ tôi với những lời mô tả thiên lệch bắt nguồn từ những ghen ghét nhỏ mọn. Những người viết này cố tình hạ thấp dung nhan, phẩm hạnh của bà vì đố kỵ nên những người từng được tiếp xúc với bà vô cùng bất mãn vì những dối trá trắng trợn đó. Theo ý một số những người có dịp tiếp xúc với bà, bà là một trong những người đẹp và hợp thời trang nhất tại Hà Nội vào những thập niên 1930-40. Ngay cả về sau, khi đã trên bốn mươi tuổi và có bốn người con lớn, bà vẫn là một phụ nữ có vẻ đẹp sang trọng và thanh lịch có tiếng ở Sài Gòn.

Tôi còn nhớ, trong lúc ở giá để nuôi các con ăn học thành tài, mẹ tôi đã từ chối khéo léo và khiêm nhượng những người đàn ông theo đuổi bà và về sau họ vẫn quý mến và nể phục tư cách của mẹ tôi. Một trong những người này đã qua đời đã giữ lòng thương quý mẹ tôi ngay cả khi bà đã tạ thế. Khi ra đi nước ngoài, ông gửi thơ về nhờ tôi đặt lên mộ mẹ tôi một bó hồng đỏ thắm mỗi tuần lễ, như ông vẫn thường làm trước khi ra đi!

Mẹ tôi đã từ chối tất cả những người đàn ông đến sau, vì trong trái tim của bà chỉ có hình bóng của một người yêu duy nhất, đó là ba tôi, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long.

Về công, tức là tài năng khéo léo, ít có người phụ nữ nào có tài nấu nướng những món ăn Việt cũng như Pháp tuyệt hảo như mẹ tôi. Nào canh bóng, vây, bào ngư, nấm nhồi giò, chả nem rán, bánh chưng gói, món Tây thì súp legume, bò hầm đậu, cua phá xi...

Các ngày giỗ chạp, tiệc rượu linh đình, một mặt mẹ tôi nấu ăn và chỉ dẫn cho người giúp việc, một mặt tiếp đãi khách với nụ cười hiền thực trên môi. Ai cũng phải mến yêu bà. Chị Thu tôi đã lớn thì giúp một tay, còn tôi bé út nhất nhà (cách anh Lân đến 9 tuổi) chỉ chạy chơi và chực ăn trứng luộc trên bàn thờ!

Sau này mẹ tôi mở tiệm Chả Cá Thăng Long (1959) ở đầu đường Phan Thanh Giản. Tiệm rất đắt khách và là một trong những tiệm ăn sang trọng thanh lịch và ngon lành tinh khiết nhất Sài Gòn lúc bấy giờ.

Về ngôn, khoa ăn nói, mẹ tôi ăn nói nhã nhặn, điềm đạm và nhu thuận, lúc nào cũng giữ vẻ bình tĩnh. Bà cũng dạy các con phải ăn nói đàng hoàng. Ngoài phái nam ra, phái nữ cũng thương mến bà, bạn bè và các bà cô, dì hai bên họ đều tìm đến bà khi hoạn nạn, nhưng cũng có một số nhỏ đem lòng ghen tị và tìm cách bôi nhọ thanh danh bà.

Về phẩm hạnh, không ai có thể chối cãi rằng mẹ tôi là một phụ nữ đảm đang, hy sinh cả cuộc đời cho chồng, cho con mà không hề phàn nàn, than vãn.

THỜI THƠ ẤU CỦA MẸ TÔI - BA MẸ TÔI GẶP GỠ NHAU

Sinh ra trong một gia đình quý phái, trưởng giả, mẹ tôi lại có những đức tính đơn giản, tốt bụng hay thương người. Ông ngoại tôi làm tham tá công chánh dưới thời Pháp thuộc, bà ngoại tôi là một mệnh phụ đài các nhưng khôn ngoan, biết quản lý tài sản của ông tôi, biết tiết kiệm. Mẹ tôi lại là con một nên được lo toan rất chu đáo, quá chu đáo đến nỗi mẹ tôi cảm thấy ngột thở. Bà ngoại tôi tính tình độc đoán, muốn chồng con phải phục tùng theo cách sinh hoạt của bà. Thậm chí mẹ tôi chỉ được quyền chơi những đồ chơi bà ngoại cho phép. Mẹ tôi kể lại rằng một lần ông ngoại lén cho mẹ một con búp bê mà mẹ tôi thích, khi bà ngoại biết được, bà lập tức vứt đi. Mẹ tôi khóc và nhớ mãi chuyện ấy. Bà ngoại rất yêu mẹ tôi, nhưng cụ vẫn giữ tính khắc nghiệt đó nên có những đụng chạm cãi vã không thể tránh được giữa hai mẹ con.

Khi ba mẹ tôi gặp gỡ nhau, họ bị tiếng sét ái tình đánh choáng váng. Một bên cảm vì sắc, một bên mến vì tài. Ba tôi tuy ít nói, nhưng có lối châm biếm khôi hài thật duyên dáng và sâu sắc đã chinh phục trái tim trong trắng của mẹ tôi. Tính cách khôi hài này được thể hiện trong tập “Trước vành móng ngựa”. Mỗi tình của ba mẹ tôi là nguồn hứng khởi của mỗi tình của Duy và Thơ trong “Con đường sáng”. Là một phụ nữ có tâm hồn nhạy cảm và chịu ảnh hưởng phong trào văn hóa mới vì mẹ tôi theo học trường Pháp và tốt nghiệp trường Pháp, bà thông cảm và hỗ trợ chí hướng phi thường của ba tôi, người đã từ chối chức tri huyện khi tốt nghiệp cử nhân luật, sau lại bỏ chức biện lý vì chống lại tòa án Pháp thuộc ngày đó. Điều này thể hiện trong tác phẩm “Trước vành móng ngựa”.

Phải là một phụ nữ phi thường mới thấu hiểu và tôn trọng một tâm hồn phi thường như ba tôi, và mới hy sinh tuổi xuân sắc để giúp đỡ chồng một cách đặc lực trong quá trình tranh đấu cho dân tộc và đất nước.

Lần đầu khi đi xem mắt mẹ tôi tại tòa biệt thự của bà ngoại tôi ở bãi biển Sầm Sơn, ba tôi đã bị tiếng sét ái tình. Mỗi tình đẹp như thơ đó đã bị cả hai bên gia đình phản đối, bên nội vì lý do bà nội tôi không chuộng gia đình trường giả, bên ngoại vì không cho là đủ môn đăng hộ đối. Nhưng ba mẹ tôi đã vượt thắng tất cả để tìm đến nhau và lập gia đình!

MỘT CUỘC HÔN NHÂN ĐẦY HY SINH VÀ CHIA LY

Chị cả tôi, chị Minh Thu, ra đời năm 1934, là tác phẩm đầu tiên của sự kết hợp tuyệt vời đó. Năm kế là anh Nguyễn Tường Ánh và cách một năm nữa là anh Nguyễn Lân. Ba mẹ tôi những tưởng anh Lân là con út rồi vì lúc đó ba tôi rất ít khi ở nhà, ông đã bị quay vào guồng máy thời cuộc lúc ấy. Khi ba tôi bị bắt, bị tra tấn tại sở mật thám và sau bị đi đày ở Vụ Bản, Chân Lạp Sơn, mẹ tôi rất lo buồn và đi lại tiếp tế nhiều lần. Tháng Tám, 1946, ba tôi cầm đầu phái đoàn hòa giải, trong đó có cả người của Việt Nam Quốc Dân Đảng, của bên Việt Minh, và có nhân viên bộ Công Chính là kỹ sư Đỗ Xuân Dung để xem tình hình nước lụt ở Việt Trì (ngã ba sông Hồng Đào) và ba tôi bị bắt. Khi được thả ra, ba tôi sang Trung Hoa gặp gỡ bác Nguyễn Tường Tam và các anh em khác. Thời gian đó mẹ tôi thường xuyên mang vật phẩm và tiền bạc sang tiếp tế cho ba tôi và các anh em khác. Ngoài ra, một tay bà lo dạy dỗ các con, chăm sóc mẹ già và cũng một tay bà lo toan hỗ trợ người chồng cách mạng lưu vong nơi xứ người. Phụ nữ như thế không phải ở thời đại nào cũng có!

Ba mẹ tôi lúc ấy như Chức Nữ Ngưu Lang, chẳng được thường xuyên gặp gỡ nên mỗi lần trùng phùng thật quý giá vô cùng! Tôi là kết quả của một trong những lần gặp gỡ đó. Ba tôi gởi thư về dặn mẹ nếu là con gái thì đặt tên Từ Dung, con trai thì Duy hoặc Giản. Như vậy Từ Dung là tên cúng cơm của tôi chứ không phải tên hát xướng đặt theo một nhân vật khác! Từ Dung có nghĩa là hình Dung giống mẹ, vì ba tôi lúc nào cũng tưởng nhớ mẹ tôi.

Tôi ra đời ngày 30 tháng Mười năm 1946 tại Hà Nội trong tình thương yêu của cả nhà. Ba tôi vẫn ở biệt lập bên Trung Hoa nên chẳng thấy mặt tôi, chỉ nhận được tin tức qua thư tín gia đình.

Lần gặp gỡ cuối cùng của ba mẹ tôi năm 1948 tại Hongkong rồi sau đó ba tôi bị một cơn đau tim tạ thế trên đường đi xe lửa về Quảng Châu, lúc đó tôi được 19 tháng. Được tin sét đánh, mẹ tôi phải lo tiền bạc quay trở lại chôn cất ba tôi tại Quảng Châu. Hiện nay không còn biết mộ phần nằm đâu nữa vì các nấm mồ đều bị khai quật dưới chế độ Cộng Sản!

Kể từ đó, mẹ tôi ở vậy nuôi con cho đến khi các con khôn lớn. Bố con tôi chỉ biết nhau qua hình ảnh thư từ. Tôi được nghe kể lại về ba tôi qua lời nói của mẹ, của anh chị và của cậu tôi, Như Phong Lê Văn Tiến.

Tôi nghĩ rằng tôi được thừa hưởng óc khôi hài châm biếm của ba tôi, cũng như dòng máu văn chương chảy cuộn cuộn trong tim óc!

Tại Hà Nội, gia đình tôi sống tại đường Lý Thái Tổ, Hàng Vôi. Trường Hàng Vôi là ngôi trường đầu tiên trên con đường học vấn của tôi. Năm 1990, trước khi rời Việt Nam, tôi ghé thăm ngôi nhà gia đình và ngôi trường thơ ấu. Ngôi nhà xinh đẹp hai tầng có cây bàng trước sân giờ đây ngăn ra cho tám hộ ở, phòng ngăn bằng vải rideau. Bàn thờ tổ tiên vẫn còn nguyên chỗ cũ nhưng chỉ còn một ông lão còn nhớ về nguồn gốc căn nhà.

Trở lại năm 1954, chúng tôi rời căn nhà thân yêu lên đường vào Nam trên một chiếc phi cơ quân đội. Tôi mới có 8 tuổi nên chỉ nhớ là mẹ tôi vội trở lại miền Bắc để thanh toán mấy căn nhà ở Hà Nội của bà tôi và gom tiền bạc để sinh sống trong Nam. Lúc đó sắp sửa đóng cửa ra vào hai miền nên các anh chị, tôi lo lắng sợ mẹ tôi bị kẹt lại Hà Nội.

Khi mẹ về, chúng tôi hết sức mừng rỡ. Chúng tôi tạm ở chia với họ hàng bên ngoại một căn nhà đường Đặng Dung, Tân Định. Đó là thời gian đẹp nhất của đời tôi! Mẹ con, anh chị em đoàn tụ yêu mến nhau. Tôi ở tuổi bắt đầu ý thức được tình cảm quý báu của gia đình. Ý nguyện của tôi là anh chị em tôi sẽ trở lại quây quần như thời đó!

Khi đến học lớp Tư trường Huỳnh Thị Ngà thì tôi gặp khó khăn với cô giáo Nam Kỳ với giọng đọc chính tả mới lạ. Tôi có đến mười lỗi trong bài “Lạc vào rừng” vì tôi không hiểu gì cả. Các bạn chế nhạo accent Bắc kỳ và gọi tôi “Bắc kỳ ăn rau muống”. Đó là bài học đầu tiên của tôi về kỳ thị địa phương dạy tôi sau này chống lại mọi thứ kỳ thị trên cõi đời này!

ĐỜI SỐNG TẠI SAIGON

Cùng lúc ấy, mẹ tôi mở tiệm phở và chả cá Thăng Long trên đường Trần Quang Khải, Tân Định, sau chuyển về tiệm chả cá Thăng Long trên đường Phan Thanh Giản. Sau này ngẫu nhiên quán cà phê nhạc Từ Dung của tôi mở năm 1978 cũng lại tọa lạc trên con đường Trần Quang Khải và người hầu bàn trưởng tại chả cá Thăng Long tên là anh Tư lại trở thành người pha cà phê chính của quán Từ Dung.

Tiệm chả cá Thăng Long do họa sĩ Nguyễn Gia Trí trang hoàng có một vẽ Á Đông trang nhã với những chiếc cột đỏ, những tấm bình phong và hình vẽ đặc biệt Việt Nam rất mỹ thuật. Một tấm tranh dân gian của Phạm Tăng treo dọc cả bức tường trong căn phòng riêng của quán. Bức tranh này sau tôi bị một tay văn sĩ hạng b, c gì đó lừa lấy mất!

Căn nhà mẹ tôi mua rộng lớn, một bên mở tiệm, còn một bên gồm năm phòng để gia đình tôi ở. Tiệm luôn đông khách tấp nập và các danh nhân, nghệ sĩ như Mạc Thu, Nguyễn Hoạt, bác Nhất Linh, Chu Tử thường xuyên đến ăn chả cá. Thế nhưng vấn đề tài chính không mấy khả quan vì mẹ tôi quá tốt bụng, luôn nuôi ăn ở và trả lương cho 6,7 người giúp việc nên tiền vào tuy khá nhưng ra cũng lắm. Mẹ tôi không bao giờ từ chối mở hầu bao giúp cho những người đến cầu cứu gia đình tôi!

Lúc đó chị Minh Thu, anh Tường Ánh lập gia đình nhưng lúc đầu anh Ánh vẫn ở chung với mẹ tôi. Các anh chị có gia đình riêng nên không còn gần gũi nhau như xưa. Tôi cảm thấy mẹ buồn nhưng không biết an ủi mẹ ra sao, chỉ biết rúc vào lòng mẹ. Khi anh Ánh và vợ dọn đi ở riêng

trong một căn nhà mẹ mua cho anh, tôi được thừa hưởng căn phòng trống cạnh phòng anh Lân. Trước mặt hai căn phòng là một sân cement nhỏ trồng vài cây cảnh như cây trúc đào, cây mận sai trái vì tôi chôn xác con mèo dưới gốc cây.

Đằng sau phòng tôi là một cây trứng cá trái mọng nước và rất ngọt. Căn phòng này đã ghi một ấn tượng sâu đậm về thời thơ ấu của tôi sống êm đềm trong tay mẹ hiền. Có phòng riêng rồi nhưng tôi vẫn đòi ngủ với mẹ để được hít mùi da thịt của bà, thơm mùi nước hoa Guerlain và mùi phấn. Tôi cũng đòi mẹ ngâm thơ Kiều hoặc hát quan họ cho nghe như lúc còn bé tí. Cũng vì vậy mà tôi rất thuộc Kiều và những bài thơ ru em. Mẹ tôi yêu nhạc Đông phương nhưng cũng mê nhạc cổ điển Tây phương, nên khi mẹ mất, gia đình tôi mở nhạc Bach và Beethoven bên quan tài để hương hồn mẹ tôi về thường thức, thay vì giọng ê a của các vị sư hay kinh của các cha cố!

Sau này mẹ tôi bắt đầu gặp khó khăn về tài chính nên phải bán đi một số nữ trang. Lúc đó là đầu thập niên 1960, quân đội Mỹ đổ sang Việt Nam nên mẹ tôi theo trào lưu cũng đẹp tiệm chả cá và cho Mỹ thuê một bên nhà để mở nhà hàng có âm nhạc tên là Kontiki. Đêm nào tôi cũng được nghe tiếng đàn hát vọng sang từ bên nhà hàng của ban nhạc Đăng Tiến, thỉnh thoảng tôi cũng sang hát chơi những bản như Autumn leaves, A very precious love, Mona Lisa....

Tôi khoảng 16 tuổi, tuổi đầy mọng đẹp và bắt đầu mơ đến tình yêu!

Mấy năm sau mẹ tôi bán căn nhà rộng lớn đường Phan Thanh Giản và mua căn nhà nhỏ hơn có ba phòng ngủ và một căn gác ở Ngã năm bình hòa đường Chu Văn An. Nhiều người ngăn cản bà mua căn nhà này vì nó nằm cuối ngõ cụt và có mộ phần đằng sau nhà nên theo địa lý rất xấu. Không biết có phải là mê tín không mà sau này mẹ tôi bị ung thư nặng và chết tại nhà đó, bà ngoại tôi cũng chết theo ở tuổi 98 vì quá đau đớn, mẹ tôi là con duy nhất của cụ, cậu tôi Như Phong Lê văn Tiến bị bắt giam cũng ở đó, gia đình vợ chồng tôi thì phân tán, chia ly. Năm Mậu Thân 1968 nơi này là tử địa của tàn quân Việt Cộng, sau khi VC thất bại trong trận tổng công kích Saigon đã rút lui về nơi đây. Ngôi nhà chúng tôi bị đạn bắn từ máy bay xuống lỗ chỗ đầy những vết đạn, cũng may là khi cả khu phố bốc cháy như một con rồng lửa thì bỗng dừng lại khi tới nhà chúng tôi. Thật là một phép lạ!

Tôi giúp mẹ, bà ngoại và hai mẹ con bác giúp việc chạy khỏi nhà, chân phải chạy lung tung tránh xác VC nằm đầy ngõ và tránh tầm đạn của hai bên bắn nhau. Một ông hỏi ông khác «ai đánh ai?», ông kia trả lời «quân mình đánh quân ta»!

Từ lúc đó mẹ tôi bị ung thư bên cánh tay trái và căn bệnh kéo dài tới năm 1975 thì mẹ tôi mất. Người y sĩ đã hết lòng chữa chạy cho mẹ là bác sĩ Trần Ngọc Ninh, một người bạn thân của gia đình. Hai bác sĩ khác của gia đình tôi là bác sĩ Phan Huy Quát và bác sĩ Kỳ Quan Thân.

Cánh tay xinh đẹp, nuột nà, trắng bóc của mẹ tôi chỉ để đeo những nữ trang quý giá nay đã bị cắt đi đến hai lần, và sau cùng căn bệnh quái ác đã ăn vào tủy sống làm mẹ hôn mê trong 24 tiếng đồng hồ trước khi từ giã cõi đời. Trước khi bị hôn mê, căn bệnh ăn vào tủy làm bà thấy mọi vật nhuộm muôn màu muôn sắc.

Không có gì diễn tả nỗi nỗi đau đớn của người mắc bệnh ung thư. Lầu 5 của viện ung thư ở Gia Định phải rào lại vì nhiều người trong cơn đau đã nhảy xuống tự vẫn. Trong khoảng cuối cùng của cuộc đời đầy hy sinh, chịu đựng, đau đớn, bà vẫn tiếp tục làm phước, giúp người. Bà bảo trợ cho một số người bị ung thư trong viện, trong số đó có một anh binh sĩ trẻ, đẹp trai như Alain Delon. Anh bị ung thư xương chân, chỉ trong vài tháng là từ trần. Mẹ tôi, lúc đó đã phải

dùng tới codein cho bớt đau và bò lét dưới đất rên la, cũng vẫn lo cho anh trong những ngày chót của cuộc đời anh!

Tại sao một phụ nữ hiền hậu như mẹ tôi và có lòng thương người lại phải chịu một số phận đờn đau như vậy? Khi mẹ tôi chết đi, bà không bám víu vào một niềm tin tôn giáo nào cả vì bà không tìm thấy đức tin nơi cuối đời. Lúc gần chết, bà cảm thấy hoang mang...

Khi nhìn ngắm xác mẹ trong chiếc áo trắng tôi mặc cho bà và cành hoa lan trắng trước ngực bà, tôi mới ý thức được nỗi mất mát lớn lao đến thế nào. Đã quá muộn để chiều chuộng mẹ, để nói rằng mẹ ơi con yêu mẹ, để cảm ơn bà cho tôi đời sống hôm nay và niềm tin ngày mai.

Có một con bướm trắng bay quanh quan tài của mẹ nhiều lần trước khi hạ huyệt, có phải chăng linh hồn mẹ muốn từ giã các con lần cuối?

Từ Dung xin thay mặt người quá cố cũng như các anh chị gửi lời cảm ơn anh Sơn con của cô Thế đã lo việc rải tro xuống biển cho bà và mẹ chúng tôi tại Việt Nam để linh hồn bà và mẹ chúng tôi được siêu thoát và xin Chúa ban phước lành cho anh và gia đình anh.

Chấm hết

Bố tôi Thạch Lam

Tường Nhung

(con gái lớn Thạch Lam,
chị Nguyễn Tường Giang)

Ngày đưa đám Bố, tôi được ngồi xe kéo chung với mẹ tôi. Trước giờ đưa đám, bà vú bắt tôi mặc áo tang may bằng vải xô thô sơ, lại có dây bằng gai thắt ngang bụng, lại thêm cái mũ mấn chụp vào đầu, kéo miếng vải ở phía trước chụp xuống mắt thì chỉ còn nhìn thấy hai bàn chân mình mà thôi. Tuy còn nhỏ nhưng có lẽ tôi cảm nhận được sự đau buồn qua chiếc áo tang hay có nhẽ vì trông chiếc áo và mũ đó quá xấu và kỳ dị mà tôi chưa thấy bao giờ, cho nên tôi đã khóc và trốn vào trong tủ áo nhất định không chịu mặc khi đưa đám bố tôi.

Ngày bố tôi mất, tôi lên 6 tuổi, em kế tôi 3 tuổi và em út mới sanh được 3 ngày. Cả hai em tôi đều là trai. Bố tôi bị lao phổi, vì thời gian đó làm việc quá sức. Một mình ông phải trông coi nhà in, xuất bản báo, viết bài, viết truyện. Bố tôi bị bệnh nằm nhà đã mấy tháng nhưng vẫn tỉnh táo, ngay trước khi mất vài tiếng đồng hồ, cũng vẫn tỉnh. Thấy bố tôi đau lâu mà không bớt, bà Nội và cô tôi đi coi bói hỏi về bệnh trạng của Bố tôi. Thầy bói nói sợ bố tôi không qua khỏi, nhưng sau khi ông bấm số của Mẹ tôi, Mẹ tôi lúc ấy đang mang thai người em út gần đến ngày sinh. Ông bảo: "Nếu bà sanh con gái thì nên làm tiệc lớn ăn mừng, còn nếu con trai thì nên lo trước việc tang lễ, vì đứa con trai này khác cha mẹ và anh chị em nữa. Tuy Bà và Cô tôi không tin hẳn lời của ông thầy bói, vì cậu tôi vẫn còn tỉnh táo lắm, nhưng cả hai đều rất lo lắng. Rồi ngày sinh em của Mẹ đã đến. Khi biết là con trai thì Bà và Cô tôi khóc rất nhiều. Mọi người dẫu Mẹ tôi về chuyện đó. Mẹ tôi ở nhà thương được 2 ngày thì tối ấy Bố tôi hơi trở bệnh mệt hơn.

Sáng sớm ngày thứ 3 thì Bà tôi cho người đến đón Mẹ về vì muốn Bố tôi thấy mặt em tôi. Lúc ấy Bà phải nói cho Mẹ tôi biết về lời thầy bói nói. Thế là cả 3 đều khóc, phải xuống dưới bếp khóc vì sợ làm động đến Bố tôi. Người nào mất cũng đỏ hoe. Mẹ tôi bế em tôi vào để bố nhìn

mặt. Bố tôi bảo đã dậy để nhìn em cho rõ hơn, Bố tôi ngắm nghía em rồi khen thằng bé khá khinh và khỏe mạnh, rồi quay qua Mẹ tôi mắng nhẹ, sao lại bế con về nhà sớm vậy, mới sinh nở còn non nớt, còn yếu, phải nằm lại nhà thương một tuần lễ chứ. Thế là mẹ tôi không thể cầm lòng được nữa và ra khóc nức nở. Bố tôi cau mày và nói, tôi đã chết đâu mà khóc.

Đến trưa bố tôi tỉnh dậy và đòi ăn na, thứ na bở mùi thơm ngon ngào ngọt mà bố tôi thích nhất. Ngoài na ra bố tôi còn thích ăn dưa hồng và dưa gang, các thứ dưa đó khi chín cũng tỏa ra một mùi thơm thật nhẹ nhàng. Ăn được vài miếng thì bố tôi lại đuối sức mệt lả, người nhà vội đỡ bố tôi nằm xuống, và bố tôi bắt đầu thiếp dần. Chiều đến thì chú Bảy tôi đến thăm, chú đã ngồi lại trong phòng bố tôi rất lâu. Khi chú bảy tôi đẩy cửa bước ra thì mọi người trong nhà đều nhìn chú bảy tôi bằng ánh mắt chờ đợi một hy vọng may mắn do chú tôi đem lại, vì lúc ấy chú Bảy tôi đã đậu xong bằng bác sĩ, cho nên chú biết rất rõ về bệnh trạng của bố tôi. Chú bước ra và đi rất vội vàng không nhìn ai cả. Có lẽ chú sợ làm cho mọi người ruột thịt trong nhà mất hết niềm hy vọng đã đặt vào chú là chú có thể chữa khỏi bệnh cho Bố tôi. Về mặt đau buồn và cặp mắt đỏ hoe của chú đã nói lên được sự sắp ra đi của Bố tôi. Cho nên chú chỉ nói một câu tiếng tây ý nghĩa là bệnh của Bố tôi không khỏi được và sự ra đi vĩnh viễn của Bố cũng gần đến. Vài giờ sau đó thì Bố tôi tắt thở.

Ngày đưa đám Bố, tôi được ngồi xe kéo chung với mẹ tôi. Trước giờ đưa đám, bà vú bắt tôi mặc áo tang may bằng vải xô thô sơ, lại có dây bằng gai thắt ngang bụng, lại thêm cái mũ mấn chụp vào đầu, kéo miếng vải ở phía trước chụp xuống mắt thì chỉ còn nhìn thấy hai bàn chân mình mà thôi. Tuy còn nhỏ nhưng có lẽ tôi cảm nhận được sự đau buồn qua chiếc áo tang hay có lẽ vì trông chiếc áo và mũ đó quá xấu và kỳ dị mà tôi chưa thấy bao giờ, cho nên tôi đã khóc và trốn vào trong tủ áo nhất định không chịu mặc khi đưa đám bố tôi. Chiếc xe tang có 4 con ngựa kéo, ngựa được phủ cái choàng màu đen có viền ren trắng, kéo theo chiếc quan tài được phủ bằng nhung đen chung quanh có tua, bốn góc của chiếc xe tang có 4 người thân tay cầm mỗi người một sợi dây từ bốn góc của chiếc quan tài đi chậm chậm theo xe tang. Mẹ tôi mặc áo tang may bằng vải xô, buộc ngang lưng bằng dây gai, đầu đội mũ mấn, tóc xỏa ngang lưng, chẳng nhìn thấy mặt mẹ tôi đâu cả. Lúc ấy Mẹ tôi mới ngoài 30 tuổi. Bố tôi chết đi để lại cho mẹ tôi 3 đứa con còn quá nhỏ dại, về vật chất thì chẳng có gì, ngoài những cuốn truyện, tiểu thuyết, mà sau này khi chúng tôi khôn lớn đó là một gia tài vô cùng quý giá và là một niềm hãnh diện cho chúng tôi. Không biết mẹ tôi lúc ấy nghĩ gì và đau buồn ra sao, nhưng tôi chắc Mẹ tôi đã đau buồn đến cực độ. (Tôi sẽ viết về Mẹ tôi vào một dịp khác)

Khi quan tài hạ huyệt thật là thảm thiết, Bà, Cô Chú Bảy cùng bạn bè thân thiết của Bố tôi, ai nấy đều quá đau lòng thương tiếc người ra đi còn quá trẻ, khi nhìn cảnh Mẹ tôi cứ khóc ngất đi và không còn nói ra lời nữa. Tôi thì cứ nhìn mọi người khóc rồi cũng khóc theo luôn. Em kể tôi khi nhìn thấy có bát cơm đầy, trên có cắm đôi đũa vòng và có hai cái trứng gà luộc thì chỉ tay và đòi ăn. Chị em chúng tôi nào đã biết được sự chia ly chết chóc như thế nào đâu.

Tôi còn nhớ rất rõ về hình dáng của Bố tôi, Bố tôi rất cao, da trắng hồng trông như lai tây vậy. Bố tôi hay mặc bộ vét màu kem nhạt may bằng hàng vải đũi, đầu luôn đội cái mũ phớt, chân đi giày tây, lúc nào cũng bóng loáng. Quần áo của bố tôi lúc nào cũng phải là thẳng tắp, bố tôi rất ngăn nắp thứ tự và rất quý sách. Bố tôi có một tủ sách bìa mạ chữ vàng được xếp rất ngăn nắp. Có một lần cô Năm tôi sang thăm, cô tôi có dẫn theo 2 người con trai đang ở tuổi nghịch phá, và họ đã vào phòng sách và lục sách của bố tôi. Bố tôi nói ngay với cô tôi lần sau chị sang thăm em thì chị đến một mình, đừng dẫn theo mấy cháu nữa". Cô tôi đã quá quen thuộc với tính nói thẳng của bố tôi cho nên không bao giờ giận bố tôi cả. Ngày bác Ba tôi có người con bị chết, bác Tư gái không đến chia buồn được, cô tôi nói với bố tôi về chuyện đó, bố tôi bảo "nếu chị Tư không đến đưa đám con chị Ba thì khi nào con chị Tư chết thì chị Ba cũng không phải đến". Tuy cô tôi đang buồn về việc cháu mất cũng phải phì cười vì câu nói của bố tôi. Cô chỉ

làm thắm một mình “Ai mà muốn con mình chết bao giờ”. Cô tôi và bố tôi rất thân và thương nhau vì lúc nhỏ khi các bác tôi đi học ở xa nhà chỉ còn có 3 chị em mà chú Bảy thì lại còn nhỏ, Bố tôi chỉ kém cô tôi có một tuổi. Khi cô tôi đi lấy chồng, bà tôi cũng bắt đầu ngấm nghe vợ cho bố tôi. Bà rất ưng ý một cô con của bà bạn thân, nhà rất khá giả và cô cũng đẹp. Bà cô có đánh tiếng và nhà gái bằng lòng chỉ chờ bố tôi đi xem mặt. Bà tôi thúc dục bố tôi mấy lần, nhưng lần nào bố tôi cũng tìm cách từ chối khéo, dằng dưa mãi cả gần năm trời, nhà gái thấy bố tôi vẫn chưa động tĩnh gì bèn nhờ người sang dò hỏi bà tôi một lần chót để bà quyết định vì có người khác muốn đi hỏi cưới cô con gái bà.

Bố tôi biết tin ấy bèn thưa với bà tôi là “Mẹ bảo cô ấy đi lấy chồng đi” thế là từ đó bà tôi không đả động gì đến chuyện cưới vợ cho bố tôi nữa. Khi gặp mẹ tôi, bố mẹ tôi đã yêu thương nhau ngay. Bố tôi về thưa chuyện với bà tôi để cưới mẹ tuy lúc đầu bà tôi có hơi ngần ngại vì chưa biết mặt mẹ tôi và gia thế như thế nào. Bà và cô tôi có bàn với nhau về chuyện đó, nhưng bà tôi biết tính của bố tôi, khi đã quyết định chuyện gì thì khó có ai mà lay chuyển đổi ý được phần nữa tính của bố tôi rất khó chiều. Sau cùng bà và cô tôi đã chấp nhận mẹ tôi rất vui vẻ, bà và cô tôi nói với nhau “thế là từ nay mọi chuyện của bố tôi đã có mẹ tôi gánh lấy, mẹ con mình được thanh thoi”. Mẹ tôi hơn bố tôi vài tuổi, bà tuy hơi thấp so với bố tôi, nhưng bà rất đẹp và rất khéo chiều bố tôi. Bà hiểu rõ rất tỉ mỉ từng chi tiết, những sở thích của bố tôi và tôn trọng tất cả những gì mà bố tôi quyết định. Cà phê mà bố tôi uống mỗi buổi sáng phải chính tay mẹ tôi pha. Cà phê mua thứ thượng hạng nguyên hạt đem về nhà xay lấy. Khi bố tôi vừa ở tòa soạn về thì đã có sẵn một chậu nước nóng ấm và một cái khăn mặt để sẵn để bố tôi lau mặt. Thay áo quần ra, sau khi tắm xong thì cơm nước đã dọn sẵn. Ăn cơm xong bố tôi có thói quen ra ngồi ngoài hiên trước nhà để ngắm cảnh, tuy đã về chiều nhưng cũng còn một vài chiếc thuyền, trên chõ những cặp tình nhân họ chèo thật chậm nhìn ngắm mặt trời lặn và thủ thi những lời âu yếm. Bố tôi lúc nào cũng rủ mẹ tôi ra cùng ngồi và trò chuyện tâm tình cùng mẹ. Bố tôi ít nói, nhưng khi nói thì đã diễn tả hết ý mình, mẹ tôi rất thích được nghe bố tôi nói chuyện đó là những giây phút sung sướng của mẹ tôi.

Bố tôi viết văn, viết báo, và có nhà in riêng do một nhóm anh em và bạn bè chung vốn, bố tôi rất bận rộn với công việc. Sáng sớm đã rời nhà để lên tòa soạn làm việc, chiều mới về. Khi về, bố tôi đi tắm thay bộ áo ngủ, trong lúc bố tôi tắm thì mẹ tôi đã sửa soạn bữa ăn tối, thức ăn bố tôi không đòi hỏi phải nhiều thịt, cá hay thịnh soạn, nhưng món gì cũng phải thật tinh khiết, sạch sẽ, và bày cho gọn và đẹp mắt. Bố tôi thích những món ăn thanh như canh giò sống nấu rau ngót, cải xanh nấu cá rô, rau muống luộc, đậu hũ chiên tẩm hành lá hay cá chép rán vàng, và tuyệt đối không bao giờ được dọn món ăn mà đã dọn ăn ngày hôm trước. Có một lần mẹ tôi kho một nồi cá thật công phu định để làm món mặn ăn mấy ngày. Ngày đầu dọn cá kho ra bố tôi thích lắm vừa ăn vừa khen và ăn hết gần một khúc cá kho.

Qua ngày hôm sau mẹ tôi lại dọn cá kho ra nữa bố tôi hỏi mẹ tôi “Cá này là cá gổ phải không?” và không đụng đũa vào đĩa cá nữa từ đó trở không bao giờ mẹ tôi dọn thức ăn đã ăn ngày hôm trước nữa. Nhà cửa thì lúc nào cũng phải sạch sẽ, gọn gàng. Trước giờ bố tôi về, mẹ tôi luôn coi lại nhà cửa tuy lúc nào cũng dọn dẹp cho sạch rồi nhưng nhà có trẻ con thì không thể giữ được gọn gàng như ý muốn. Chỉ một chiếc guốc hay dép hoặc đồ chơi của trẻ con vứt ở giữa nhà thì cả nhà bị mắng ngay. Bố tôi rất khó tính và ít khi cười nhưng lại rất thương người. Có thời gian nhà có một anh phu xe để kéo xe cho bố tôi đi làm hàng ngày nhưng khi trời mưa thì bố tôi bảo mưa ướt tội nghiệp, khi nắng thì bố tôi cũng bảo nóng quá kéo xe mệt, và thấy anh kéo xe đổ mồ hôi thì cũng không đành. Rút cuộc bố tôi lại đi xe ngoài để đi làm, anh phu xe chẳng mấy khi được kéo xe cho bố tôi cả, quanh quẩn ở nhà phụ việc lật vật với mẹ tôi.

Bố tôi rất yêu tôi, tối nào sau khi ăn cơm xong bố tôi cũng gọi tôi vào phòng sách chỗ bố tôi ngồi hàng đêm để viết văn. Trên bàn viết của bố tôi ngoài những giấy, bút, đặc biệt có một lọ

kẹo tây. Những viên kẹo đủ màu sắc hồng nhạt, đỏ, xanh, trắng, đựng trong chiếc lọ hàng thủy tinh trông thật đẹp mắt và thật là muốn ăn. Bố tôi mở nắp lọ, mùi kẹo bay thật thơm. Bố tôi lấy ra cho tôi một cái, chỉ một cái thôi không bao giờ bố tôi cho thêm, tôi biết như vậy cho nên cũng không bao giờ dám xin thêm. Tôi ăn viên kẹo đó thật chậm, chỉ ngậm chứ không dám nhai, khi chất ngọt của kẹo đã tàn gần hết bên trong có một hạt hạnh nhân tôi cắn tan và nhai thật kỹ, vừa ròn vừa bùi.

Ngày tôi còn bé bố tôi bảo mẹ may một cái yếm dải cho tôi lúc nào cũng đeo ở trước ngực có thêu chữ “Đừng hôn tôi”. Chắc bố tôi sợ mọi người thấy tôi mũm mĩm dễ thương thì hay hôn lên má tôi như vậy không vệ sinh và có thể lây bệnh. Khi trời trở lạnh mẹ tôi nói để mua mũ cho tôi đội thì bố tôi bảo tóc con nó dày và đen nhanh không cần đội mũ trông xấu xí. Khi mẹ tôi có thai tôi thì bố đã chọn tên sẵn con đầu lòng thì đặt là Bạch kể là Đàng rồi Giang, lấy tên một giòng sông. Đến khi tôi chào đời là gái bố tôi ngại khi lớn lên tôi đen như củ tam thất thì tương phản quá cho nên đổi tên khác cho tôi, nhưng sau vẫn giữ hai tên đã chọn sẵn cho hai em tôi. Có lẽ cũng là số mệnh đã định sẵn cho nên bố tôi đã chỉ chọn có ba tên.

Bố tôi không thích tiếp khách ở nhà, ngay cả bạn thân cũng vậy. Chỉ có chú Đình Hùng và bác Thế thỉnh thoảng đến có một lần. Chú Đình Hùng có lần uống rượu say nôn mửa tung toé, mẹ tôi lấy vôi rồi bôi vào gan bàn chân của chú. Chú trẻ hơn bố tôi vài tuổi, người thấp và bé nhỏ, tóc để dài và chải ngược về phía sau và lúc nào cũng bôi brillantine bóng mượt.

Khi còn sinh thời (sống) bố mẹ tôi ở tại đầu làng Yên Phụ trong một căn nhà nhỏ nhưng rất thơ mộng. Nhà ở ngay cạnh hồ Tây có cây liễu rủ, tàn liễu xà xuống gần mặt nước hồ có cái cầu bằng gỗ đưa ngoài xa. Tôi hay ra cầu đó ngồi thả đôi chân xuống nước rồi dùng đưa đôi chân dưới làn nước thật mát. Đường từ ngoài vào làng toàn lát bằng gạch đỏ, trên đường đi chỗ nào cũng nhìn thấy nước hồ, đi qua một cái đình lớn là tới nhà bố tôi. Đi sâu vào trong làng rất đẹp, hai bên là những dàn hàng rào trồng bằng cây duối, được cắt thật bằng phẳng khi tới mùa quả duối chín vàng trông xa như những sợi tơ tằm óng ánh, ăn thì thật thơm và ngọt. Trừ một vài gia đình từ xa đến ở thuê phần đông làng Yên Phụ sống bằng nghề trồng hoa, đủ các loại từ thược dược vàng, tím, đỏ tía, cúc vạn thọ, vàng ươm, đại đóa vàng mơn, lay ơn trắng hồng, huệ trắng thơm ngào ngạt v.v... Buổi sáng sớm các tay buôn hoa từ các nơi đều đến vườn hoa để mua buôn về bán lẻ lại tại chợ hoa và các chợ trong thành phố. Một số gia đình có đông người thì họ tự cắt hoa rồi đem ra chợ bán như vậy họ sẽ kiếm được nhiều tiền hơn. Sau khi bố tôi mất, bà nội tôi đã đón mẹ tôi và chị em chúng tôi về tại Cẩm Giàng ở với bà. Từ đó tôi chưa có dịp trở về lại làng Yên Phụ nữa.

Thấm thoát bố tôi đã ra đi hơn năm chục năm rồi, hàng năm đến ngày giỗ bố tôi khi mẹ tôi còn sống năm nào bà cũng làm giỗ thật trang trọng dù lúc đó nhà nghèo bà cũng xoay sở để có đủ tiền mua gà, vịt, xôi chè, và các thứ cần thiết cho việc cúng bái, nhất là hoa sen và hoa cẩm chướng hai thứ hoa mà bố tôi thích nhất và thạch trắng thái nhuyễn thả vào trong chén nước đường có thả hoa nhài màu thạch long lanh trông như những mảnh vụn thủy tinh và mùi thơm của hoa nhài, cộng thêm mùi trầm hương cúng tỏa ra từ trên bàn thờ, tôi có cảm tưởng qua làn khói mỏng đó bố tôi đã hưởng được và ẩn hiện đâu đây để vui cùng con cháu. Mẹ tôi mất cũng đã hơn hai chục năm qua, chị em chúng tôi cũng vẫn cúng giỗ bố tôi y như hồi mẹ tôi còn sống, năm nào cũng có cô tôi và các cháu của bố tôi tham dự.

Năm nay lại sắp đến ngày giỗ của bố tôi, tôi viết bài này để dâng lên hương hồn của bố tôi và để tưởng niệm một nhà văn đã được khen là người viết truyện ngắn hay nhất đầu thế kỷ thứ 20. Bố tôi có viết một loại sách hồng cho trẻ em trong đó có cuốn tựa đề là Hạt Ngọc, có đề tặng tôi và em tôi (Tặng Nhung và Đàng) bây giờ cuốn này đã bị thất lạc.

Cậu tôi, Như Phong Lê Văn Tiến Từ Dung

(Tác giả Từ Dung tên thật là Nguyễn Từ Dung,
là con út nhà văn Hoàng Đạo)



Như Phong Lê Văn Tiến 1997

Thật ra, Như Phong Lê Văn Tiến là nhân vật như thế nào?

Từ một người quen biết sơ giao, từ một người bạn thân tình, từ một người cùng hay không cùng chí hướng, tất cả đều nhìn ngắm con người cậu tôi dưới những khía cạnh, những quan điểm khác biệt, để rồi dẫn đến những kết luận, ý kiến có tính cách cá nhân, cũng giống như nhiều anh mù được dẫn đến sờ nắm những bộ phận khác nhau của một con voi, anh thì cho con voi là cái quạt, cái cột đình... vân vân...

Nhưng, có một điểm chung, dù là người Việt Nam hay ngoại quốc, dù là bạn hay thù, ai cũng phải kính nể cậu tôi, cũng tìm đến, ngồi xuống bên cậu để được lắng nghe những lời bình luận sắc bén, những lời khuyên bảo thẳng thắn chân thành của cậu.

Một nhà ái quốc chân chính? Không ai có thể phủ nhận điều đó. Cả tuổi trẻ, cả cuộc đời của cậu, cậu đã cống hiến cho tình yêu thương tổ quốc, dân tộc, không màng danh lợi cho chính bản thân mình. Cả tới hạnh phúc riêng tư, cậu tôi cũng gạt bỏ qua một bên để sống trọn vẹn cho lý tưởng của cậu.

Một nhà cách mạng lão thành? Nếu thế thì những tư tưởng mới mẻ cải tiến về chính trị xã hội có tính cách đi trước tương lai của cậu có đủ sức thuyết phục được những đầu óc bảo thủ chỉ lo thủ lợi cho cá nhân? Ở phương diện này, quả cậu tôi đã vấp phải nhiều trở lực khó khăn. Cuộc đời tù tội liên miên của cậu là bằng chứng hùng hồn của sự thất bại này trong đời cậu. Nhưng trong sự thất bại có thành công, thành công ở chỗ thông điệp của cậu có thể được truyền bá cho thế hệ mai sau, cũng như mỗi người chúng ta có trách nhiệm chuyển giao thông điệp của cậu, một khi thấm nhuần được tư tưởng sâu sắc ấy!

Một chính trị gia lỗi lạc? Nhưng mà cậu chính là người nói với tôi: «Cậu không làm chính trị, cậu không thích danh từ đó cũng như những biện luận để bảo vệ cho danh từ đó. Cậu, cũng như ba em (lối xưng hô của cậu đối với tôi vì cậu dạy tôi học từ nhỏ) chỉ có một chí hướng là

làm việc hết sức mình để đem lại hạnh phúc cho đồng bào, góp phần dù nhỏ bé thế mấy cho công cuộc xây dựng đất nước».

Đúng thế, thần tượng của cậu về mọi phương diện của cuộc đời cậu là ba tôi, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Có những lúc tôi nhìn thấy đôi mắt của cậu chiếu lên những tia sáng rực rỡ như ánh lửa trong đêm mới hiểu được ảnh hưởng sâu đậm của ba tôi với cậu và những người cùng thế hệ cậu...

Một nhà văn, một nhà báo có tài, có nhiệt tình với nghề cầm bút? Những bút tích do cậu tôi để lại là chứng minh hùng hậu cho lập luận đó!



Tác giả (lên 6) với cậu Tiến tại Hồ Gươm trước khi di cư vào Nam năm 1954

Một người bạn tốt, chân thành, đáng tin cậy? Có thể gọi là tuyệt đối như thế! Những người bạn thân thiết, đồng nghiệp như ông Đinh Trịnh Chính, Nguyễn Ngọc Linh, Nghiêm Xuân Hàm, P.G.Honey hoặc cộng sự nhỏ tuổi hơn cậu như ông Trần Như Tráng, Tạ Văn Tài, Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Mạnh Hùng, Phan Lâm Hương... đều ngưỡng mộ cậu, ở một khía cạnh hay nhiều khía cạnh khác nhau. Đêm nào, ở căn nhà chúng tôi trên đường Phan Thanh Giản, cũng có ít nhất năm hay mười nhân sĩ, nhỏ tuổi có, lớn tuổi có, ngồi quây quần quanh cậu để bàn luận chuyện quốc sự, quốc tế cho đến ít nhất là 12 giờ đêm, rồi mới luyến tiếc ra về.

Về cá tính con người cậu? Cậu là một người thẳng thắn, cương trực, đầy nhiệt huyết, nóng tính đôi lúc đi đến cực đoan nếu phải bảo vệ lập trường. Có lúc cậu thích điều cốt khôi hài, lối châm biếm của cậu nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, tưởng thế mà không phải thế. Nhiều khi người bị đùa giỡn phải về đến nhà mới hiểu được ý nghĩa thâm thúy của câu nói đùa và mới cảm thấy đau. Mặc dù cậu tự cho mình là Khổng Minh Gia Cát Lượng mềm dẻo khôn khéo, thật ra, tính cương trực của cậu đôi khi dẫn đến tính cách cực đoan, do đó lời tiên tri của cậu dễ đụng chạm và bị phản kháng bởi xã hội.

MỐI LIÊN HỆ của CẬU NHƯ PHONG với GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG

Có phải cậu là một người cậu thương cháu, biết lo lắng cho gia đình, giúp đỡ bà chị tàn tật nuôi các cháu lớn khôn? Không ai bằng cậu tôi. «Cậu giáo bê bê», đó là danh từ chính tôi đặt cho cậu lúc tôi 7 tuổi, vì cậu đã dạy tôi học phụ thêm tại nhà từ những ngày tôi mới cắp sách đến trường, với những vần mẫu tự a,b,c...

Lọt lòng mẹ không có may mắn được có cha bên cạnh vì ba tôi đã đi sang Trung Hoa hoạt động cách mạng cùng các bác, các chú, tôi được bù đắp bằng tình thương của mẹ, của bà

ngoại, của cậu tôi và các anh các chị. Cậu là bàn tay đầu tiên đã bế ẵm tôi khi tôi mới chào đời, là người đầu tiên được tôi «tưới hoa rửa tội». Cậu cũng đã thay thế ba tôi để hướng dẫn tôi từ những bước đi chập chững thời thơ ấu cho đến lúc lớn khôn. *Dù tên cúng cơm Từ Dung do ba tôi viết thơ gửi về cho tôi*, nhưng công nuôi dưỡng cho đến thành nhân một phần lớn là nhờ công sức của cậu. Ba tôi mất vì bệnh tim trên chiếc xe lửa về Quảng Châu sau khi gặp gỡ mẹ tôi vào năm 1948, lúc đó tôi được 19 tháng và chưa một lần được nhìn mặt bố.

Tôi không được biết sự kiện nào đã đưa đẩy cậu Tiến đến với gia đình Nguyễn Tường, chỉ qua lời thuật lại của cậu, là cậu bất mãn với hoàn cảnh gia đình và người vợ hai của bố nên đã bỏ nhà ra đi, mang theo cơn bệnh phổi ngặt nghèo. Lúc đó vào khoảng 1945, *cậu cũng có một người em tên là cậu Nguyễn Ngọc Ẩn, thỉnh thoảng có đến thăm cậu và cũng là người ở gần cậu lúc cậu hấp hối*.

Từ lúc ba tôi mang cậu về, ba mẹ tôi đã cưu mang cậu dưới mái ấm gia đình của chúng tôi. Cũng nhờ lòng thương người của bà ngoại tôi, vì ba tôi và sự săn sóc chu đáo của ba mẹ tôi, bệnh tình cậu đã hồi phục. Kể từ đó, cậu trở thành một thành phần trong gia đình tôi, sự có mặt của cậu không thể thiếu vắng được nữa!

Cùng với bà cô tôi, bà Cả, và mẹ tôi, cậu tôi đã thay mặt ba phụng dưỡng bà ngoại tôi trong thời gian ba đi hoạt động cách mạng bên Trung Hoa. *Cậu gọi bà ngoại tôi là mẹ nuôi của cậu*. Ông ngoại tôi làm tham tá thời Pháp thuộc nên người ta gọi bà ngoại là cụ Tham Bình.

Song song với sự gia nhập vào gia đình tôi, cậu cũng được ba tôi hướng dẫn về tinh thần, hun đúc ngọn lửa nhiệt tình với dân tộc đã cháy sẵn trong tâm hồn cậu. Cậu tôi bước vào sự nghiệp báo chí cũng do sự hướng đạo của ba tôi. Lý tưởng của cậu là dùng những phương tiện truyền thông để phổ biến trong dân chúng những tin tức quốc nội, quốc ngoại cũng như thẳng thắn phê bình và sửa đổi những trật tự xã hội sai lầm mang lại sự đau khổ cho dân chúng. Khi tôi bước vào ngành nghệ thuật ca hát song song với nghề dạy học, cậu tôi bảo rằng: «Con đã chọn làm nghề rồi, nghề của con phải phục vụ cho quần chúng bằng media mới đúng».

THỜI KỲ DI CƯ VÀO NAM

Ba tôi, Hoàng Đạo, mất vào năm 1948 lúc tôi được 18 tháng. Thời gian này, để an ủi gia đình tôi, cậu Tiến đã có mặt thường xuyên bên cạnh mẹ nuôi (bà ngoại tôi, tức cụ Tham Bình), chị và các cháu để nâng đỡ tinh thần. Không biết chúng tôi sẽ ra sao nếu không có cậu lúc ấy.

Không ai trong gia đình vào thời điểm ấy không nghĩ về cậu như cậu ruột. Trước năm 1954, cậu đã nhìn trước sự việc và thuyết phục mẹ và bà tôi chuẩn bị di cư vào Nam. Bà tôi sợ sự thay đổi và còn luyến tiếc mấy căn nhà ở Hà Nội khó thanh toán, nhưng sau cùng cũng xiêu lòng. Thế là, mùa Xuân năm 1954, chúng tôi vội vã ra đi, nước mắt rưng rưng nhìn ngoái lại căn nhà quét vôi trắng số 18 bis Lý Thái Tổ, nhìn lại cây bàng lá xum xuê đổ trong khuôn sân nhỏ, nhìn lại lão bộc trung thành tên Lui, nhìn lại căn phố quen thuộc đầy kỷ niệm thuở ấu thời. Lúc đó tôi mới được 7 tuổi, vẫn còn là em bé bêbê của cậu giáo.

Vào đến Nam, mẹ tôi phải trở lại Hà Nội để thu xếp vội vã mấy căn nhà. Cậu tôi lãnh nhiệm vụ trông nom bà ngoại và chúng tôi. Lúc đó gia đình tôi rất lo lắng mẹ tôi sẽ kẹt lại miền Bắc vì cửa ngõ phân chia hai miền sắp bắt đầu đóng. Nhưng mẹ tôi trở về kịp lúc. Bà mua một căn nhà rất rộng ở mặt tiền đường Phan Thanh Giản (bây giờ là Điện Biên Phủ) số nhà 20. Sau này mẹ tôi mở tiệm Chả Cá Thăng Long, rất được khách hàng ưa chuộng thời bấy giờ. Thời gian sau, bà cho thuê mở bar restaurant tên Kontiki.

VAI TRÒ của CẬU TIẾN trong GIA ĐÌNH TÔI

Tôi có hai người anh và một người chị. Chị lớn tên là Nguyễn Minh Thu, người anh thứ hai là Nguyễn Tường Ánh, anh thứ ba là Nguyễn Lâm. Tôi là con út, nên ai cũng thương yêu chiều chuộng, nhất là mẹ tôi và cậu tôi. Nhưng cậu cũng rất nghiêm khắc khi phải uốn nắn dạy dỗ tôi về mọi mặt. Cậu luôn luôn nhắc nhở tôi về chí khí, lý tưởng của ba tôi và dòng họ Nguyễn Tường.

Tôi vốn thích thơ văn từ thuở 7, 8 tuổi. Tôi thuộc lòng nhiều đoạn trong thơ Kiều, còn cố gắng làm trường thi ca bất chước các bậc tiền bối. Tôi trót thương thầm một chàng hàng xóm cùng tuổi hay chơi đánh bi nhà bên cạnh và làm một bài thơ như sau cho chàng:

Nhưng cũng không ai biết mối tình
Lặng thầm giữa đôi lứa thơ sinh
Vì họ cũng không hề hé miệng
Tỏ cho nhau biết nỗi lòng mình

Bài thơ này làm tôi ăn đòn của cậu Tiến và vì cậu đã mất nên sau này không ai tin tôi đã làm thơ tình từ 7 tuổi!

Đi chơi với bạn về trễ 15 phút, đôi khi cũng ăn bạt tai!

Khi tôi lớn lên và tiếp tục làm thơ tình, cậu chỉ lắc đầu và nói: «Hồng, hồng thật»!

Trong gia đình tôi, cậu Tiến giữ địa vị của một người con, người em, người cậu thay mặt cho người cha quá cố để giúp đỡ chị nuôi dưỡng các cháu còn thơ dại. Cho đến nay, chị em chúng tôi đều khôn lớn, cũng là nhờ công của cậu rất nhiều và tôi nghĩ chúng tôi không thể nào phủ nhận công ơn ấy. Chị Minh Thu tôi là người lớn nhất trong bốn chị em, cũng góp phần giúp mẹ dạy dỗ các em mồ côi bố từ lúc còn bé bỏng.

Trong thời gian đó, cậu được nhiều nhóm khác nhau mời tham dự các tổ chức như Hội Đồng Nhân Sĩ, một ghế bộ trưởng trong chính phủ Phan Huy Quát, nhưng cậu chỉ thích đứng ngoài đóng góp ý kiến, làm quân sư quạt mo, như một thời gian cậu cũng giúp tướng Kỳ. Niềm đam mê của cậu là tờ báo Tự Do cũng như hoàn thành trường thiên tiểu thuyết «Khói sóng» mà cậu còn viết dang dở cùng thời gian với tiểu thuyết «Tị Bái» của nhà văn Nguyễn Hoạt. Cậu cũng giữ mục điểm tin ngoài Bắc với bút hiệu Cô Thần, nên một số người gọi cậu là chuyên viên về Cộng Sản Bắc Việt nhưng cậu phủ nhận danh hiệu này. Cậu thường nói cùng tôi: «Nhược điểm của cậu là chuyện tình cảm nam nữ, cậu viết chuyện đó dở vì không có nhiều kinh nghiệm thực tế, truyện cậu thiên về biện luận hay phê bình thì có chất lượng hơn».

Quả thực là đời sống tình cảm cậu nghèo nàn ít ỏi. Theo tôi biết có một cô Thu nào đó rất thương cậu nhưng không thành. Cậu chỉ miệt mài làm việc với đóng sách vở cao tận trần nhà, hoặc họp mặt cùng bè bạn bàn chuyện quốc sự, hoặc đi nước ngoài dự hội nghị.

Về phần gia đình tôi, lúc đó mẹ tôi «gà mái nuôi con» cùng bà mẹ già nên rất khó khăn. Tuy có một số vốn do bán đồ bán tháo mấy ngôi nhà ngoài Hà Nội, nhưng vì tính tình bà rộng rãi và hay thương người giúp đỡ, chia sẻ những gì bà có nên mẹ tôi không giàu được. Cậu tôi cũng cố gắng giúp gia đình trong khả năng của cậu.

Có những dư luận đồn đại không hay về sự liên hệ giữa mẹ tôi và cậu Tiến, bắt nguồn từ sự ganh ghét của người ngoài họ hoặc trong họ. Những dư luận này bóp méo và bôi nhọ tình cảm

trong sạch và đẹp đẽ mà người tầm thường không hiểu nổi. Gia đình tôi rất phẫn nộ vì những dư luận xấu xa đê tiện đó!

SỰ CHUYỂN MÌNH của THỜI ĐẠI

Thời gian ở Saigon dưới chế độ của ông Ngô Đình Diệm êm đềm trôi. Nếp sống của người dân trong lúc đó tương đối đầy đủ và no ấm. Năm 1960, nhờ cậu Tiến nói giúp, tôi được mẹ cho tháp tùng sang Nhật Bản, Hồng Kông và Thái Lan chơi. Ở Thái Lan, chúng tôi cư ngụ tại nhà ông Đại Sứ Việt Nam tại Thái Lan là ông Đinh Trịnh Chính. Bà Chính rủ chúng tôi trở lại Hồng Kông cùng bà nhưng chúng tôi từ chối để trở về Việt Nam. Tin như sét đánh ngang tai, trong chuyến bay đi Hồng Kông, chiếc máy bay đã rớt xuống biển và bà Chính đã bỏ mình cùng với tất cả hành khách trong chuyến bay định mệnh ấy.

Năm 1963 cậu Tiến bị bắt giam vì tờ báo Tự Do có những lời lẽ chống chế độ. Mẹ tôi và tôi đi từ nơi này sang nơi khác, từ An Ninh Quân Đội sang Tổng Nha Cảnh Sát để thăm nuôi cậu. Thời gian này, ông P.G.Honey, một ký giả nổi tiếng từ Anh quốc thường xuyên lui tới hỏi thăm sức khỏe cậu. Nhà văn Chu Tử cũng bị bắn thủng họng trong thời gian này, chúng tôi cũng lui tới thăm ông vì con gái ông là Chu Vỵ Thủy là bạn thân tôi.

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ và ám sát, cậu tôi được thả về và tiếp tục hoạt động. Mẹ tôi bán căn nhà ở đường Phan Thanh Giản, mua một căn nhà nhỏ ở Chu Văn An, Ngã Năm Bình Hòa.

Năm 1963 đến 1968 là thời gian cậu tôi lại miệt mài làm việc, gặp gỡ rất nhiều nhân vật quan trọng trong chính trường. Cậu tôi thường xuyên nhắc đến Nguyễn Chánh Thi và sau là Nguyễn Cao Kỳ. Dù thời gian đầu, cậu tìm được đôi chút phấn khởi khi làm việc với ông Kỳ nhưng về sau, tôi thấy rõ ràng là cậu đã bị thất vọng có lẽ những lời khuyên của cậu không đủ sức thuyết phục đường lối làm việc của tướng Kỳ và những người cộng sự của ông.

Năm 1968: Saigon vùi dập dưới «Khói sóng» của tết Mậu Thân. Cả gia đình chúng tôi phải di tản tạm thời sang một căn nhà ba tầng ở đường Nguyễn Thiện Thuật vì căn nhà ở Ngã Năm Bình Hòa đã bị bắn nát cả mái ngói và lửa cháy đen sạm.

Năm 1969: tôi lập gia đình và sanh con gái đầu lòng tên Từ Công Ý Uyên. Cậu Tiến tôi rất yêu quý cô bé này. Những năm trong tù Cộng Sản, tấm hình của bé Uyên luôn luôn được ông nhìn ngắm mỗi ngày, tấm hình giúp ông sức mạnh tinh thần từ mái ấm gia đình để duy trì tinh thần bất khuất dưới áp lực của gông cùm Cộng sản.

Thời gian này, *tôi tức là Nguyễn Từ Dung, tên thật do ba tôi đặt cho từ lúc ông ở Trung Hoa*, tham gia những chương trình hát cho sinh viên từ các trường đại học, những buổi đại nhạc hội, những hộp đêm như Ritz, Lê Lai, Quán Tre, Khánh Ly... những chương trình truyền hình như Văn Phụng, Phạm Mạnh Cương...

Cậu tôi lắc đầu: «Con đi lạc đường rồi, nghiệp của con là viết văn, viết báo, là phục vụ cho media».

Tôi có nhà riêng nên chỉ lui về nhà mẹ mỗi ngày để thăm hỏi nên ít có dịp gần gũi chuyện trò với cậu như trước. Mãi cho đến 1975, tôi bán căn nhà riêng về ở với mẹ để trông nom bà vì bà đã bị ung thư nặng và cưa đi một cánh tay, tôi mới lại được chia sẻ cùng một mái nhà với cậu tôi. Sau đây là một đoạn chuyện trích từ tập truyện «Hồi Tưởng» của Từ Dung viết cùng với giáo sư Trần Hoài Bắc:

ĐÊM KINH HOÀNG vào THÁNG TƯ NĂM 1976 (trích trong tập truyện Hồi Tưởng)

«Tại ngôi nhà nhỏ với một vườn lan đơn sơ phía trước trong ngõ hẻm Chu Văn An của xóm Ngã Năm Bình Hòa, người ta thấy một ông trung niên tóc ngả bạc, vận một bộ đồ bà ba vải đen, đi đi lại lại chăm sóc những chậu lan Tiên Hải, Catlaya rục rờ.

Dân trong xóm cũng mang máng biết rằng trước năm 1975, ông Ba Tốc là một nhân vật quan trọng. Mặc dù không ai biết chính xác ông làm chức vụ gì trong chính quyền, ngoài nghề viết văn làm báo. Bây giờ chỉ thấy ông sống một cách lặng lẽ, mộc mạc, với vườn lan của ông. Nụ cười thân thiện, phúc hậu luôn nở trên khuôn mặt quắc thước. Có ai nhìn kỹ thì mới thấy sau cặp kính trắng, đôi mắt hiền hậu đôi khi sáng quắc lên như ngọn đuốc bùng lên trong đêm.

Trước đó, ông Ba Tốc đã giục già con cháu ra đi bằng bất cứ cách nào, tìm đường trốn chạy khỏi ách Cộng Sản. Ông đã gửi con trai trưởng của Nguyễn Tường Ánh tên là Nguyễn Tường Kiên đi cùng với em ruột ông là cậu Nguyễn Ngọc Ấn. Nhưng bản thân ông, ông phải ở lại vì những lý do đặc biệt sau đây:

Thứ nhất: Ông chọn lựa đối mặt thực sự với «Cộng sản», đối tượng mà ông đã dày công sưu tầm tài liệu, nghiên cứu các dữ kiện để đưa lên mặt báo. Người ta gọi ông là «chuyên viên về Cộng sản Bắc Việt» với bút hiệu Cô Thần, thì hiện tại, giờ phút này, chính là một dịp may để ông sống thực sự trong thể chế Cộng sản, làm một nhân chứng cụ thể cho những biến cố của xã hội chủ nghĩa. Đó là một thử thách mà một nhân vật tầm cỡ như ông Ba không thể bỏ qua. Đó cũng là nỗi ám ảnh về ý thức hệ, về nhân sinh quan của những người cầm bút. Văn hào Soljenitsin của Liên Xô sau khi thoát khỏi ách Cộng sản Nga đã tuyên bố rằng đời sống hiện tại của ông ở xã hội tự do quá đầy đủ, ông không còn thấy hứng thú để viết, để sáng tác những tuyệt tác như hồi còn ở bên Nga Xô!

Lý do thứ hai là *chị nuôi của ông, bà Nguyễn Tường Long* đã trở bệnh ung thư ngặt nghèo, cánh tay trái của bà đã bị cưa đi hai lần để tránh sự lan rộng của tế bào ung thư. Bà được chữa chạy trong 9 năm trời với sự điều trị tận tâm của bác sĩ Trần Ngọc Ninh, nhưng căn bệnh quái ác cứ lan dần như cục u nơi cánh tay bà cứ mọc rễ lan dần ra. Trong những cơn đau đớn quằn quại của cơn bệnh, phải có mặt người thân để săn sóc bà.

Trở lại chuyện ông Ba, dĩ nhiên, ông không thể ngây thơ đến độ không biết rằng, Cộng sản đã và đang theo dõi, rình rập những nhân sĩ, những nhà văn nhà báo, những nhân vật có liên hệ đến chế độ trước mà chưa nằm trong trại cải tạo của họ. Sau vụ kiểm tra văn hóa tại Saigon năm 1975, ông đã đốt sạch nhiều tài liệu sưu tập từ bao năm, báo chí hình ảnh, sách vở với những giá trị lịch sử vô cùng quý báu. Nhưng ông vẫn giữ lại được một số, trong số đó, có một tấm hình bác Hồ đứng ngạo nghễ trên đồng xương người ngổn ngang.»

«Màn đêm đã buông xuống trên xóm nghèo Ngã Năm Bình Hòa. Tất cả đã chìm trong yên lặng, một sự im lặng dày đặc và đen tối. Không gian ngọt ngào khó thở. Ông Ba đang thiu thiu bồng giạt mình, tìm ông bồng nhói đau. Một tiếng xe thắng rít lên, rồi tiếng người lao xao trước ngõ. Ông Ba biết chuyện gì phải đến đang đến, trong tận cùng sâu thẳm của tâm tư ông, ông vẫn chờ đợi ngày hôm nay trong sự chối từ ý thức.

Hơn ba mươi người vũ trang súng ống đầy đủ ập vào khi cửa mở ra. Với bộ mặt nghiêm trọng, họ đọc án lệnh rất dài, buộc ông tội phản động, phản cách mạng. Khi xưa, khi đọc cuốn *Quần Đảo Gulag* của Soljenitsin, ông đã mừng tượng cảnh đọc án lệnh y như cảnh đang diễn ra cho ông bây giờ. Lịch sử lại tái diễn ở đây, dù ở thời gian nào, không gian nào, cũng không khác biệt là mấy!

Trong giây phút đó, lòng cảm xúc của ông lên đến tột độ. Ông đã sống như một nhân vật lịch sử kể từ giờ phút này. Ông không nghĩ tới những gì xảy ra cho ông những ngày giờ kế tiếp. Trái tim ông đập phồng, mắt ông dướm lệ. Sợ ư? Không phải sợ hãi đâu!

Cháu rể ông lúc bấy giờ mặt tái xanh vì vừa hoàn thành một lá thơ có tính cách phê phán chế độ nhưng chưa kịp gửi đi nước ngoài để ở trên bàn. Nếu bọn người này lòng xét nhà, ông mong rằng ông là người duy nhất bị buộc tội. Tội ông đã nặng ngàn cân, thêm một tội nữa cũng thể thôi. Ông kịp thấy, khi họ lui cui còng tay ông, đưa cháu gái của ông vừa méo máo hỏi han người cầm đầu trong bọn, vừa hát lá thơ phản động xuống đất rồi lấy chân đá tạt vào trong gầm bàn để cứu chông!

Những ngày sau khi ông Ba bị bắt, cháu gái của ông tên Dung cũng bị mời lên nhiều lần tại trại giam Phan Đăng Lưu, Bà Chiêu, nơi họ giam giữ ông. Khi tới nơi, họ cho Dung vào trong một căn phòng trơ trụi, chỉ có một cái bàn và hai cái ghế gỗ đơn sơ. Chị phải đối diện với một cán bộ miền Bắc có nhiệm vụ thẩm tra chị. Anh chàng này cỡ ngoài bốn mươi, mặt lạnh như tiền nhưng thỉnh thoảng mím một nụ cười giả tạo để thay đổi không khí vốn căng thẳng và gương ép. Đây là một cuộc đấu trí ba mặt, vì những lời khai của chị về ông Ba phải phù hợp với lời khai của chính ông để cho «họ» thỏa mãn. Chị phải có một trí nhớ trên mức bình thường, vì không phải chỉ khai báo một lần mà cả chục lần, tất cả mọi lần khai phải đồng nhất. Nếu có một điểm khác biệt là anh cán bộ sẽ lôi ra hỏi đi, hỏi lại. Điều đáng kể là anh cán bộ kia, rõ ràng là rất có trình độ, và tuy anh là một người lạ mặt lần đầu tiên chị gặp, anh ta dường như ăn ở trong gia đình nhà chị, anh biết rõ từng chi tiết, từng biến cố xảy ra cho nhà chị vào năm nào, tháng nào, ngày nào, từng nhân vật trong nước và ngoài nước đã đến nhà chị tìm gặp ông cậu của chị. Chị cũng biết, lời khai của chị dù nói hay viết, họ muốn dùng để đưa đến kết luận để buộc tội ông Ba đã và đang làm việc cho CIA!

Đầu óc chị Dung lúc đó làm việc ráo riết, chị không muốn lọt ra một sơ hở nào để họ có bằng chứng buộc tội ông Ba, nhưng cũng không muốn họ cho là mình khai báo không thành thực, sẽ có hại cho ông Ba nhiều hơn nữa. Nước mắt chị đã ráo hoảnh sau ba thẩm kích xảy ra liên tiếp: Cái chết đau đớn của mẹ chị vì bệnh ung thư tháng Mười năm 1975, cái chết thảm thương của bà ngoại lúc 98 tuổi ngay một tháng sau đó vì mất đi người con duy nhất, và sau cùng, vụ bắt giam người cậu thân yêu....».

NHỮNG NGÀY THÁNG THĂM NUÔI CẬU 1976-1988

Từ Phan Đăng Lưu, rồi chuyển sang Chí Hoà, những năm tháng thăm nuôi cậu Tiến cứ kéo dài dằng dẳng như bất tận. Tôi mòn mỏi chờ ngóng, tự lừa mình bằng những nguồn tin vu vơ không căn cứ để trông mong ngày cậu trở về. Gần như lần nào xách giỏ đi thăm cũng gặp gỡ chị Đoàn Viết Hoạt. Chị lại có dịp tặc lưỡi nhìn tôi: «Cứ thế này mãi, biết bao giờ mới có lần xum họp hờ cô?»!

Chúng tôi, những người đi thăm nuôi, xúc động nghẹn ngào, tim đập phồng trong lồng ngực căng thẳng. Phút mong đợi đã đến. Kia, những người tù cầm cố đã lần lượt xếp hàng đi ra trong bộ áo tù màu xanh xám. Những hình bóng gầy gò xiêu vẹo, những khuôn mặt u buồn tuyệt vọng, những cặp mắt ngơ ngác, âm ỉ như chất chứa những thảm kịch không thể diễn tả bằng lời nói. Ngày nào mũ mao cân đai, anh hùng một cõi! Những mái đầu bạc, muối tiêu, đen cúi gầm lấm lũi bước, đôi lúc ngẩng lên ngu ngơ tìm kiếm bóng người nhà đến thăm nuôi.

Bỗng tôi giật mình, tim nhói đau! Giữa những hình hài vật vờ tang thương ấy, có một mái đầu hoa râm ngừng cao bất khuất, một dáng đi thẳng đứng hiên ngang, một cặp mắt sáng long lanh

sau đôi kính trắng cũ kỹ đã gãy gọng chấp nối trong một khuôn mặt gày gò hốc hác nhưng vẫn có tính thuyết phục và đầy tin tưởng. Cậu Như Phong của chúng tôi, đúng cậu rồi!

Khi được tiếp chuyện, cậu dịu dàng dặn dò tôi những điều cần thiết, hỏi thăm các anh chị, con gái tôi, họ hàng, bảo tôi không được khóc dù dưới tình huống nào chẳng nữa, cũng không được quyền cho phép mình yếu đuối, gục ngã: «Em phải luôn luôn nhớ rằng em là con nhà Nguyễn Tường».

«Em không lo, họ rất nể cậu, cậu vào thất 37 ngày, họ tưởng cậu nhịn ăn nên bẻ răng cậu đổ sữa vào miệng đây này». Cậu chỉ cho tôi xem những chiếc răng cửa khắp khềnh, rồi bắt tôi nói về bé Ý Uyên yêu quý của cậu.

Trong khi đó, gia đình tôi đã trải qua nhiều trận phong ba bão tố, vào sinh ra tử vì đi vượt biên hụt nhiều lần. Cháu Ý Uyên thành thạo đến nỗi nếu tôi bảo cháu đi ngủ sớm, nó hỏi «Mai vượt biên hở mẹ?» cứ như «Mai đi chợ hở mẹ?».

Mỗi lần chúng tôi thất bại ôm đầu máu trở về, cháu Uyên phải chạy vào nhà trước để xem có bóng dáng công an canh giữ nhà chưa.

Dù cho có đói khổ, thiếu hụt đến đâu, tôi vẫn đều đều thăm nuôi cậu. Cậu có để lại một số bột làm thuốc, tôi cố gắng bán đi để có tiền thăm nuôi cậu và dùng một phần kinh doanh trong quán Từ Dung để có tiền ăn cho gia đình. Dù không còn tiền chúng tôi vẫn kiếm cách vượt biên, nhưng đều thất bại. Lần thất bại cuối cùng, tôi đã mất nhà, mất cả gia đình, không có nơi ăn chốn ở, đi lang thang bụi đời nhưng vẫn chạy vạy chút đỉnh nhờ anh Tư tài xế cho me tôi trước kia đi thăm nuôi cậu. Anh Tư này là tài xế của me tôi trước, nay lại là đầu bếp chính pha cà phê cho quán nhạc Từ Dung ở đường Trần Quang Khải, Tân Định.

NĂM 1988: RA KHỎI TRẠI GIAM

Sau khi ra khỏi trại giam, tổng cộng là hơn 12 năm tù, cậu về ở nhà tôi, lúc ấy đã mất nhà, ở thuê trong một căn nhà bằng cây trên đường Bùi Hữu Nghĩa gần Cầu Sắt với cháu gái thứ hai của tôi tên Nguyễn Hải Âu. Cháu đầu lòng của tôi tên Ý Uyên đã cùng bố vượt biên sang định cư ở Oregon, Hoa Kỳ.

Hai cậu cháu và bé Hải Âu sống với sự thăm viếng thường xuyên của công an khu vực, công an phường của Ngã Năm Bình Hòa, vì hộ khẩu của hai cậu cháu vẫn ở Ngã Năm Bình Hòa, dù căn nhà đã về tay người khác.

Anh chàng công an khu vực lúc đó gốc người Nghệ An, rất thích đến uống bia với ông Ba Tốc và thường ngồi lì đến tối, mặc dù cậu tôi không uống được hơn hai hớp bia. Cậu rất kỵ uống rượu, nhưng hy sinh cho tôi, cậu bảo tôi chạy sang nhà bạn tránh mặt, để mình cậu đối phó với anh ta.

Cậu cũng phải thường xuyên đến công an phường để làm tờ khai báo những hoạt động hàng ngày. Cũng may lúc đó có sự có mặt của anh họ bên ngoại tôi là anh Lê Văn Vị, trước kia làm công an Hà Nội, sau này về hưu dạy tại trường Đại Học Công An, và anh rất quý mến cậu Tiến.

Mặc dù ý thức hệ khác biệt, anh Vị rất thương gia đình họ hàng. Anh mời cậu Tiến đến ở nhà anh tại đường Đinh Công Tráng để bảo lãnh cho cậu về mặt pháp lý. Con dâu anh, cô Loan cũng hết lòng phụng dưỡng cậu. Tôi cũng yên lòng vì ở đây, cậu Tiến được «dù» che chở, gọi là tạm yên ổn một thời gian. Ai học được chữ ngờ, chính tại đây, cậu lại bị bắt lần thứ hai!

Thời gian này, cháu Hải Âu hay đến ở với ông để ông Tiến babysit, cả cháu Thơ Thơ, cháu Khôi con của chị Minh Thu cũng năng lui tới. Ở cùng đường có cô chú Cả Trác và con trai là Hiếu cùng con dâu tên Oanh cũng hàng ngày sang thăm viếng cậu.

TÔI LÊN ĐƯỜNG ĐI MỸ- CẬU TIẾN BỊ BẮT LẦN THỨ HAI

Tháng Tư năm 1990 tôi lên đường đi Hoa Kỳ. Cậu Tiến, chị Minh Thu và anh chị Vị đưa tôi ra sân bay. Còn đồng bạc cuối cùng nào trong túi, cả tiền Mỹ lẫn tiền Việt, tôi nhét hết vào tay cậu, dặn dò gần như cầu khẩn: «Em lạy cậu, cậu ơi, cậu đừng vào tù nữa nhé!»

Cậu cả cười: «Em cứ yên chí mà đi đi, cậu không sao đâu!»

Một đêm tháng Chạp năm 1990, tôi đang say giấc tại Hawaii thì tiếng điện thoại khô khốc reo lên kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. Có tiếng anh Lân ở đầu giây bên kia: «Em biết chưa? Cậu Tiến bị bắt rồi!» Một ngày sau đó, chúng tôi cố chạy vạy cho đủ \$1000 gửi về cho cô Tố Vân, bạn thân tôi, cùng với em Trần Đình Hiếu, con cô Cả để đi thăm nuôi cậu ở Phan Đăng Lưu.

ĐỜI SỐNG Ở HOA KỲ của CẬU NHƯ PHONG

Mơ ước của cậu khi sang tới bên Hoa Kỳ là trở lại quê hương để chiến đấu trong lòng quê hương, chiến đấu cho lý tưởng của ông là mang lại sự sống đầy đủ và ấm no cho dân chúng, dù ở thể chế nào. Nhưng cậu đã bị từ chối không được visa nhập cảnh, nên cậu nói: «Có lẽ cậu sẽ đi đường bộ về, lững thững rồi cũng tới». Tôi có nói lại với anh Vị về mơ ước của cậu, anh hứa sẽ kiếm cách giúp cậu toại nguyện, nhưng giấc mơ của cậu không thành vì thời gian không chiều người, tuổi tác cậu đã chắt chông với ngày tháng!

Tôi và bé Hải Âu, cả cháu gái lớn Ý Uyên lúc đó được hai mươi tuổi, sang Orange County thăm cậu ngay khi cậu đặt chân lên Hoa Kỳ. Có lúc cậu ở với cậu Ân em cậu, rồi sang ở với anh Chiêu bạn cậu, sau cùng cậu ở một mình. Tôi đã nhiều lần cố thuyết phục cậu sang ở Hawaii để được phụng dưỡng cậu, nhưng cậu trả lời rằng ở Hawaii không có đủ đối tượng để cậu hoạt động nên chán lắm! Tôi buồn, nhưng thông cảm cậu. Ở tuổi 70 mà cậu còn hăng say làm việc như thế. Cậu đi diễn thuyết các nơi, cậu sang Anh, sang Pháp để sưu tầm tài liệu viết về lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, qua tập truyện «Như gió vào tù» mà cậu đang viết dở dang, tôi nhận thấy cậu bắt đầu có dấu hiệu lẫn lộn các nhân vật, như cũng nhân vật đó mà đầu truyện tên khác, cuối tập lại tên khác. Có lẽ cậu đã bắt bộ não làm việc quá tải ở tuổi xế chiều nên không còn sáng suốt như xưa? Tôi cũng thường xuyên điện thoại căn nhắc cậu bớt hút thuốc đi vì cậu hút thuốc như đầu khói xe lửa! Thời gian sau đó cậu cho biết đã cai thuốc rồi.

Lúc bệnh cậu trở nặng, cậu vẫn cố tình dẫu tôi, dặn các anh bạn đừng cho tôi hay, khi tôi biết được thì cậu đã yếu lắm. Tôi đã mua vé máy bay để sang Virginia nơi cậu cư ngụ lúc bấy giờ ngày 18 tháng Chạp, thì 19 cậu mất. Trong những ngày đó, tôi túc trực bên điện thoại và từng giờ từng phút, anh Chiêu và cậu Ân em cậu cho tôi biết mọi diễn tiến về bệnh trạng của cậu. Anh Chiêu là người báo cho tôi biết lúc cậu từ trần.

Vào tháng 7 năm 1999, trước lúc cậu lià đời, tôi và Hải Thụy (con ký giả Nguyễn Xuân Tông) viết chung bản nhạc tên «Gió ngàn» để riêng tặng cậu Tiến. Tựa đề đó cũng là tên của ban nhạc Gió ngàn của chúng tôi ở Hawaii.

Qua điện thoại tôi đã hát tặng cậu bài đó để gửi gắm ý nghĩa của những lời tôi muốn nói với cậu: «Gió đi về đâu, khi hồn cứ mãi lang thang trên xứ người».

Trong cuộc đời tôi, khi gặp những phút khó khăn nhất, chẳng hạn như một bài báo trên internet, rồi một lần phát ngôn bừa bãi bởi một ca sĩ hạng B tại miền Nam California, những lần đó tôi đã bị chúng bôi bác xuyên tạc bằng những lời lẽ hạ cấp vô căn cứ. Chắc chắn rằng có một bàn tay ném đá đầu tay vì thù hằn cá nhân hoặc ghen tị. Ở đời dù mình không làm gì hại ai vẫn có những lòng dạ ghen tị và thù oán thâm độc chuyên ngấm máu phun người. Những lúc như thế tôi vẫn thầm nhủ lời cậu khuyên bảo dặn dò: «Đường ta ta cứ đi, chớ sửa mặc chớ em ạ»!

Gió, cho dù mạnh mẽ như thế, nhưng gió đi về đâu, khi những dự tính cao quý chưa thành, khi những hoài bão không tìm được nơi để thực hiện? Gió, tuy ào ạt như thế, nhưng gió đi về đâu, khi một đời trôi nổi, chơi vui trong niềm cô quạnh, trong số phận hẩm hiu lưu lạc gia đình.

Thực thế, mặc dù được sự ngưỡng mộ của người quen kẻ lạ, người trong và ngoài nước, cậu tôi vẫn một đời cô đơn, một đời đi tìm bến bờ không tương. Trên đây chỉ là những lời sơ lược về những quãng đường đời tôi được hân hạnh đi bên cậu Như Phong. Xin hẹn trong tương lai sẽ cung cấp quý độc giả nhiều tình tiết thú vị hơn nữa.

Chấm hết.

Cây óc



Đặng Thơ thơ

Cháu ngoại nhà văn Hoàng Đạo.
Sinh năm 1962. Hiện ở California.

Dựng lại một người đã chết là điều khó làm.

Vào đúng ngày giỗ năm ngoài của ông ngoại thì tôi nảy ra ý định dựng lại ông. Ý tưởng này nằm ẩn sâu trong tiềm thức đã lâu, đến ngày giỗ chợt bộc phát như một tai họa không cách nào ngăn cản. Những ý tưởng có tính cách tai họa khi chúng ta không thể nào làm chúng biến đi, như một vết mực hay vết máu. Nhưng lần này, ý tưởng dựng lại một người chết, thoáng nghe có vẻ kinh dị, kỳ thực không có gì là mới. Tôi vẫn thấy đầy dẫy, trên đường phố, trong thư viện, phòng triển lãm, nhất các rạp hát, những con người mới được dựng lại từ những bản sao. Không phải một, mà nhiều lần liên tục.

(...)

Ông tôi – tác giả của 5 cuốn sách đã in, của nhiều cuốn sách chưa in, của ngàn bài phóng sự đã đăng báo. Ông tôi – một người dám nói và dám sống theo điều mình nói, đánh đổi ngục tù và cái chết cho lý tưởng, công khai thách đố và chống đối bạo quyền... Một người như vậy

xứng đáng được dựng lại nguyên bản, dựng lại theo đúng khuôn mẫu có thật, không chấp nhận một sai sót nào. Vào tuần thứ ba của tháng 7 (các anh em Nguyễn Tường thường chết vào tháng 7, vì họ gồm 7 anh em tất cả), tôi đã quyết định:

Mình không làm giỗ, vì làm giỗ không thể dựng lại một người đã chết. Ngày giỗ chỉ là một dấu mốc tạm thời, một gợi nhớ vô vọng về tàn rữa của linh hồn trước vịnh cửu thời gian. Dựng lại được người chết thì vẫn tốt hơn đắp mộ hay thấp nhang cho họ. Muốn dựng lại một người đã chết thì phải ngưng ngay việc làm giỗ, vì càng làm giỗ thì càng khiến người ấy chết nặng hơn. Mỗi lần giỗ là một tảng đá chồng lên mộ, xác nhận sự bất diệt của cái chết. Muốn dựng lại một người đã chết, việc trước tiên là phải công nhận: Người ấy đã chết. Rồi sau đó đi ngược lại cái chết, đi trở về thời gian đã sống.

Khởi đầu mọi sự rất khó khăn vì tôi không có đủ chứng tích hay tài liệu về ông. Nhất là ông chết năm 1948, mười ba năm trước khi tôi ra đời. Ông lại chết bên Tàu, và tôi sinh ra ở Việt Nam, điều này khiến việc dựng lại càng thêm phức tạp. Mộ ông theo lời kể của bà Nguyễn Tường Bách, đã bị đào xới dưới chế độ cộng sản Trung Quốc, hài cốt đã tan tác và thất lạc (1) (theo khoa địa lý dịch số thì đây là điềm cực gỗ, xấu hơn cả chuyện quan tài bị rễ cây đâm ngang, hay nước lụt đầy trôi ra đường). Hậu quả của chuyện mộ bị phát tán quả là khôn lường. Kể từ năm 1954 trở đi, biết bao đại họa xảy đến cho chúng tôi – kể cả chết chóc, ly tán trong gia đình. Ngay cả danh tiếng ông cũng bị suy sụp đáng kể, phần vì những lời dèm pha, phần nữa là sức mạnh của một guồng máy chính trị đã biến ông từ một danh nhân thành kẻ tội đồ (2).

Trong viện bảo tàng Văn Hóa, nơi dựng lại những danh nhân đất nước, còn bức tượng Hoàng Đạo đứng cao ngạo trong tư thế nghiêng mình xuống, đôi mắt lộ vẻ xót thương những người nông dân nằm ngổ lẩn dưới chân ông. Tựa đề bức tượng nhằm minh họa ý đồ của tác giả: Người Phú Hào và Lũ Dân Quê. Mỗi lần nhìn bức tượng, vì tôi rất hay phải ra vào nhà Văn Hóa, tôi cảm thấy tức giận, gần như là xúc phạm. Xúc phạm thay cho những người dân quê vì bị đặt nằm dưới chân Hoàng Đạo. Tại sao họ không thể đứng ngang hàng trong mắt người nặn tượng? Một bức tượng làm cầu thủ, lệch lạc kích thích. Toàn thể là một ngộ nhận, một cách nhìn phiếm diện, được dựng lên thành biểu tượng. Một việc làm thiếu trách nhiệm với công chúng thường ngoạn, tôi rùn vai nghĩ vậy, ước gì mình có thể lấy búa đập vỡ nó đi.

“Chúng ta phải dựng lại Hoàng Đạo”, tôi bắt đầu nhồi nhét sứ mệnh này vào đầu những người trong nhà. Thoạt đầu ai cũng cho rằng ý kiến này quá táo bạo và quái gở. Vì chẳng mấy người còn lưu giữ ký ức về ông. Mẹ tôi là người duy nhất biết được tính tình của ông, những tính tình không một ai ngờ đến, như sợ máu, sợ giao thiệp, sợ tiếp xúc, sợ nói trước đám đông, sợ tất cả những gì nghiêm trọng. Vả lại, công việc này không dễ, vì phải tìm lại văn bản của ông, những văn bản chưa in thành sách (3).

Để làm việc đó, tôi phải góp nhặt lại từ trong trí nhớ của những người còn sống (và đã bắt đầu già nua – như ông Nguyễn Tường Bách, mẹ tôi, cậu tôi, các chú bác bên ngoài...), những ghi chép còn lại trên giấy của những nhà văn đương thời, những sách vở cũ nát của những nhà phê bình văn học sử. Đáng lẽ tôi còn phải bay qua Paris, New York, ở trong thư viện quốc gia cả tháng trời để soạn và sao chép tài liệu. May thay, nhờ một giảng viên đại học nhận lời chụp, scan, và gửi qua điện thư mà tôi khỏi phải làm một chuyến đi xa như vậy. Tôi còn dựa vào lời nói của một người đã chết, những lời nói còn ghi lại trên trí nhớ mờ mờ của tôi, về một người chết trước mình. Nhiều người sẽ nghĩ rằng đó là lời của những nhà báo đàn em (4). Những lời nói ấy kể là đáng tin cậy. Cũng như sau này nhiều người sẽ tin vào lời nói của tôi, khi tôi đã chết đi rồi, vì chẳng còn ai kiểm chứng được.

Tôi bắt đầu vẽ một bản đồ tường tượng dựa vào những dấu mốc ngày tháng trong cuộc đời Hoàng Đạo. Một bản đồ bắt đầu từ địa chỉ 18 & 18 bis đường Lý Thái Tổ (tức đường Amiral Courbet) Hà Nội; đến các tòa án rải rác khắp nước An-nam, quay ngược lại tòa báo Phong Hóa, Ngày Nay. Một dấu mốc màu đỏ nổi từ sở Liêm Phóng Hà Nội đến khu an trí Vụ Bản, kéo sang trụ sở bộ Kinh tế thời chính phủ liên hiệp. Một đường vẽ khúc khuỷu vượt biên giới Việt-Hoa dẫn đến Hội nghị Hương Cảng, Côn Minh, Bạch Hạc động, Quảng Châu... Bản đồ kết thúc ở một nhà ga xe lửa, một nghĩa trang thê lương, trên một vùng đất đồng không mông quạnh. Trên bản đồ ấy, một con đường nổi từ số 80 Quan Thánh đến ga Thạch Long được đặt tên là đường Tú Ly, sau năm 1936 đổi thành đường Hoàng Đạo. Con đường ấy so với các phố cổ Hà Nội thì dài lắm. Cũng dài như khi nối kết toàn bộ những bài báo Hoàng Đạo viết trong mười năm trời (tôi đã tính nhẩm được 300,000 dòng chữ in một cột, hay là 4 ngàn cột báo, hay là một cột báo dài 2 cây số). Một trong những con đường dài nhất, trong lịch sử.

Phòng nhì Pháp vừa gửi cho tôi một cái hộp sắt nhỏ, đựng móng tay và móng chân Hoàng Đạo. Một tặng vật bất ngờ. Thì ra sau khi lột móng, họ không vứt đi phi tang mà lại cất trong hộp sắt suốt ba năm tra tấn, và sau đó lưu trữ trong hồ sơ mật suốt sáu mươi năm còn lại. Tôi đọc lướt qua xấp hồ sơ viết bằng tiếng Pháp, giấy đã mòn thành bụi, trang đầu tiên dán tấm hình chụp năm 1941, tóc hớt ngắn đeo số tù trên ngực. Thời đó ông còn là một thanh niên mạnh mẽ rắn rỏi, nhìn tôi bằng ánh mắt lì lợm, môi mím chặt thách đố, đúng phong cách tù chính trị thời thuộc địa. Tất cả những chi tiết ấy khiến tấm hình cực kỳ sống động, mỗi lần nhìn tôi đều kiêng nể dè chừng. Người chụp hình hẳn phải là một tay nhà nghề, chụp được tính cách nguy hiểm và ngạo nghễ, chụp được sự phẫn uất căm lạng của người tù, chụp được cả áp lực của người tù lên người chụp. Cách trình bày móng trong hộp cũng tựa tựa những vĩ móng bột bầy giờ trong kỹ nghệ "làm neo". Khác với móng tay tuy quánh máu khô đặc màu nâu nhưng vẫn còn nguyên hình dạng; móng chân vênh, dúm dó và sứt mẻ, dưới là những ghi chú ngày tháng khác nhau. Thì ra mỗi lần tra tấn họ chỉ bóc đi một cái móng, một cái thôi. Họ lột từ từ, với tất cả nghệ thuật điều luyện, nhích từ li từ tí, ngưng lại, rồi lấy dao nạy tiếp, để khuếch đại cái đau và sợ hãi đến cực điểm. Đến cái móng cuối cùng thì cái đau đã được ghi vào ký ức. Một ký ức vĩnh viễn. Đến độ sau này chỉ nhìn, hay nghĩ tới chữ "móng", là cảm giác đau lập tức ủa đến khiến người ấy bật tiếng thét thát thanh. Có người đã hóa điên, không phải vì cái đau tra tấn lúc đó, mà là cái đau tái diễn sau này, liên hồi trong trí nhớ.

Trong cuốn Tự Điển Danh Nhân Văn Hóa do nhà xuất bản Việt Nam ấn hành, Hoàng Đạo mang khuôn mặt người chết nằm trong quan tài: mục mị, sừng phù, vô hồn và giả tạo, được trang điểm kỹ càng. Những người thực hiện hẳn đã sửa chữa lại từ tấm hình in trong cuốn Bùn Lầy Nước Động ngày xưa (một việc làm phản nghệ thuật). Họ làm sáng trưng một nửa mặt vốn chìm trong bóng tối, vẽ lông mày phải cao hơn bên trái, tô mắt đen kịt như một hồ mực, và đồ màu son đỏ choét lên môi. Tôi không hiểu vì sao người ta không chấp nhận nửa mặt tối kia. Tấm hình đẹp nhờ phần chìm khuất, như một người đang vừa đi vừa trải cái bóng đàng sau bước chân. Đột nhiên, một lúc nào đó, tất cả những cái bóng được vẽ thêm chi tiết, màu mè, cho đến khi chúng mặc quần áo, có mặt mũi, trở nên giống y người thật. Tôi đã nhìn thấy những hình người hóa hai, một đứng một nằm trên đường phố, như những cặp sinh đôi dính nhau ở chân. Y hệt một đoạn phim ma quái tôi đã xem hồi nhỏ.

Đầu tháng 9 thì thư viện quốc gia gửi cho tôi một thùng lớn đầy những bài phóng sự của ông, những tài liệu đăng báo trong thời gian 1935 đến 1940. Trong một lá thư gửi cho người nhận (là tôi), người quản thủ thư viện viết: “Chúng tôi rất tự hào đã làm tốt công việc bảo quản những bộ óc của danh nhân nước nhà. Về mặt này chúng tôi làm tốt hơn khâu nhà xác bệnh viện. Bệnh viện là nơi chứa thịt và máu. Còn thư viện là nơi lưu trữ óc, một hình thức tồn tại cao hơn hẳn sự tồn tại của hơi thở và sự sống (...) Việt Nam ta có truyền thống cấy óc như một dạng văn hóa, cũng không cấm đoán việc cấy các phôi thai. Nhưng vì các cuộn não đã nhiễm độc chất cực nặng, tuyệt đối cấm dùng óc này để cấy lên thành óc khác (...) (5) Trong tương lai, nếu ông/bà cần thêm óc, chúng tôi rất vui lòng nhận thêm đặt hàng...” (,,,) “Hàng” đây là một thùng gỗ hình dạng như cái áo quan thu nhỏ, thể tích khoảng một thước khối, in chữ Hàng Việt Nam – Chất Lượng Cao và đóng dấu ĐÃ KIỂM TRA. Tuy rất cảm động vì điều mình mong đợi đã đến kịp thời, tình huống trở nên khô hài do chuyện bao bì. Nhất là vì nó giống cái áo quan, mà áo quan lại là cách chơi chữ xô xiên của Hoàng Đạo mỗi lần diễu các ông quan (6).

(...)

Lại sắp đến ngày giỗ, trời u ám và tôi không có đủ thời gian để làm công việc dựng lại người đã chết. Không bao giờ đủ thời gian để đi ngược về quá khứ, vì quá khứ mệnh mông quá. Tôi buồn bã như thể đánh mất một điều quý giá, đồng thời nhẹ nhõm như thoát khỏi gánh nặng. Và lại ông đã dặn đừng dựng lại làm gì. Có lẽ ông sợ cách dựng lại của tôi sẽ biến ông thành một hình dung quái dị: một người cùi cả móng tay lẫn móng chân, thỉnh thoảng lại ngất đi vì tim đập chậm. Một người nửa mặt tối đen như phim âm bản. Một người chưa rõ hình dạng. Một người với bộ óc phát tán, thất lạc, nằm trong những nghĩa địa bị khai quật vô tội vạ, những lịch sử được viết lại một chiều dưới cách đọc của người không muốn đọc.

Chúng tôi vẫn chơi trò đưa đám vào ngày giỗ của ông. Một ngày giỗ lớn trong họ, nhà đầy người, và những người lớn đều bận rộn, để mặc trẻ con muốn làm gì thì làm. Chúng tôi lúc đó từ 5 đến 11 tuổi, luôn luôn cãi vã tranh giành nhau quả trứng cứng trên bàn thờ. Trong lúc người lớn ăn cỗ và chuyện trò thù tạc, chúng tôi rủ nhau ra vườn làm đám ma, đắp mộ và khóc than thảm thiết. Đứa nào khóc lâu nhất sẽ thắng cuộc và được ăn trứng luộc. Bên cái huyết (giả) ngoài vườn, có một bông hoa vạn thọ, một ít trái cây, một chai nước ngọt, và tất nhiên quả trứng luộc mang từ bàn thờ xuống.

Đến lúc làm lễ thì chúng tôi khựng lại. Nên chọn nghi lễ nào cho ông? Chúng tôi không biết nên theo đạo gì, đạo Phật hay đạo Chúa, đạo Khổng hay đạo Hồi? Vì con người hay phải bám vào một thứ tôn giáo để thực hiện niềm tin; chúng tôi nhân danh tất cả mọi tôn giáo, mọi thượng đế để cầu nguyện cho ông được mồ yên mả đẹp. Có một lần tôi khóc rất lâu, khóc mãi trong khi những đối thủ đã bỏ cuộc. Không hiểu chính tôi làm tôi khóc hay ông đã linh thiêng xui khiến. Nhưng tất nhiên một đám tang rất cần có nước mắt, nên tôi khóc trong một nỗi buồn dễ chịu. Không bao giờ tôi quên được lần khóc đó (ước gì những lần khóc trong đời đều như thế).

Sau khi làm lễ, chúng tôi xây mộ cho ông, thay thế cho cái mộ bên Tàu đã bị phá hủy. Mộ chỉ là một cái hộp giấy trong đựng mấy quyển sách. Nhưng có mộ vẫn hơn không. Đối với những đứa bé, đây mới chính là mộ thực, đục chạm được bằng tay và xây dựng bằng chất liệu rất dư thừa: tượng tượng. Mộ này giá trị hơn những xương cốt mục rã, hơn những bia đá cẩm thạch, hơn những long mạch đế vương. Mộ này là óc, là tinh thần, là linh hồn còn sót lại và còn tươi sống. Chúng tôi xây mộ với hy vọng óc ấy không bị hủy hoại, óc ấy sẽ được cấy lên trong những óc khác, những óc chưa suy tàn, óc của chúng tôi, chẳng hạn.

Bia mộ viết bằng chữ gì, một đũa hỏi. Chữ Tàu nhé, như mộ ông Nhất Linh ở Hội An, như những mộ theo truyền thống Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng.

Nhưng chúng tôi không biết viết chữ Nho. Vì ông đã chủ trương theo mới, nên mộ của ông cũng nên hoàn toàn theo mới. Không chút do dự, chúng tôi viết nguệch ngoạc những dòng quốc ngữ như sau:

mộ của ông
nhà báo – nhà văn
sinh năm 19XX – chết năm 19YY

Một nấm mồ sơ sài, nhưng bao la, không giới hạn thời gian. Những đũa bé không nhớ năm chết và năm sinh của người trong mộ. Chẳng để làm gì. Đàng nào người ấy cũng chết rồi, và sẽ còn chết mãi, vào ngày giỗ.

(viết xong năm 2005 – sửa chữa lại 2008, để tưởng niệm 60 năm ngày Hoàng Đạo qua đời)

Chú thích

1 Mộ xây lại khang trang năm 1949 khi vợ Nguyễn Thị Nhã và con gái lớn Nguyễn Minh Thu sang Tàu. Sau này khi cộng sản Trung Quốc thực thi các phong trào ruộng đất họ đã san bằng nghĩa trang, đào xới và trộn tung các hài cốt trong huyết mộ.

2 Ở miền Nam tuy 2 tác phẩm của ông được đưa vào chương trình giảng dạy của bộ giáo dục, khối lượng đồ sộ những bài phóng sự và những bản thảo quan trọng đã bị thất lạc vì chiến tranh, do đó nhà phê bình Nguyễn Văn Xuân chỉ biết đến ông qua cuốn Con Đường Sáng và Mười Điều Tâm Niệm như kiến thức phổ thông bất cứ học sinh trung học nào. Ở miền Bắc trong suốt nửa thế kỷ ông là người chủ xướng văn chương lãng mạn, đòi truy và phản động.

3 Nguyễn Văn Xuân đã nhầm lẫn khi nói: “Hoàng Đạo đâu có dám góp hết tất cả các bài báo của ông để in thành sách mà phổ biến.” Mười Điều Tâm Niệm, Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Động đều là tập hợp bài viết từ báo. Năm 1938 cuốn Bùn Lầy Nước Động vừa xuất bản đã bị cấm phát hành. Năm 1940 Ngày nay bị đình bản, Hoàng Đạo bị Pháp bắt và đày đi Vụ Bản. Năm 1943 Hoàng Đạo bị quản thúc tại Hà Nội. Sau đó, do hoạt động cách mạng, do chiến tranh và kiểm duyệt, loạt bài Thuộc Địa Ký Ước, Vấn Đề Cần Lao và Công Dân Giáo Dục không có điều kiện để xuất bản. Hoàng Đạo mất sớm năm 1948, lúc đó mới 41 tuổi, nếu không chắc ông cũng chẳng sợ gì mà không dám.

4 Ông Như Phong vẫn được gọi là nhà báo của các nhà báo. Khi còn sống ông tự nhận là nhà báo đàn em của Hoàng Đạo. Ông Như Phong đã bỏ ra một phần lớn cuộc đời để thu thập tài liệu về Hoàng Đạo, phần đời ấy đã trở nên hoang phí nếu không muốn nói là vô ích, vì tất cả những gì ông thu thập đã không còn nữa sau cái chết của ông (Như Phong).

5 Ốc chứa độc chất châm biếm cực nặng, bắn vào ai sẽ bị họ thù cho đến chết (đến bây giờ họ đã chết hết rồi). Dưới kính hiển vi, các nơ-ron não tai quái có cấu trúc như hai chữ Tứ-Ly viết xoắn vào nhau.

6 Áo quan, chữ Hoàng Đạo dùng để đùa các quan lớn. Trên Ngày nay số 64, mục tranh cười với tựa đề Đồng Nghiệp:

- Ông làm nghề gì?
- Tôi may áo quan, còn ông?
- Tôi đóng áo quan.

Con gái Thạch Lam về con phố gắn tên cha – Khúc Hà Linh - 28

TP - Sau hơn nửa thế kỷ, người con gái của Thạch Lam (**Tường Nhung**) (cũng là vợ của Ngô Quang Trường – Trung tướng trong quân đội của chế độ Sài Gòn trước đây) đã tìm lại quê cha, và khóc bên mộ người ông nội- cụ thông phán Nguyễn Tường Nhu.

Đầu gối sưng đau, chân nặng như chì - dùng gì để hết?

Bí quyết để luôn có giấc ngủ ngon của vị giáo sư 92 tuổi

Nước mắt của người đàn bà xa xứ ảm nồng hơn, khi đứng trước một con đường nơi phố huyện xưa, có tấm biển Thạch Lam, người cha thân yêu của mình....

Là người con thứ sáu trong một gia đình có bảy anh chị em, Thạch Lam lúc còn nhỏ có tên là Sáu. Khi đi học có tên khai sinh Nguyễn Tường Vinh. Sau này vì muốn thi nhảy cấp, nên khai tăng tuổi và làm khai sinh lại là Nguyễn Tường Lân. Thạch Lam mồ côi cha khi mới lên 8 tuổi. Người mẹ goá 37 tuổi, tần tảo gánh vác cơ nghiệp họ Nguyễn Tường trong hoàn cảnh đông con nhỏ. Thạch Lam chủ yếu sống bằng tình thương mẫu mực, nhân hậu của người mẹ và các anh chị trong phố huyện Cẩm Giàng nghèo mà buồn thiu, heo hút cảnh nông thôn, với người dân lam lũ.

Sau khi đỗ tú tài phần nhất, Thạch Lam bỏ ngang đi làm báo với các anh. Tuy vào nghề văn muộn, nhưng năm 1937 ông cho ra mắt bạn đọc tập truyện ngắn Gió đầu mùa có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống văn học thời bấy giờ..

Vào tuổi 25 Thạch Lam lấy vợ. Chị ruột là Nguyễn Thị Thế để lại ngôi nhà ven hồ Tây cho cậu em và tìm nơi khác. Từ đây Thạch Lam mới có nhà riêng, bước vào cuộc sống tự lập.

Thạch Lam có ba người con, hai trai một gái: Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Tường Đăng và trước vài ngày ông ra đi, thì vợ ông sinh thêm con trai. Nhà văn âu yếm nhìn đứa con mới ra đời, khen nó khỏe mạnh (sau này là nhà văn Nguyễn Tường Giang) ngược mắt nhìn lần cuối cùng người mẹ già, người vợ trẻ vừa ở nhà hộ sinh về, rồi lịm đi. Căn bệnh lao phổi đã xé ngang tiếng thở đời ông. Đó là ngày 27/ 6/1942.

Thạch Lam hưởng dương 32 tuổi tại nhà riêng - nhà cây liểu, làng Yên Phụ, ven hồ Tây - Hà Nội, tạo ra một chỗ ngoặt, hẫng hụt trong TLVĐ.

Mộ Thạch Lam đặt ở nghĩa địa Hợp Thiện, gần ô Đống Mác, nơi người vợ trước của anh cả Nguyễn Tường Thụy nằm tại đó.



Bà Dung bên ngôi mộ ông nội Nguyễn Tường Nhu,
tại nghĩa trang làng La A, xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng.
Ảnh tư liệu gia đình

Chồng mất sớm ở tuổi 32, để lại ba đứa con thơ, người thiếu phụ góa bụa còn trẻ ôm các con về Cẩm Giàng ở với mẹ chồng đã ngoại lục tuần, (tức cụ phán Nhu). Bốn mẹ con quần tùm bên nhau trong trại Cẩm Giàng, như ngày niên thiếu Thạch Lam từng sống và học tập ở đây.

Phố huyện những năm bốn mươi còn rất nghèo và buồn tẻ. Dãy phố xiêu vẹo mấy ngôi nhà. Ga xếp lều tều vài chiếc quán dựng tạm bợ, hai bên trồng rào găng.

Đến mùa, găng chín đỏ hấp dẫn bọn trẻ con nhà nghèo, nhưng chẳng mấy đứa dám ăn, bởi nó có mùi vị hắc đáng sợ. Đêm đêm, những khi có chuyến tàu ngược xuôi, thì hình như có một bàn tay vô hình đánh thức, phố ga choàng tỉnh dậy rộn rã ào ạt lên chốc lát.

Tiếng bánh xe sắt nghiêng đường ray xa dần, thì đêm đen lại lọt thỏm vào cảnh vắng vẻ, buồn thiu.

Tiếng là phố huyện, nhưng bây giờ nó chỉ sang hơn làng quê khác nhờ cái chợ và mấy hiệu bán hàng của nhà Hoa kiều, như ông hai Phóng, tư Vây, bà năm Tàu. Cuối phố có lối rẽ xuống bên đò sông Sen, hai bên xanh biếc những dặng tre. Người đi qua lối này đều ngó vào cổng huyện màu xám, có hai người lính lệ đứng gác như hai con tốt đỏ trong bộ quân tam cúc, nhưng vẫn phảng phất của chút uy quyền của một chính phủ bù nhìn. Nắng ráo còn đỡ, chỉ cần mưa một ngày đêm, cả phố huyện sưng nước và nhầy nhụa bùn như thể ruộng bừa chuẩn bị cấy.

Và cái phố ga càng ảm đạm, buồn thiu, thấp thoáng vài con người lấm lũi, tan vào các con đường nhỏ, rồi mất hút trong các lũy tre xanh.

Ngày ấy cụ thông Nhu có một chõng hàng ở trước cửa ga. Gọi là cửa hàng cho sang chứ thực ra chỉ bán dăm cút rượu, vài phong bánh khảo, vài gói thuốc Lào... cốt là gặp khách quen đưa vào nhà bà ngoại (cụ quản Thuật) để nghỉ lại qua đêm.

Cũng là họa hoàn có ông khách lỡ tàu ngủ lại, hoặc là ông lý, ông chánh ở các làng xa lên huyện có việc không về kịp. Nhưng cũng chỉ ào lên được ít ngày vào vụ thu thuế. Còn những ngày thường khách vắng teo.

Năm 1945, mẹ con bà Thạch Lam vẫn ở Cẩm Giàng. Cô con gái Nguyễn Thị Dung bây giờ đã 7- 8 tuổi. Cô đi học, tham gia hát múa, sinh hoạt thiếu nhi cùng các bạn trong phố huyện, đến nay khi nhắc lại, nhiều người cùng trang lứa vẫn nhớ...

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cũng như bao nhiêu người dân khác, gia đình cụ phán Nhu, bà Thạch Lam cùng đi tản cư tránh giặc...

Khuôn viên của gia đình đã biến thành vườn không nhà trống theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến... Cuộc chiến tranh chín năm trường kỳ, kèm theo cảnh nhiều gia đình ly tán xa dời quê hương....

Hòa bình lập lại, người dân hồi cư, xây lại nhà cửa, khôi phục hàn gắn vết thương chiến tranh, nhưng cũng có người không trở lại. Trong số đó có gia đình cụ thông Nhu, và mẹ con bà Thạch Lam...

Bây giờ khách về ga Cẩm Giàng, hỏi nhà cũ Thạch Lam, hỏi khu trại cụ phán Nhu, hay trại văn chương TLVĐ, khách sẽ được bà con nhiệt tình chỉ dẫn. Một con đường nhỏ đi vào trang trại được mang tên Thạch Lam.

Và cách đó không xa, mộ cụ ông phán Nhu được một gia đình nông dân hơn nửa thế kỷ vẫn trông nom, hương khói với tấm lòng cao cả.

Trang trại cũ của gia đình Thạch Lam bây giờ có ba hộ sử dụng. Một trong ba hộ ấy là ông Nguyễn Văn Đạm, tuổi ngoại bẩy mươi nhưng mạnh khỏe, quắc thước.

Khuôn đất nhà ông ước chừng 2.000m², xung quanh trồng đủ loại cây ăn quả và trồng nhiều giống hoa quý, hương thơm ngan ngát không gian... Đặc biệt chiếc ao ngày xưa còn nằm ở trong vườn...

Khách đi tuyến xe lửa Hà Nội- Hải Phòng qua đây, ngồi trong toa vẫn nhìn thấy một khu vườn nằm sát đường sắt, sum sê hoa trái... Ít ai biết rằng, chính nơi đây, ngày mồng ba tết Nhâm Ngọ (1942), Thạch Lam còn tiếp bạn văn chương, như vợ chồng Thế Lữ- Song Kim, Khái Hưng, Trần Tiêu, Huyền Kiêu, Đinh Hùng... từ Hà Nội về thăm. Họ cùng nhau chúc rượu Đào Lê Mỹ tử, cũng là lần Thạch Lam vĩnh biệt quê nhà...

Rồi chiến tranh, và ly tán... trôi theo số phận con người. Anh em Thạch Lam, người lưu vong nước ngoài, người mất nơi đất khách, người vào Nam tìm kiếm việc làm... Con cháu, anh em trong cảnh tan đàn xẻ nghé...

Chính trong hoàn cảnh ấy, bà Thạch Lam đưa con vào Sài Gòn sinh sống. Và sau 54 năm xa cách quê hương, ở Sài Gòn, di tản sang Mỹ, tháng 2 năm Mậu Tý – 2008 vừa qua, bà Nguyễn Thị Dung con gái nhà văn Thạch Lam trở lại thị trấn Cẩm Giàng, nơi lưu giữ ngôi mộ người ông nội Nguyễn Tường Nhu, một dấu ấn họ Nguyễn Tường, gốc Quảng Nam, sinh thành trên đất Bắc..

Vào tuổi bảy mươi, nhưng bà Dung còn mạnh khỏe và tinh tươm. Bà nhờ vị giáo sư già Vũ Xuân Ba (từng là bạn trai của Nguyễn Kim Thư - người chị con bác ruột là nhà văn Nhất Linh) đưa về quê nội Cẩm Giàng.

Bà cảm động khi biết rằng nửa thế kỷ qua, có một gia đình người làng La A, xã Kim Giang đã hào hiệp trông nom mộ phần của người ông nội, với tấm lòng cao cả, chân thành.

Bên nắm mộ, nhặt nhòa hương khói, người đàn bà tha hương, từng phiêu bạt quê người, nguyện cầu ông nội phù hộ cho những đứa cháu xa quê, cho những người đã giữ từng nắm cỏ mộ phần người đã khuất. Và cả những người đi tìm lại hình ảnh, kỷ niệm người xưa. ...

Bà Dung càng xúc động hơn khi bước chân chậm chậm trên con đường về nhà cũ, từng gọi là trại văn chương TLVĐ, bây giờ được mang tên đường Thạch Lam, người cha kính yêu của bà. Bà thầm gọi: Cha ơi, thế là cha sẽ sống mãi với quê hương Cẩm Giàng. Thật đáng quý tấm lòng người quê hương bao la nhân hậu.

Phụ đính:

Tài năng đa dạng của Khái Hưng Duy Lam



Con bà Nguyễn Thị Thế. Tên thật

Nguyễn Kim Tuấn. Sinh năm 1932
tại Hà Nội. Hiện đang ở California.

Nhiều người hâm mộ tài viết văn của ông Khải Hưng, cũng còn biết ông còn có nhiều tài trong những lãnh vực khác nữa, như tài vẽ tranh theo lối mộc bản và tài dịch thơ Pháp. Hầu như ai đã từng đọc các tác phẩm của ông đều khó quên được bài Tình Tuyệt Vọng, bản dịch tiếng Việt của ông, dịch thơ Arvers, xuất hiện lần đầu tiên trong một truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng cũng do chính ông sáng tác. Chẳng qua khi viết truyện ngắn này về một chàng thi sĩ thầm yêu vợ của người bạn thân mình, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, khi anh ta cùng bạn đến xem mặt người vợ tương lai tại một làng quê. Mỗi tình tuyệt vọng ấy, thi sĩ Văn Châu đã giữ mãi trong lòng cho mãi đến một bữa ăn Reveillon đêm Noel tại nhà hai vợ chồng bạn, thi sĩ mới mượn lời thơ Arvers mà anh đã dịch sang tiếng Việt, để phần nào thổ lộ cho mọi người biết, với sự thông cảm thật cao thượng và nhân ái của chính người chồng, bạn thân của thi sĩ.

Cho đến nay đã bao nhiêu người cố gắng dịch bài thơ Tình Tuyệt Vọng của Arvers sang tiếng Việt, kể cả ông Nhất Linh, nhưng cuối cùng ai cũng phải công nhận bài dịch của ông Khải Hưng là thoát nhất, thơ nhất và hễ nhắc đến Arvers là lập tức trên đầu môi nhiều người hai câu thơ dịch của Khải Hưng lập tức đã vang lên "Lòng ta chôn một khối tình, Tình trong giây phút mà thành thiên thu". Và rồi người đọc những câu thơ đầu tiên này được ngay những người bên cạnh đọc tiếp đầy hứng thú luôn cả bài thơ.

Đến đây, tự nhiên tôi muốn có hai nhận xét, một về tính lãng mạn của văn xuôi Khải Hưng và tài dùng từ ngữ rất Việt Nam, rất thơ của văn dịch của ông. Xem ra Khải Hưng có thể được coi là nhà văn lãng mạn nhất của Tự Lực Văn Đoàn, vì ông luôn có những cốt truyện hấp dẫn và không thiếu những yếu tố ngang trái éo le. Trong truyện dài Đẹp ông đã để ông chú họ Ngọc yêu Lan cô gái trẻ của bạn mình, tình yêu chú cháu này được đưa ra trước Chu Tử rất nhiều năm. Trong truyện dài Thanh Đức hay Bản Khoãn, ông đã để hai bố con Thanh Đức cùng yêu một người đàn bà đẹp Hảo, để rồi nàng Hảo đã bất ngờ nhận lấy một ông huyện, khiến hai bố con chường hững thất vọng ngẩn ngơ. Truyện dài Trống Mái, ông đã mô tả và khiến độc giả hồi hộp theo dõi chẳng hiểu cuối cùng liệu cô Hiền, cô gái mới thời đại, có lúc nào rơi vào vòng tay khoẻ mạnh của chàng Vội thuyền chài, phá cả mọi rào cản về lễ giáo đương thời, và Hiền mắc vào cái lưới của chính nền giáo dục Tây học mà Hiền đã tiêm nhiễm, thích cái đẹp thể chất của thân hình đẹp như một bức tượng thần Apolon của một người nam thuộc giai cấp bình dân. Nhưng Khải Hưng đã chỉ để chàng Vội vẽ hai chữ Vội Hiền quấn vào nhau cùng các hòn đá của Hòn Chồng, rồi được tin Vội chết vì cá nhà táng, Hiền mới xúc động hiểu ra là Vội đã yêu nàng, một thứ tình tuyệt vọng vượt qua các ranh giới của giai cấp. Chẳng hiểu Hiền có hiểu ra là nàng đã có một trò chơi hơi ác của một cô gái mới, là đã có một liên hệ khác đời, giao du với một chàng trai khỏe đẹp và kích thích sự quyến luyến không thiếu những sắc thái dồn ép của dục tình, với sắc đẹp thể chất của một cô gái mới đang độ là nàng. Tôi cứ nghĩ, giá ông Khải Hưng đưa dẫn hai trẻ đến chỗ chàng Vội chịu không nổi ôm lấy Hiền làm bậy, chắc chuyện có những diễn biến ly kỳ và hấp dẫn hơn nữa, ít ra là đối với các người trẻ như tôi và Thế Uyên. Bọn tôi khi đọc lại các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn và mấy tác phẩm do hai ông Khải Hưng và Nhất Linh viết chung, đều khoái nhân vật Tuyết của Đời Mưa Gió. Các cô gái làng chơi nửa chừng, ngang ngược dí dỏm này luôn có những hành động vừa khác thường lại vừa cảm dỗ đàn ông một cách bất ngờ nhất. Chuyện Tuyết xuất hiện ở bếp nhà giáo sư Chương, để làm bếp cho chàng ta, những lời đối đáp ngộ nghĩnh có duyên và ý nhị của nàng ta, và luôn cả cái lối Tuyết nhảy fox trot theo một điệu Bình Bán, thật vừa khả ái và dễ mê. Cái kết của Đời Mưa Gió thật xine Hollywood là cho Tuyết trở về nhà Chương một đêm Giao Thừa, để đốt hết quần áo của nàng thật Tây, nhưng rất hợp khi chuyện dài này được quay thành phim. Đọc Đời Mưa Gió tôi lại liên tưởng đến Of Human Bondage của Somerset, cũng như hệ lụy ghê gớm của tình yêu giữa một chàng sinh viên với một người đàn bà thay đổi đầy khó hiểu. Thế còn Chương? Rõ ràng chàng giáo sư mô phạm đứng đắn mực thước nổi tiếng ghét phụ nữ đã bị thân hình

nảy nở và tình yêu nặng xác thịt nàng Tuyết mang tới cuốn hút vào những phiêu lưu không định hướng, không lối ra. Quả thật thời đó các ông đã dám đề cập đến sự sa đọa tha hóa của người trí thức mô phạm khi đụng đầu với sự cuốn hút của dục tình, cũng phải nói là mạnh bạo. Trở lại cách sử dụng từ ngữ vừa Việt Nam vừa rất Á Đông, rất thích hợp của Khái Hưng khi dịch thơ Arvers. Để dịch một bài thơ Pháp, ông đã rõ ràng cố ý chọn lựa những từ ngữ, những hình ảnh ý niệm rất quen thuộc với các độc giả Việt, vốn dễ bị xúc động khi đọc những từ ngữ, hình ảnh xem ra đã được bao thế hệ thi sĩ Trung Hoa cũng như các nho sĩ Việt sử dụng, để viết văn làm thơ, đến độ sẽ tự xúc động như đã bị điều kiện hóa bởi những từ ngữ hình ảnh cổ đã tồn tại lâu đời qua văn chương.

Đúng ra theo tôn chỉ viết văn của Tự Lực Văn Đoàn, viết một lối văn rất An Nam, giản dị trong sáng, tránh những từ ngữ gốc chữ Hán trừu tượng khó hiểu, tương tự như các nhà thơ mới trong nhóm như Xuân Diệu, Thế Lữ, nhưng Khái Hưng đã chọn một lối dùng từ ngữ cũng có phần cổ kính, để dịch thơ Arvers, khiến bản dịch hấp dẫn người đọc vì các âm điệu quen thuộc gợi hình gợi cảm và rất khó quên vì rất thơ. Ngay câu đầu ông đã dùng chữ "chôn" một mối tình, một hành động lãng mạn cũ, rồi khoáng khắc và "thiên thâu", hai từ kép Hán Việt. Rồi đến những từ sáo cũ của văn chương ngôn ngữ bình dân như Thâm sâu, gieo thắm, thui thui, đường trần, ngọc nói hoa cười, bước tiên, tiết liệt đoan trinh. Nhiều danh từ đọc lên ta có cảm tưởng đã thấy ở Cung Oán Ngâm Khúc hay Chính Phụ Ngâm.

Tóm lại, Khái Hưng đã Á Đông hóa tình tuyệt vọng qua những từ ngữ hình ảnh ông đã chọn dùng để dịch thơ Arvers. Cho nên không có gì ngạc nhiên đồng đảo độc giả qua nhiều thế hệ vẫn mê thích bản dịch của ông, và dù có đọc lên bản tiếng Pháp, để đối chiếu với bản dịch, nhưng hiển nhiên chỉ đọc bản dịch của Khái Hưng người ta mới thấy những niềm xúc động sâu xa và bền vững hơn. Thật sự trong trường hợp này dịch còn là một hành động sáng tác rõ nét, vì người dịch nhờ tài năng và khả năng hiểu thơ nguyên bản, hiểu rồi cảm rồi thấm và rồi viết lại bằng tiếng mẹ đẻ của mình thoát và tự nhiên, đến nỗi người đọc đồng hóa nhập vào giống ngôn ngữ dịch nhiều hơn, thấm thía hơn, so với thường thức bài thơ trong nguyên bản của nó. Đến đây tôi lại muốn trích một đoạn văn viết về dịch của Nhất Linh:

...Dịch văn là một việc rất khó, theo chúng tôi, phải làm sao cho lưu loát, khiến người đọc không cảm thấy là văn dịch mà văn dịch vẫn giữ được sát ý và lột được hết tinh thần của nguyên văn.

Dịch văn xuôi không phản ý tác giả đã khó, dịch văn vần lại càng khó gấp bội, cho nên ít khi ta được thưởng thức một bài thơ dịch toàn bích. Tuy nhiên, ai cũng có thể nhận thấy dịch thơ Đường dễ hay hơn là dịch thơ Anh, Pháp,...

Ông Nhất Linh cũng rất thích thơ Đường và đôi khi ông cũng thử dịch vài bài thơ Đường mà ông thích, nhưng ông có nói với tôi khi tôi cộng tác với ông qua Văn Hóa Ngày Nay: Bác dịch cũng chỉ vì thích nhưng không thể hay bằng Tản Đà và cũng còn thua nhiều Khái Hưng. Khái Hưng cũng dịch một số thơ Đường bác chọn, và quả thật bác dịch thơ Tây thật hay và dịch thơ Đường cũng rất hay nữa, có thể vì học chữ nho từ nhỏ bác tinh thông hán học, hơn nữa văn xuôi của bác cũng có tính chất thơ cao nữa. Ông Nhất Linh đúng là có mắt tinh đời, khi mời Tản Đà cộng tác, ông đã khéo nhờ thi sĩ phụ trách mục dịch thơ Đường cho nên đến nay những bài thơ dịch thơ Đường của Tản Đà đã mãi được độc giả nhiều thế hệ khâm phục và ưa thích. Tiện đây, để chứng minh cái tài dịch thơ Đường của nhà văn Khái Hưng, cái tài mà ít người lớp sau biết được, tôi xin trích sau đây một số bài thơ tiếng Việt dịch từ những bài thơ Đường của những thi sĩ lớn của thi đàn Trung Hoa. Phải công nhận ngoài những từ Hán Việt chuyển sang tiếng Việt, Khái Hưng đã khéo tận dụng tất cả cái uyển chuyển tinh tế của tiếng Việt để dịch, chuyển thể thì đúng hơn, một số bài thơ nổi tiếng của thi sĩ được tôn là tiền phong trong giọng thơ lãng mạn trữ tình Trung Hoa.

Dưới trăng uống rượu một mình

Lý Bạch

I

Trong hoa một hồ rượu
Ngồi uống, bạn không ai
Cất chén mời trăng sáng
Vời bóng là ba người
Trăng không ngưng ta uống
Bóng theo ta chẳng rời,
Tạm bạn trăng cùng bóng
Đề chờ xuân tới nơi
Ta ca trăng bồi hồi,
Ta múa bóng linh loạn
Lúc tỉnh cùng giao hoan
Say mọi người phân tán
Bạn già nhưng vô tình
Hẹn nhau sông Vân Hán,.

II

Trời mà không thích rượu
"Sao rượu" ở chi trời?
Đất mà không thích rượu
Thích rượu không thẹn trời
Đã nói trong chữ thánh
Độc tựa hiền thêm lời
Hiển thánh đều đã uống
Thần tiên còn cần ai?
Ba chén trong đạo lớn
Hấp tự nhiên một chai
Chỉ tìm thú trong rượu
Mặc người tỉnh lời thôi

III

Ba tháng ở Hàm Dương
Nghìn hoa đẹp như gấm
Ai hay xuân mà sầu
Nên còn uống nhiều lắm
Cùng thông và ngắn dài
Tạo Hóa sẵn phú bẩm
Sống, chết, một chén thôi
Muôn việc khôn xét thắm
Khi say quên trời đất
Ôm gối nằm ngủ lếp
Chẳng biết có thân mình
Vui ấy vui nào thắm

IV

Sầu lớn nghìn muôn mối
Ba trăm chén rượu ngon
Sầu nhiều rượu tuy ít
Rượu nghiêng sầu phải bon
Sở dĩ biết rượu thánh
Rượu say mở lòng son

Bá Di không nhận thóc
Nhân Hôi đói chết mòn
Thời ấy không thích uống
Hư danh sao vẫn còn?
Cua tôm là châu báu
Cổ men là cõi Bồng
Và cần uống rượu tốt
Gác cao cười trắng tròn
Khái Hưng dịch

Lý Bạch
Thiếp ngắt hoa trước cửa
Tóc chấm trán vừa ngang
Chàng cưỡi ngựa trúc đến
Tung mơ chạy quanh giường
Làng Trường Sơn cùng ở
Hai trẻ một lòng thương
Mười bốn về làm vợ
Thiếp e then bể bàng
Chúi đầu vào vách tối
Gọi, mãi chẳng quay sang
Mười lăm, mi mới nở
Nguyên ghi tạc đá vàng
Chàng không hề lỗi hẹn
Thiếp rất được yêu thương
Mười sáu, chàng ra đi
Trèo leo lối Cô Dương:
Tháng năm ai dám tới?
Tiếng vượn kêu thảm thương
Ngoài cổng thưa chân bước
Rêu xanh mọc thành hàng
Rêu đầy không thể quét
Lá rụng gió thu mang
Tháng tám ngoài vườn cỏ
Nhấn nha đôi bướm vàng
Tự cảm đau lòng thiếp
Nhìn tàn tạ hồng nhan
Sớm chiều xuống ba quận
Mong ngóng đợi thư chàng
Đón nhau xa không ngại
Trường phong bao dặm đàng
(Khái Hưng dịch)

Đến đây, gọi là một cử chỉ tế nhị đối với các bạn trẻ, không thông thạo Pháp ngữ và có thể cũng chẳng nhớ đến Arvers, cũng như đối với các bạn tuy có đọc và nhớ lõm bõm bản dịch Tình Tuyệt Vọng thơ Arvers, Khái Hưng dịch, nên tôi cũng kèm vào đây toàn bộ bài thơ khó quên đó.

Tình tuyệt vọng
Arvers

Lòng ta chôn một mối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu
Tình tuyệt vọng nỗi thảm sầu
Mà người gieo thảm như hầu không hay
Hỡi ơi! Người đó ta đây
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Truyện riêng dễ dám một lần hé môi?
Người dù ngọc nói hoa cười
Nhìn ta như thể nhìn người không quen
Đường đời lặng lẽ bước tiên
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình
Một niềm tiết liệt đoan trinh
Xem thơ nào biết có mình ở trong
Lạnh lùng lòng sẽ hỏi lòng
Người đâu tả ở mấy giòong thơ đây
(Khái Hưng dịch)

Chỉ có điều, như một nhà văn có tính tò mò cứ muốn biết nhiều hơn về sự nẩy sinh của các tác phẩm văn chương, tôi cứ thắc mắc hoài với chính mình. Ông Khái Hưng dịch thơ Arvers trước rồi mới viết một truyện ngắn, ở đây cũng có tên Tình Tuyệt Vọng, để tiện gài bài thơ ông dịch vào truyện, hay ông viết truyện trước và nhân tiện dịch bài thơ của Arvers, mà những người theo Tây học hỏi đó ai cũng biết? Tôi cũng tiếc không gặp bác Nhất Linh, chắc bác cũng đã giải tỏa cho thắc mắc của thằng cháu, nhà văn vốn nhiều chuyện lại tò mò.

Đọc lại truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng của Khái Hưng, tôi mới chợt nhận ra không khí một đêm Noel tụ tập các nghệ sĩ trí thức ở Hà Nội một thời tiền chiến tài hoa son trẻ, lại có nhiều nét tương đồng với những tụ họp sau này của bọn nhà văn nhà thơ lớp sau chúng tôi, cũng những lời đùa cợt ý nhị trêu chọc thân ái lẫn nhau, cũng những trò chúc rượu khen khéo sắc đẹp phe nữ và sự duyên dáng của nữ chủ nhân, cũng cái nét ham sống ham vui yêu đời của tuổi trẻ. Cho nên nói văn chương tiền chiến đã trở nên có phần xa lạ, cũ xưa, không hợp thời đối với tuổi trẻ các thế hệ sau, e ta phải đặt Khái Hưng sang một bên vì không ở tiểu thuyết nào có nhiều nhân vật nữ hấp dẫn đa dạng và có cách cư xử ăn nói có nhiều hiện đại tính như trong văn xuôi của Khái Hưng. Chẳng trách Khái Hưng được đông đảo độc giả trẻ trí thức thành thị yêu mến và sách của ông bán chạy hàng đầu trong các nhà văn Tự Lực Văn Đoàn. Để kết thúc bài tùy bút này, tôi muốn viết sơ qua về tài họa của Khái Hưng. Như Nhất Linh đã chú thích khi cho đăng lại bức minh họa bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiều, do chính tay Khái Hưng vẽ. Lối minh họa của Khái Hưng khiến tôi liên tưởng đến lối vẽ tranh mộc bản của các họa sĩ Nhật, sáng tối làm nổi yếu tố khối, nét vẽ rõ ràng mạnh mẽ, để dễ cho thợ khắc lên bản gỗ. Chỉ tiếc một điều đây là bức tranh độc nhất còn lưu lại được của Khái Hưng, tại sao ông không minh họa nhiều hơn các truyện ngắn truyện dài của chính ông. Nếu ông làm như thế, có phải ngày nay chúng ta có được một bộ sưu tập các bức tranh với phong cách Á Đông, và như Nhất Linh xác nhận đẹp không thua gì các bức tranh của các danh họa. Có thể vì tính tình khiêm cung ý nhị, trong Tự Lực Văn Đoàn và Phong Hóa Ngày Nay, đã có đến hai danh họa Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân phụ trách phần minh họa, nên Khái Hưng đã không khai triển một tài năng ẩn kín của ông là họa. Thật đáng tiếc.

Mùa Giáng Sinh 2007

Tưởng niệm Nhất Linh
7.7.1963 – 7.7.2008

Nguyễn Tường Tâm

(con của Nguyễn Tường Cẩm,
cháu gọi Duy Lam và Thế Uyên bằng cậu)

Than ôi! Đòi chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi;
Việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.
(Trích bài truy điệu Nhất Linh của thi sĩ Vũ Hoàng Chương ^[1])

Đám tang văn hào Nhất Linh diễn ra tại Sài Gòn vào sáng thứ Bảy, ngày 13.7.1963 và lễ truy điệu ông diễn ra bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tại sân vận động Tao Đàn Sài Gòn.



Trước giờ hạ huyệt, nhà văn Nhật Tiến, thuộc thành phần văn nghệ sĩ trí thức trẻ, Linh mục Thanh Lăng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam

Những bức ảnh trong bài này được chụp bởi nhiếp ảnh gia nổi tiếng Mạnh Đan và cũng là những bức ảnh trải qua những năm tháng trôi nổi như cuộc đời của ông Nhất Linh. Sau 30.4.1975, để thoát khỏi chính sách của nhà nước truy lùng tiêu hủy sách báo và văn hoá phẩm miền Nam, người con dâu của ông Nhất Linh đã phải chôn giấu bộ ảnh dưới làng quê Thủ Đức của bà. Sau đó bà đã cẩn thận lén photocopy làm nhiều bản để trao cho nhiều thân nhân, bạn bè cùng cất giữ. Riêng trường hợp của tôi, gần mười năm sau, khi đi tù cải tạo xã hội chủ nghĩa trở về, đã được bà trao một bộ copy. Năm năm sau, 1989, tôi đào thoát trong một cuộc vượt biên duy nhất cùng gia đình mà thành công tại Đông Hà, Quảng Trị, bộ ảnh bị bỏ lại cùng toàn gia sản. Lúc đó mạng người còn khó bảo trọng nữa là!

Mười lăm năm sau (2004), khi người vượt biên đã được nhà nước đổi danh xưng từ những “tên phản bội tổ quốc” thành những “khúc ruột xa ngàn dặm”, trở về lại nơi đã đào thoát một cách mạo hiểm trước đó, người viết đã phải cảm ơn cô Trần Thị Lan, em vợ, khi cô trao lại những tấm ảnh này kèm theo những lời đáng kính trọng: “Khi anh chị và các cháu ra đi, mọi người chỉ chú ý di chuyển gấp những tài sản còn lại ra khỏi nhà của anh chị để khỏi bị tịch thu cùng với căn nhà, chẳng ai biết và chú ý tới những tấm ảnh này. Nhưng em biết, với anh,

những tấm ảnh này là quý hơn tất cả, nên em cất đi, đợi ngày anh về đưa lại.” Ôi sao chỉ là những tấm ảnh thôi mà cũng phải lao đao lận đận theo vận nước nổi trôi mãi 29 năm trôi!

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963, cương quyết phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc độc tử tự tại Sài Gòn.

Ông đã để lại chúc thư nổi tiếng được các hãng thông tấn ngoại quốc truyền đi khắp thế giới, “Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ, xử tội tất cả các phân tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi phản đối sự đó. Và cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức, tôi tự huỷ mình để phản đối những ai chà đạp lên mọi thứ tự do.” Nội dung bản chúc thư của ông ngày nay cũng vẫn còn phù hợp với tình hình đất nước.

Mặc dù có sự ngăn cản mạnh mẽ của công an, mật vụ, đám tang Nhất Linh vẫn có cả ngàn thanh niên, sinh viên, học sinh, văn nghệ sĩ, trí thức cùng đồng bào tham dự.

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người bạn thân và cũng là bác sĩ riêng của Nhất Linh đã thuật, “Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh quản tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ Bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.



Vòng hoa kính viếng ông Nhất Linh của các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng của ông.
Dòng chữ phía trên: Nguyễn Thái Học 17-6-1930.

Dòng chữ dưới: Nguyễn Tường Tam 7-7-1963

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ Bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ Bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ Bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ Hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ Bảy vậy.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng âm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối tượng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những

lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh. Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.”^[2]

Bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, các đoàn thể và nhân dân đã tự động làm lễ truy điệu ông Nhất Linh tại sân vận động Tao Đàn (lúc đó chưa có sân vận động Thống Nhất)



Bức ảnh chân dung Nhất Linh là phóng họa từ tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí.

Sau lưng vị cao tăng là biểu ngữ của học sinh hai trường trung học dạy theo chương trình Pháp nổi tiếng tại Sài Gòn: trường nam sinh Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quý Đôn) và trường nữ sinh Marie Curie.

“Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*”. (Nguyễn Mạnh Côn, tác giả cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*).^[4]

© 2008 talawas

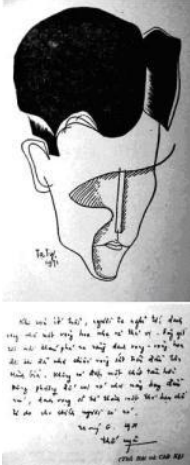
^[1] *Văn số* 156, ngày 15 tháng 6 năm 1970, talawas 9.6. 2008

^[2] *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiêm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Do tập san *Văn* xuất bản xuất bản ngày 25.6.1966. talawas 5.6.2008.

^[3] Sách đã dẫn.

^[4] Sách đã dẫn

Người bác
Thế Uyên



Con bà Nguyễn Thị Thế. Tên thật: Nguyễn Kim Dũng.
 Sinh ngày 16.3.1935 tại Yên Phụ, Hà Nội.
 Mất ngày 11.6.2013 tại Bothell, Washington, Hoa Kỳ.

Đôi khi, sau buổi chiều ôm một tấm ván bơi lang thang khắp hồ Tây tìm củ ấu nước, tôi ngồi nghỉ trên bờ cừ kể cho mẹ tôi cuộc phiêu lưu trong nước vừa qua, bà ngừng giặt áo, nói với giọng giản dị: “Các bác ngày xưa bằng tuổi mày, đâu có nghịch đến thế!”. Giọng của bà không có gì là trách móc nhưng tôi cũng giận dỗi nhảy tùm xuống hồ, và chỉ lên khi trông thấy ba tôi xuất hiện trên đường làng Yên Phụ. Đôi khi những ngày ngày-xưa được mẹ tôi nhắc đến qua những hình ảnh làm tôi thích thú nghe hơn: “Cây liễu này chú Sáu trồng khi mới tới ở đây. Du cùng tuổi với nó đấy”. Tôi nhìn cây cổ thụ thân nâu sần sùi nứt nẻ cành mềm rũ xuống mặt nước, cảm thấy một hãnh diện, một liên đới thân mật mơ hồ. Có sáng mùa đông, tôi lục tủ sách mang truyện ra, leo lên ngồi cạnh mẹ tôi đang khâu vá. Mẹ tôi nhìn qua cửa kính, vẻ mặt buồn, tôi nhìn bà, tiếng thuyền chài gõ trên nan tre qua cửa kính lọt vào phòng. “Chắc những ngày này bên Vân Nam có tuyết. Chẳng biết các bác có áo ấm không...”. Tôi vứt sách, nằm gối đầu lên đùi bà. Mẹ tôi mỗi lần nhắc tới các bác, giọng bao giờ cũng mang một nỗi buồn lo lắng làm tôi nghĩ đến những hiệp sĩ lâm nguy trong những truyện cổ tích. “Du cũng thích tuyết, bao giờ các bác về, mẹ nhớ cho Du đi theo...”. Mẹ tôi cười, sang dĩ vãng khác: “Mùa lạnh hồi trước, những ngày như thế này, các bác các chú thể nào cũng về đây, đốt lò than để ngay giữa phòng, uống rượu với mực nướng, ngắm hồ và cây liễu”. Tôi ngồi dúi mũi vào cửa kính lạnh, tò mò nhìn cây liễu trụi lá, không hiểu nó có gì lạ để các bác phải ngồi ngắm.

Mùa hè, tôi và Lam suốt ngày bơi thuyền, lội dưới nước hái củ ấu, tìm hoa sen. Buổi chiều, ba tôi ở toà báo về, ba bố con vác cần ra câu cá cho mẹ tôi nấu canh buổi chiều. Mùa đông, hai đứa chạy trên những con đường lát ạch đỏ, vác gậy săn thằn lằn, leo cây đa cổ thụ để tưởng tượng mình đang làm thuyền trưởng trên tàu đi thám hiểm Bắc cực. Những khi thời tiết quá lạnh, bọn tôi ngoài giờ học, cạy tủ sách lớn lục đọc trộm những cuốn tiểu thuyết ba tôi chưa cho phép cầm tới. Vụ vi phạm này đến tai ba tôi, không biết hai ông bà quyết định ra sao, chỉ biết hậu quả là thỉnh thoảng tôi dắt hai đứa lên Hà Nội, đến toà báo, - thế giới thần tiên của tôi và Lam. Hai anh em đứng hàng giờ nhìn máy in chạy, táy máy lấy chữ xếp tên mình cho tới khi ba mẹ tôi từ phòng các bác xuống, dẫn bọn tôi ra Thủy Tạ. Hai ông bà ngồi uống rượu nóng pha chanh, hai anh em sốt ruột ngồi trước đĩa lạc: chồng tiểu thuyết ba tôi trao cho Lam ôm từ lúc rời toà báo đang nằm trên bàn chờ đợi. Tôi dùng thìa vớt những miếng chanh nóng, bỏ vào miệng ngậm, luôn luôn giục mẹ uống mau hết rượu. Sau đó gia đình tới một hiệu sách quen. Lam đặt chồng tiểu thuyết trên quầy, lúi húi biên những số tiền dài trên một tờ giấy. Tôi để mặc Lam, chạy đi chạy lại ngắm những tập *Truyện bá*, *Tuổi thơ*, những tập sách Pháp in hình Bạch

Tuyết có đôi mắt to cắn quả táo đỏ bự. Khi Lam và chủ hiệu đã cộng xong những con số, hai anh em bắt đầu chọn sách. Ba tôi mang một số sách của Nhà xuất bản Đồi Nây đến để bọn tôi đổi lấy những truyện nhi đồng. Tôi xếp một chồng cao trước mặt, mở trang đầu, truyện nào bắt đầu bằng hai chữ “Ngày xưa...” mới chọn. Khi trở về làng, trời lạnh cóng, tôi nhìn thấy từ xa ánh điện lọt qua cửa sổ nhà, lòng đầy háo hức. Số truyện này đủ cho hai anh em bận bịu một vài tuần mùa đông khỏi chọc phá các em hay chui vào bụi sắn thần lẩn. Đến khi số truyện nhi đồng đọc hết, khi Lam bắt đầu cạy tủ lớn tìm *Hồn bướm mơ tiên*, là mẹ tôi sửa soạn quần áo dẫn hai anh em tới toà báo. Bà lại lên gác gặp các bác, tôi và Lam lại đứng ngắm máy in. Lại những miếng chanh tẩm rượu nóng bỏng, hiệu sách và ban đêm trở về, mong ngóng từ xa ánh đèn cửa sổ nhà.

Ba mẹ tôi có một quan niệm đặc biệt về giáo dục con cái: không có một kiểm chế nào. Ba tôi làm quản lý báo *Phong hoá, Đồi Nây* và Nhà xuất bản *Đồi Nây*, suốt ngày ở toà soạn. Còn mẹ tôi, ngay từ lúc Lam chưa tới mười tuổi, đều coi hai con trai như đã lớn. Thỉnh thoảng, Lam được mẹ tôi sai về thăm bà nội ở làng Bằng Hà Đông. Chỉ có một chiếc xe đạp nên chỉ có một mình Lam được đi. Tôi ngơ ngẩn ngồi trên cây đa đầu làng, đợi Lam về. Chiếc xe đạp sau một chuyến đi xa, lúc về bao giờ cũng mang đầy những món quà đồng quê. Tôi nhận thấy mỗi lần Lam đi như vậy, mẹ tôi có vẻ bồn chồn lo lắng. Bà ngồi khâu trên bục gạch dưới bụi tre, chờ đợi. Tuy thế không bao giờ bà tìm cách cản bọn tôi trong một cuộc phiêu lưu dài ngắn mà óc tưởng tượng trẻ thơ của tôi và Lam có thể nghĩ ra được. Có lần hai anh em mượn canoé của nhà thuyền gần nhà, chèo sang thăm gia đình bác Long ở biệt thự làng Thụy Khê bên kia bờ hồ. Biệt thự bỏ không, chắc đã hết hạn thuê, tôi và Lam trở về không được. Sóng to và gió ngược chiều. Những cánh tay còn non của hai đứa không đủ sức chèo về, phải nằm lại đó tới chiều, ba tôi cùng bác cai thuyền sang kiếm. Gần tắt nắng mới về đến nhà. Từ giữa hồ, tôi đã thấy mẹ như một vết trắng bất động dưới gốc cây liễu. Mắt bà đỏ hoe nhưng không nói gì cả, ôm tôi, - lúc đó mệt nhoài, vào nhà. Bà đã tưởng bọn tôi chìm thuyền ở đâu rồi. Sợ bị ba mắng, tuy ông cũng chẳng nói gì, bọn tôi chưa đi chơi xa được ba hôm. Đến hôm thứ tư, Lam mua hai súng cao-su, rủ tôi mượn thuyền đánh cá hàng xóm đi săn ven hồ, mẹ tôi lại cho đi.

Các bác các chú, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam... chưa hề xuất hiện suốt thời thơ ấu của hai anh em trong làng nhỏ tứ bề nước bao quanh này. Các người đó, chỉ như những hình ảnh tượng tự các nhân vật thần thoại. Các bác “làm báo”, viết văn, “làm cách mạng”... Những danh từ ấy chưa có nghĩa gì cả đối với tâm hồn còn đơn sơ của tôi. Trong thời kỳ tản cư sau 1946, gia đình tôi luôn luôn di chuyển. Mẹ tôi cất nghĩa: “Tại các bác chống ông Hồ”. Tôi và Lam cũng không hiểu rõ gì hơn, chỉ thấy phục các chú và bác như phục các anh hùng trong truyện. Có vậy thôi, vì tới khi trưởng thành, hai anh em mới thực sự tiếp xúc và biết mặt những người bác thần thoại ấy – những người dám chống các “ông Tây” dám chống “bác Hồ”, những người làm thơ văn dưới gốc liễu và ngắm tuyết rơi bên Tàu.

Tới năm 1945, 1946, tôi mới bắt đầu trông thấy các bác các chú. Khoảng thời gian này ba tôi ít khi về nhà, hai ba ngày liền không rời toà báo. Lam và tôi không yêu bố nên không khó chịu. Đôi khi Lam có hỏi, mẹ tôi trả lời vắn tắt: “Ba bận làm việc với các bác”. Tuy nhận xét còn non nớt, nhưng tôi cũng nhận thấy dân làng giành cho gia đình tôi nhiều kính nể hơn mức thường. Tôi khoái trí vì leo vào vườn ông lý ăn trộm ổi không bị chủ thả chó ra đuổi, mượn thuyền đi chơi hồ dễ dàng. Một buổi sáng, tôi và Lam đang leo lên nóc nhà treo cờ đỏ sao vàng lớn kèm theo một chuỗi nhỏ cờ các quốc gia đồng minh, mẹ tôi gọi: “Về giúp mẹ, chiều nay bác Tam đến ăn cơm”. Tôi và Lam chờ đợi cả buổi trưa ở đầu làng người bác “làm cách mạng bên Tàu” mới về. Khi bác ngồi trong ghế uống trà ngắm hồ, tôi ôm cột nhà ngắm bác. Dưới cái nhìn trẻ thơ hồi ấy, người bác cao lớn mắt sáng không làm tôi thất vọng so với hình ảnh vẫn tưởng tượng. Tôi chỉ tiếc một điều sao mũi bác đỏ quá. Hiệp sĩ anh hùng tôi đọc trong truyện không ai có mũi đỏ bao giờ. Tôi đưa ý nghĩ ấy ra lời nói. Cả nhà cười và bác cất nghĩa lý do tại sao mũi

lại đồ. Tôi không nhớ rõ những cất nghĩa, chỉ nhớ hình ảnh bác ngồi trong ghế, ánh mắt nét mặt tươi sáng nhìn hồ Tây chiều hôm ấy. Cách một thời gian, một buổi chiều lạnh, gia đình tôi đi uống rượu rồi lang thang trên các vỉa hè Hà Nội. Một đoàn xe dừng lại trước một toà nhà lớn ngay chỗ gia đình tôi sắp đi qua. Bác Tam bước xuống, trông thấy chúng tôi. Bác lại gần bắt tay ba tôi, nói vài câu. Tôi đứng sững nhìn người bác cao lớn mặc áo blouson da đen bóng loáng. “Bác làm Bộ trưởng.” Trong ý thức trẻ con, tôi chỉ biết bác không kém gì bác Hồ tụi nhi đồng ca tụng hằng ngày. Còn ngoài ra, tôi không hiểu gì hơn. Đó là lần chót tôi gặp bác trong tuổi ấu thơ. Gần sáu năm sau, tôi mới gặp lại con người phiêu bạt ấy.

Vài tuần hay vài tháng sau, tôi không nhớ – đối với tuổi thơ thời gian chưa có nghĩa gì cả, chú Bách về thăm. Trong các bác các chú, chỉ có Chú Bách, em trai út mẹ tôi, là chúng tôi biết rõ nhất. Chú từng về ở với gia đình tôi mỗi vụ hè. Đêm chú học để đèn sáng. Nhiều lần tôi cương quyết thức cho tới khi tắt đèn. Nhưng mắt tôi bao giờ cũng sụp xuống rất nhanh, chưa lần nào đợi được để biết chú thức đến mấy giờ. “Chú học thuốc”, mẹ tôi nói vậy. Lũ chúng tôi, Lam, tôi, Lan và Liên rất yêu chú. Chú hay dẫn bọn cháu đi chơi xa, kể chuyện ma cho nghe. Những chuyện ma đại loại: “Ngày xưa có một con ma lười dài 17km, chân dài 90km...” Tôi và Lam đã lớn không thích thú, nhưng Lam bao giờ cũng đứng bám vào thành ghế, nhìn chú, mắt tròn xoe nghĩ đến con ma “có lười dài 17km” của ông chú trẻ tuổi. Chiều chiều, chú tổ chức chơi cá ngựa. Chú, Lam, Liên và tôi mỗi người một chuồng. Liên bé nhất, ngựa bao giờ cũng về bết, và bao giờ thấy thế cũng khóc nên chú đặt giải thưởng: về nhất ba hào, về nhì một hào, về bết hai hào. Giải thưởng kỳ cục như vậy có lý do: Lam và tôi bao giờ cũng tranh giải nhất và chú thì chỉ thích đá ngựa của tôi và Lam. Mỗi lần xúc xắc ra số phải đá ngựa Liên, chưa cầm quân, Liên đã rưng rưng nước mắt nên chú đặt thêm lệ: “Ai đá ngựa Liên phải bồi thường một hào!”. Bàn cá ngựa với những luật lệ kỳ khôi ấy làm bốn chú cháu say mê suốt những chiều hè. Hết hè, chú lên Hà Nội học tiếp. Thỉnh thoảng nhớ quá, Lam dắt tôi và Liên lên chơi. Đến chú là một phiêu lưu nhỏ. Có khi leo cầu thang, Liên đụng đầu với một con rùa to bị đang thò đầu ra nhìn Liên ngạc nhiên. Lần sau đến, thêm ba con rùa nhỏ xíu. Chú bảo: “Con rùa lớn đẻ ra đấy”. Chú vẫn vui tính, nhưng thôi không kể chuyện con ma “có lười dài 17km” cho nghe nữa và cũng không đưa bọn tôi đi chơi phố. Chắc chú thấy lũ cháu không hấp dẫn bằng những cô gái chúng tôi gọi bằng chị mà mỗi lần tới, lại thấy một chị khác. Bẵng đi một thời gian lâu, đến hôm nay chú mới trở về làng trong một không khí, tuy còn ít tuổi tôi cũng nhận thấy, nhiều đe dọa. Chú đi với hai người hộ vệ. Khi thọc tay vào túi áo blouson để tìm kẹo, tôi lòi ra toàn đạn súng lục. Chú đưa tôi và Lam coi súng, tặng mỗi đứa một viên kẹo đặc biệt đó. Không biết chú nói gì, mẹ tôi im lặng nghe, vẻ mặt buồn bã. Khi chú về, Lam và tôi tiễn chú đến đầu làng, không thể ngờ có lẽ đó là lần chót chúng tôi gặp chú trên đời.

Chiến tranh Việt – Pháp bùng nổ, ít lâu sau, gia đình chúng tôi tản cư về vùng Hà Đông. Ba mẹ tôi không hề nhắc, và cũng cấm chúng tôi nhắc tới các bác các chú, và luôn luôn thay đổi chỗ ở. Một lần, mới đến một làng ít lâu, Lam, Liên và tôi được mời vào ban nhạc của huyện. Đêm liên hoan đang vui, bọn tôi vừa ca xong một bản, thì xướng ngôn viên giới thiệu màn hài kịch “Nguyễn Trường Tam ăn cắp hai triệu”. Tôi chưa có ý nghĩ nào, Lam đã lôi cả hai đứa về. Và ngày hôm sau gia đình gồng gánh đi làng khác.

Sau khi hồi cư, một buổi trưa ở Hải Phòng, nơi ba tôi đang làm việc, tôi nhận được thư Lam từ Hà Nội gửi về, báo tin bác Long đã chết ở trấn Thạch Long, Quảng Châu. Trong những bác chú, bác Long là người trước sau tôi chưa bao giờ gặp. Nhưng ba mẹ tôi luôn luôn nhắc tới, nhắc tới nhiều hơn bác Tam nữa. Do đó tôi hấp tấp leo cầu thang đánh thức mẹ tôi dậy: “Bác Long đã chết bên Tàu”. Mẹ tôi oà lên khóc. Ba tôi tỉnh dậy cầm thư đọc. Và ba tôi ngồi trên giường, tay cầm tờ thư, nước mắt giàn giụa. Tôi đã có lần thấy mẹ khóc, nhưng mắt chỉ đỏ chứ không như lần này. Còn ba tôi, thì chưa bao giờ. Trước cảnh ấy tôi sợ sệt bỏ xuống nhà. Hình ảnh ấy ám ảnh tôi, cho tới bây giờ, tôi còn có thể nhớ lại được cả một khoảng nắng chiếu vào

tờ thư trên tay ba tôi. Lớn hơn, tôi mới biết rõ trường hợp chết của bác: ông đi họp về một mình, tàu đang chạy, ông gục xuống chết vì bệnh tim. Trường tàu đưa xá xuống ga Thanh Long để đó. Ngày hôm sau chú Bách mới tới được nhận xác và chôn ngay tại đó. Lúc ấy vào mùa đông, tuyết rơi phủ miền Nam Trung Hoa.

Tôi nhớ ba tôi có nói với mẹ tôi: Anh Long chết, chắc anh Tam sẽ bỏ chính trị. Lời dự đoán đúng vì một hai năm sau, bác Tam trở về nước và tuyên bố từ bỏ chính trị. Tôi gặp lại bác một lần khi rủ Th., anh họ đi bơi ngoài sông Nhị giữa mùa nước lớn. Khi trở về phố hàng Bè, vừa leo lên gác, bác gái đã la: “Thằng Du lại rủ thằng Th. đi bơi sông phải không?”. Bọn tôi chui vội phủ sa còn bám đở trên mặt nhưng không ích gì. Bác Tam gái cùng gia đình ngồi trên xe hóng mát đã thấy bọn tôi chui từ lòng sông lên, mệt nhoài. Không biết bác Tam gái nói gì, chắc là kết tội tôi... “Cái thằng quý sứ ấy, cứ lôi thằng Th. đi suốt ngày, có phen chết cả hai”. Bác trai vào phòng, lúc ấy tôi đã 15 tuổi, đủ óc nhận xét để nhận thấy tuy ông nhìn tôi không nói gì, nhưng ánh mắt không có chút thiện cảm nào với đứa cháu “quý sứ nhất họ”.

Cuốn năm 1954, gia đình di cư vào Nam, bác Tam đã lên Đà Lạt và tôi bắt đầu vào tuổi trưởng thành. Tôi bắt đầu tìm hiểu các bác các chú qua ba mẹ tôi và qua sách vở. Lúc ấy tôi mới biết chú Sáu, người trồng cây liễu cổ thụ là nhà văn Thạch Lam, bác Long là Hoàng Đạo, bác Tam là Nhất Linh. Cũng đã lớn lắm tôi mới biết các bác các chú là anh em ruột của mẹ chứ không phải của ba tôi, sờ dĩ xưng hô như vậy là vì ở nhà đã gọi bố mẹ là cậu mợ và ba tôi là người chót của dòng họ Cát làng Vân đình. Và cũng chỉ trên hai mươi, tôi mới bắt đầu thích thú khi biết ngoài dòng máu họ Nguyễn Tường, tôi còn thuộc một dòng họ Cát miền xa xôi nào đó. Niềm thích thú này làm ba tôi hãnh diện nhưng vì những lý do khác về sau, đi sâu vào quá khứ, tôi mới hiểu nguyên nhân.

Càng lớn dần, tôi càng hiểu rõ các bác các chú hơn. Tôi biết bác Tam là Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên trong chính phủ đầu tiên của Việt Nam sau Pháp thuộc, bác Long là Bộ trưởng Kinh tế trong chính phủ thứ hai, chú Bách phụ trách trong phong trào Thanh niên Ngũ xã chống Việt Minh năm 45, 46. Tôi cũng biết các bác làm báo *Phong hoá* lúc đầu ra sao, gặp những trở ngại gì, vai trò của ba tôi, của bà tôi.

Về con người công cộng, tôi biết bằng những tài liệu lịch sử và văn học (không bao giờ tôi thấy Nhất Linh nhắc tới quá khứ về bất cứ phương diện nào). Còn con người thực, con người khi sống với chính mình, với người thân của các bác chú, tôi biết qua mẹ tôi trong những buổi uống trà, những đêm canh bánh chưng ngày Tết, hay qua những sự việc giản dị hằng ngày. Giọng kể êm đềm của bà gợi lên những quá khứ kỳ ảo, khó khăn của những ngày ngày-xưa, những ngày bà còn là một cô gái bé sống giữa bốn ông anh và hai em trai ở phố huyện Cẩm Giàng nằm ven đường thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng. Tôi lắng nghe những dĩ vãng ấy dần dần với năm tháng. Những kỷ niệm, những truyện xưa trở lại cách khoảng nhau hỗn độn mơ hồ làm tôi đôi khi muốn hồi tưởng, muốn tạo một mạch lạc, tôi vẫn gặp những khoảng trống chỉ dĩ vãng sâu kín của mẹ tôi lấp được.

Gia đình mẹ tôi xưa nghèo, và trở thành khốn quẫn sau khi ông mất bên Lào. Theo mẹ tôi, ông là một kẻ sĩ thanh bình, đứng đắn, đứng mực. Cái chí bất khuất và thái độ can đảm tinh thần với cuộc đời của các con sau này có lẽ thừa hưởng của người mẹ. Bà buôn bán tần tảo nuôi bầy con ở cái phố huyện buồn thiu, cái không gian sau này xuất hiện tràn đầy trong tác phẩm của Thạch Lam. Các anh em trai đi học, mẹ tôi là con gái độc nhất nên ở nhà thay mẹ lo việc nội trợ. Một người con gái giữa sáu người anh em trai, sự kiện này cắt nghĩa thái độ chịu đựng, khoan dung tài tình của mẹ tôi sau này đối với Lam và tôi, nhất là tôi, đứa tinh nghịch, hay gây rắc rối từ nhỏ. Mẹ tôi bảo tính nết các bác các chú lúc nhỏ ra sao, lớn vẫn thế. Chú Thạch Lam mơ mộng, tế nhị, đa cảm, thì thuở nhỏ đã thế. Bác T. anh cả, bác C. anh thứ hai đứng đắn

đúng mực, lúc lớn và tới giờ vẫn giữ đúng cái đúng đắn đúng mực của những người thanh bình trong xã hội như ông ngày trước. Mẹ tôi thân với bác Tam hơn cả. Khi mẹ tôi ngồi già vùng, bác thường đến làm giúp, rồi lấy cơm trộn vào vùng trong cối ăn luôn. Không biết tại bác giúp mẹ tôi, thấy vùng thơm trộn cơm ăn luôn hay là tại ý riêng, nhưng mỗi khi lấy vùng khỏi cối, mẹ tôi để lại một ít, lấy cơm nóng đổ vào cho bác. Lối ăn cơm này đã tạo cho bác cái biệt hiệu “Tam cối”. Bác mang biệt hiệu này cho tới khi lên Hà Nội học.

Bà tôi nhất định cho các con đi học, học thật cao. Kể cả mẹ tôi nữa nếu không cần người săn sóc các anh em trai thay bà. Bà tôi đi cân gạo. Nhân vật và Nhi mẹ Trinh và cả không gian miền quê trong tiểu thuyết *Ngày mới* của Thạch Lam đều xuất nguyên từ thời này. Có lúc buôn bán khó khăn, bà tôi vẫn nhất định cho các con tiếp tục học nên đã phải chịu nhiều vất vả nguy hiểm. Lúc đó, người Pháp giữ độc quyền bán thuốc phiện cho dân. Thuốc phiện bán chính thức này cũng như rượu Văn Điển, không được ngon nên người dân nấu lấy bán cạnh tranh. Dĩ nhiên cơ quan thuế Đoàn hoạt động tìm bắt những kẻ đã dám “cạnh tranh bất chính” với chính quyền bảo hộ, trong số đó, vào một vài tháng, có bà tôi. Bà tôi lao vào nghề với mục đích kiếm nhiều lãi cho các con ăn học, nhưng các con lại coi đó như là một trò chơi kỳ thú, một hành động chống lại các “ông Tây”. Những kinh nghiệm đầu tiên chống Pháp có lẽ bắt đầu có vào thời gian này! Nấu thuốc phiện, dụng cụ không phải là dễ giấu. Do đó một hệ thống báo động được tổ chức chu đáo. Con đường hương lộ dẫn tới phố huyện Cẩm Giàng, thiết lộ mỗi khi tàu hoả đến đều được các bác thay phiên canh chừng mỗi khi bà tôi làm. Nhưng có một lần, tàu hoả đỗ ở ga vào phiên canh của Thạch Lam. Chú đứng ở sân ga ngó một lượt, không thấy Tây Đoàn xuống, thì la chú yên trí lên đầu đoàn xe, nằm dài ra ngắm đầu tàu. Trong khi Tây Đoàn xuống phía bên kia đoàn tàu từ từ theo đường tiến vào bờ vầy, Thạch Lam còn ngần ngại các cơ phận của đầu máy. Tuy vậy mọi sự vẫn ổn thoả vì hệ thống “ngăn chặn địch” được tổ chức chu đáo. Bác Tam xông ra hỏi tíu tíu người Tây Đoàn, trong khi bác C., anh thứ hai trong gia đình, bê tang vật chạy ra vườn giấu vào bụi tre. Kết quả phái đoàn quan thuế thất bại ra về, nhưng bà tôi cũng chấm dứt công cuộc buôn bán nguy hiểm này, trở về đi cân gạo. Dĩ nhiên vẫn nghèo và các con vẫn cứ tiếp tục đi học. Thời kỳ vất vả này cũng như không gian phố huyện miền trung du cùng các dân cư, về sau xuất hiện đầy đủ trong các truyện ngắn dài của các bác, nhất là trong những tác phẩm của Thạch Lam. Khi đã hồi cư, trở về Cẩm Giàng, tôi còn được mẹ tôi chỉ cho biết đây là nhà bác Lê, một bà cụ hay mua rượu của hai chị em Liên trong một truyện ngắn... Khung cảnh cũ không thay đổi là bao. Đứng bờ sông, chỗ bến Tiên, cũng thoáng tò mò muốn qua bên kia sông như Thạch Lam ngày trước để gặp một cô gái da trắng hồng trong một ngôi nhà tranh nào đó.

Trong thời kỳ nghèo khổ ấy, một tối hè nóng bức, bà tôi nói: “Sau này có tiền sẽ làm một cái nhà ở tí ngoài cánh đồng kia để hứng gió một mình!”. Nỗi bức tức này dễ hiểu vì những người trong phố huyện mong gia đình bà tôi sẽ suy sụp hẳn, các con phải trở về làm nông phu như các con cái họ. Sự cố gắng vượt lên làm họ ghen ghét khó chịu. Nhưng hai anh trai lớn lần lượt đi dạy học xa, kẻ Thái Bình, người Phú Thọ lấy tiền giúp mẹ và các em học tiếp. Rồi hai em trai đỗ, đi làm để hai anh dễ dàng học nữa. Cứ luân phiên làm việc và học như vậy. Sau cùng, chú Sáu vừa đỗ bằng tuyệt đối với Trung học phổ thông bây giờ, thấy các anh học cao hơn quá, bức mình nói với mà tôi mời ông lý trưởng một chầu rượu để đổi tên, đổi khai sinh tăng thêm tuổi thi nhẩy Tú tài và đỗ năm 16 tuổi. Tuy thông minh nhất nhà, nhưng cũng lãng mạn nhất nên chú bỏ, không học cao hơn.

Dần dần nhờ các con lớn đỗ đạt, giúp đỡ và nhờ uy tín gia đình các con học cao, bà tôi giao thiệp dễ dàng hơn, buôn bán khá hơn. Khi vượt khỏi cảnh nghèo, bà tôi thực hiện ngay ước muốn một chiều nóng nực ngày xưa: bà mua ba mẫu ruộng cách xa phố huyện và làm nhà ở đó để “hứng gió một mình”. Dần dần, từ một căn nhà trơ vơ ngoài cánh đồng, với sự trợ giúp của các con, và kiên nhẫn thường nhật, bà tôi đã lập thành một cái trại xinh đẹp mà ai hay sử

dụng thiết lộ Hà Nội – Hải Phòng thời tiền chiến cũng biết tới. Trại này đã giữ một vai trò quan trọng trong nếp sinh hoạt thông thường cũng như văn nghệ của Tự Lực Văn Đoàn và tập đoàn Phong hoá Ngày nay, căn trại đã được dùng làm bối cảnh cho một truyện trinh thám của Thế Lữ sau này.

Cái quá khứ nghèo khổ chật vật này, hầu như về sau không ai biết tới. Các nhà phê bình văn học thường hay cho rằng thái độ của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam đối với dân nghèo cùng đinh là thái độ của kẻ ở trên nhìn xuống, là thái độ của người trưởng giả sung túc đố kỵ thương dân đói khổ. Đó là một ngộ nhận. Các bác các chú thực sự đã sống trong cảnh nghèo khổ thôn quê, và đã vượt lên khỏi là do sức mạnh tinh thần của người mẹ và tinh thần cầu tiến của các con. Nếu muốn cắt nghĩa bằng lý thuyết giai cấp, cũng chỉ có thể nói rằng các bác các chú thuộc giai tầng KẾ SĨ, truyền thống kẻ sĩ của Việt Nam. (Mọi phê phán phân tích của cộng sản và giai cấp tiểu tư sản đều không thể áp dụng cho tầng lớp kẻ sĩ này bởi vì một lý do giản dị: kẻ sĩ không phải là tiểu tư sản như họ gán ghép một cách máy móc theo quan điểm Tây phương). Ngộ nhận này chính tôi cũng đã có bởi vì từ lúc bắt đầu lớn đôi chút, tôi đã “thấy” bà tôi trong căn trại lớn, “thấy” các bác các chú trong những bộ âu phục, trong những căn nhà ở đủ tiện nghi, trong nhà in toà báo đồ sộ. Và tôi chắc cũng tiếp tục ngộ nhận như vậy mãi nếu không có tiếng nói về dĩ vãng của mẹ tôi. Giọng nói của bà đưa Lam và tôi trở về căn nhà tranh xơ xác phố huyện Cẩm Giàng, trở về những ngày túng thiếu lo tiền học, tiền ăn. Nhờ có bà, hai đứa chúng tôi mới tin chắc tình thương mến, sự liên đới của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam với đồng quê với những người nghèo bị áp bức không phải, và cũng không thể là một sự kẻ trên sung túc nhìn xuống đố kỵ thương (như một bố thí).

Cũng nhiều người khác đã ngộ nhận về cả chủ trương của Tự lực Văn đoàn (trong cuốn văn học sử chính thức dùng trong các lớp trung học) là quá cực đoan với cái cũ, bất cứ cái gì cũ cũng đòi phá huỷ. Sự thực đối với tục lệ cũ, các bác các chú tôi không hề có thái độ cực đoan như vậy. Các ông đã chỉ làm một chọn lựa lại: xét lại tất cả các tục lệ bắt nguồn từ văn hoá cũ, chỉ đả phá những gì thực sự là hủ tục. Không những thế, trên thực tế còn đề cao, còn phục hồi những tục lệ thuần chất dân tộc. Thái độ đã được biểu lộ qua nếp sinh hoạt thường xuyên của căn trại nói trên. Bà tôi, khi các con đã lớn, lập gia đình riêng, lui về ở hẳn quê cũ coi sóc trại, đồng ruộng. Bà thuộc lớp người cũ, rất trọng ngày giỗ ngày tết. Nếu Nhất Linh đả phá cúng tế tại đình làng, thì đối với vấn đề thờ cúng tổ tiên, lại là người chu đáo nhất. Nếu giỗ tạp, để vợ con mang đồ cúng về. Nếu là giỗ cha, ông bà, các bác các chú đều về đủ mặt. Mẹ tôi không nói rõ các bác có lễ trước bàn thờ hay không nhưng nói bà tôi chưa bao giờ trách cứ các con về khía cạnh này. Các ông có tin ở hiện hữu của linh hồn hay không vào quãng chót của đời sống, tôi không được biết. Nhưng mẹ tôi kể rằng bao giờ bày mâm ngũ quả, mẹ tôi cũng thu xếp bày hai mặt nhiều như nhau. Bày phía trước đầy đủ để hiểu vì là lễ thông thường. Còn bày phía sau như phía trước thì lý do “...để cho các bác lấy ăn mà bà không biết”, mẹ tôi nói vậy. Tôi không biết mẹ tôi nói đùa hay thật, nhưng tôi biết chắc một điều: tôi tin các ông coi việc thờ cúng tổ tiên chỉ có một biểu lộ cho lòng biết ơn và nhớ tới những người đã khuất. Còn ngày Tết Nguyên đán, có lẽ là Tự lực Văn đoàn lại ăn Tết với đủ tục lệ hơn ai hết. Ngoài thân thuộc, các ông mời cả ban biên tập *Phong hoá, Ngày nay* về trại. Kể từ 23 tháng chạp (ngày bọn cháu chúng tôi bắt đầu về) tới ngày mồng 3 hoá vàng, quản trị cái trại này là một công việc vất vả nhất cho bà tôi trong năm. Về đồ ăn, bà tôi, các bác gái muốn làm gì thì làm. Các ông chỉ đòi một khoản bất di bất dịch: bánh chưng. Dĩ nhiên không phải thích ăn mà thích sự kiện gói bánh và tụ họp quanh nồi bánh sôi sùng sục trong đêm cuối năm. Nếu chỗ mổ heo được bọn trẻ con chúng tôi chiếu cố nhất thì nơi gói bánh chưng tụ họp đông đảo nhất thành phần các ông. Sau này chúng tôi khó tưởng tượng một Thế Lữ hay Xuân Diệu ngồi bên phần gỗ dưới nhà ngang, cạnh những đống lá dong, những rổ gạo nếp. Nhưng trên thực tế, điều này đã xảy ra.

Lễ giao thừa được cử hành theo đúng tục lệ cổ truyền. Bao nhiêu năm tôi dặn mẹ đánh thức

dậy dự lễ, nhưng trời lạnh và giuông ồ rơm êm ấm làm tôi mở mắt không được. Đêm Giao thừa đầu tiên tôi thức dậy được cũng là giao thừa chót ở trại. Sau đó là chiến tranh, cách mạng và phân tán. Tôi mặc áo len dày cộp, co ro chạy qua vườn lên nhà trên. Hình ảnh tôi còn nhớ được là toàn thể người lớn mặc quần áo trịnh trọng đứng trên thềm. Bàn thờ đặt ngoài hiên, bà tôi đứng trước cùng mẹ tôi. Nhất Linh cầm đồng hồ coi giờ. Cạnh đó là cái trống lớn và người cầm dùi là ba tôi, - ông đánh trống giao thừa hay có tiếng nên năm nào cũng đảm nhận việc này. Đúng 12 giờ, tiếng trống bắt đầu. Đứa bé là tôi đứng dưới thềm nhìn lên, tâm hồn đầy náo nức. Cây liễu ở sân đình đây đèn xếp lập loè muôn màu, khói trầm nghi ngút, tiếng pháo nổ kế tiếp hồi trống trên xà mái hiên... Sáng mùng một, lũ chúng tôi bị lôi dậy từ sớm, rửa mặt với nước cây cỏ thơm hắc, quần áo trịnh trọng tập trung lên nhà trên. T.H. với tư cách cháu đích tôn, thay mặt tất cả họ chúc mừng bà tôi.

Giỗ tổ tiên, trọng ban chưng hơn các sơn hào hải vị, lễ giao thừa, chúc thọ bà tôi, tất cả những cái đó không có nghĩa gì hơn là một biểu lộ thái độ chọn lựa đối với những tục lệ, văn hoá cổ truyền. Các ông đã giữ lại cái cần giữ và đáng giữ. Sau này lớn lên, tôi và Lam bàn lại, mới biết tới giá trị của sự chọn lựa ấy. Gần đây, sau khi ba tôi chết rồi, Lam và tôi đồng ý là sau cuộc chiến tranh này, khi được giải ngũ, hai đứa sẽ chung tiền mua một khoảng đồi nhỏ ở Đà Lạt, làm nhà tranh, mời mẹ tôi lên ở lập "trại Cẩm Giàng" mới. Chúng tôi mỗi đứa một nơi, nhưng ngày giỗ, nhất là ngày Tết, toàn thể sẽ tập trung về đó. Sẽ tiếp tục canh bánh chưng, lễ Giao thừa, và các con chúng tôi sẽ có đứa nửa đêm trù tịch cố mở mắt ngái ngủ chạy lên ngó bàn thờ khói hương, bịt tai nghe tiếng pháo. Bây giờ bà tôi, ba tôi, phần lớn các bác đã chết, chúng tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng chính trại Cẩm Giàng, với tất cả nền nếp sinh hoạt của nó, đã mang lại cho chúng tôi những khái niệm đầu tiên về gia đình, gia tộc, và từ đó phát khởi lòng yêu dân tộc và đất nước.

Ở tuổi trên dưới hai mươi, tôi là một anh chàng mới lớn, hăng hái hết chỗ nói với tất cả những gì thuộc địa hạt lý tưởng của đời sống, và cũng vụng về hết chỗ nói trong xử thế hằng ngày. Không khí truy lạc tại Sài Gòn, lòng hăng hái với lý tưởng của tuổi trẻ và ý thích muốn trở thành những người như các bác, dần dần đưa tôi đến những hoạt động chính trị đảng phái. Đảng phái tôi gia nhập dĩ nhiên chỉ có thể là Việt Nam Quốc dân Đảng. Tôi cùng B., một anh họ, tới nói với Nhất Linh. Ông giới thiệu chúng tôi tới giáo sư N.T.V. và T.B.S. Dưới sự chứng kiến của hai người này, tôi và B. làm lễ tuyên thệ. Nhưng ngay khi nhìn khẩu súng lục nhỏ han rỉ đặt trước di ảnh Nguyễn Thái Học và lá cờ sao trắng, tôi đã cảm thấy Việt Quốc không phải là môi trường hoạt động thích hợp với cá tính và lý tưởng riêng. Tuy thế tôi cũng đã hoạt động, sinh hoạt với Việt Quốc một thời gian với tất cả hăng hái của tuổi trẻ.

Những người chung quanh thường có thành kiến: các bác là những cách mạng gia, vậy chắc chắn khuyến khích dẫn dắt tất cả con cháu đi vào hoạt động cách mạng. Sự thực Nhất Linh trước sau không hề khuyến các con cháu lớn, dù lớp này đông trên hai mươi kẻ, đi vào cách mạng. Ông thường chỉ khuyên: "Lo học đi đã!". Đối với tôi, B. và sau này thêm con trai Hoàng Đạo, vì thấy quá hăng hái, ông mới giới thiệu với Việt Quốc. Giới thiệu một cách bình thản như giới thiệu một bác sĩ quen chữa giỏi hay một nơi trọ tốt tại Đà Lạt. Khi tôi rời bỏ Việt Quốc, ông cũng không nói gì. Có thể nói suốt thời gian từ 1954 tới khi chết, chưa bao giờ Nhất Linh nói chuyện nhiều với tôi. Đối với B., Tường Hùng và Lam, ông không có thái độ tách biệt ấy. Hình như ông coi tôi như một đứa cháu ngoại khổ, có những tư tưởng cư xử hành động ông không thể chịu nổi, hiểu nổi. Có thể nói trong các cháu lớn thân cận, tôi là đứa Nhất Linh không ưa nhất.

Cũng nhiều người ngộ nhận cho rằng Nhất Linh hoạt động cách mạng liên tục cho tới khi chết. Đó là ngộ nhận lớn nhất về con người ông. Khi đỗ xong cử nhân khoa học ở Pháp về, Nhất Linh chỉ chủ trương làm một cách mạng văn hoá trước đã. Tất cả nỗ lực trong thời kỳ 1930-

1940 đều thu lại trong khuôn khổ này. Hoạt động cách mạng tới sau, có thể nói ngoài ý định nguyên thủy. Lối nhập thế của ông làm tôi liên tưởng đến một kẻ sĩ văn võ toàn tài, thấy thế nước nghiêng một nửa, dân tình cực khổ, không đành lòng nên phải vác gươm lên ngựa diệt tà khử bạo. Theo lời ba mẹ tôi, Nhất Linh không đi sâu vào cách mạng, và nhất là chính trị nếu không có Hoàng Đạo. Ba tôi nói rằng các anh em đồng chí trọng Nguyễn Tường Tam nhưng mến Nguyễn Tường Long hơn. Chính Nguyễn Tường Long mới là người có tài quy tụ người, khuyến khích, giữ vững tinh thần đồng chí những lúc hiểm nghèo. Đặc biệt là Hoàng Đạo mãi về sau mới gia nhập đảng phái. Theo lời ba tôi, Nhất Linh đứng với Hoàng Đạo ở gần cầu tiêu của toà báo, và Nhất Linh nói: “Chú gia nhập chứ?”. Hoàng Đạo gật đầu. “Chú tuyên thệ đi...”. Hoàng Đạo giơ tay tuyên thệ trước một vài người thân. Không nghi lễ, không đảng kỳ, không bàn thờ toàn quốc. Cũng theo ba tôi, Hoàng Đạo mới thực là linh hồn của đảng. Nhất Linh, với những khả năng đặc biệt của một thủ lĩnh, chỉ là người chỉ huy tổng quát đôi khi quá cứng rắn. Bao nhiêu mưu lược, kế hoạch phần lớn phát xuất từ Hoàng Đạo. Một thứ Khổng Minh đối với Lưu Bị. Vì thế khi nhận được tin Hoàng Đạo chết, ba mẹ tôi nhất định tin rằng: “Anh Tam sẽ từ bỏ chính trị... Lời giải thích của ba mẹ tôi có thể đúng, có thể sai, nhưng thực tế đã chứng tỏ ông bà không lầm. Năm 1950, Nhất Linh rời Hồng Kông về Hà Nội, tuyên bố từ bỏ chính trị. Và ông đã từ bỏ thật tới gần 10 năm. Sau này suy nghĩ lại quá khứ, tôi cho rằng lời giải thích của ba mẹ tôi chỉ đúng một phần. Thực ra bản chất Nhất Linh là bản chất kẻ sĩ Nguyễn Công Trứ, với lối nhập thế của một hiệp sĩ thời trung cổ Tây phương, chỉ cho phép ông làm cách mạng và chỉ có thể là nhà cách mạng thôi. Khi gia nhập trực tiếp chính trị, ông có Hoàng Đạo lo cho phần mưu lược, thủ đoạn chính trị, nhưng thâm tâm vẫn ghê sợ chính trị. Cái chết của Hoàng Đạo, người em thân nhất, cũng là bạn văn, đồng chí, người phụ tá mật thiết, chỉ là một cái cớ để Nhất Linh rút ra khỏi mọi hoạt động cách mạng lúc đó đã mang nhiều tính chất bản thủ của chính trị. Mẹ tôi có thuật lại đã có lần Hoàng Đạo, Nhất Linh đã họp cùng các lãnh tụ lưu vong khác, trong đó có cả ông Nhu ông Diệm tại Hồng Kông. Mẹ tôi, nhất là ba tôi, còn luôn luôn tin rằng nếu Hoàng Đạo không chết năm 1947, chưa chắc Bảo Đại đã thành bù nhìn cho Pháp, và sau này chưa chắc hai anh em ông Diệm đã nắm được chính quyền tại Việt Nam. Dĩ nhiên đó chỉ là một giả thuyết cho quá khứ, nhưng một giả thuyết có tính cách khuyến khích nâng đỡ lũ cháu chúng tôi trong thời kỳ khó khăn nhất dưới thời Nhu - Diệm.

Suốt thời kỳ hoạt động với Việt Quốc, tôi chỉ nói chuyện chính trị với Nhất Linh một lần, - lần đầu và cũng là lần chót. Các đảng phái lúc đó phân tán, N.T.V. trao cho tôi nhiệm vụ lên Đà Lạt nói với Nhất Linh “hạ sơn”, trước hết để củng cố và thống nhất Việt Quốc, sau để tiến tới một liên hiệp các đảng phái quốc gia đối lập với chế độ Diệm đang bắt đầu tiến sâu vào độc tài. Đà Lạt là một thành phố đẹp, tôi nghe nói tới từ nhỏ nhưng chưa có dịp đến. Bởi vậy tôi thích thú lên đường, náo nức nh ìn cảnh rừng núi, còn thâm tâm tôi không hề tin tưởng là tôi có thể nói cho Nhất Linh nghe bất cứ điều gì, chứ đừng nói tới việc triệu thỉnh ông “hạ sơn”. Năm đó Đà Lạt còn nằm trong tình trạng của một thành phố mới ra khỏi chiến tranh, người ít, cỏ mọc lan trên bờ hè, những cây tùng ven hồ còn tự do cho gốc rễ lan xuống bờ nước. Không khí mát lạnh, chiếc xe ngựa cọc cạch leo dốc đồi, quán cà-phê Tùng nhỏ, sương mù lên sớm, ánh đèn mờ ảo, tất cả làm tâm hồn chìm đắm nên đêm khuya trở về cùng T., con trai thứ Nhất Linh, leo cầu thang tối đen, tôi quyết định chỉ thi hành “sứ mệnh” vào sáng hôm sau. Nhưng cửa phòng Nhất Linh còn đang mở, T. bảo tôi: “Du cần phải nói gì, vào nói luôn đi. Sáng mai chắc cậu tôi đi chơi sớm lắm”. Căn phòng tối, ánh điện nhiều đường hắt vào yếu, tôi chỉ trông thấy đốm lửa đỏ đầu điều thuốc Nhất Linh hút dở. Tôi nói một mạch tất cả những điều N.T.V. dặn, rồi ngồi im. Nhất Linh trả lời giản dị: “Cháu về nói với các anh là bác đã suy nghĩ kỹ rồi... Cháu đã nói những điều các anh dặn rồi, bây giờ ở lại Đà Lạt vài hôm chơi cho vui”. Tất cả buổi hội kiến của “thuyết khách” và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chỉ có vậy. Chiều hôm sau, đứng ngoài bao lơn nhìn ỹo đường, T. chỉ một cây thông cổ thụ phía bên kia đường: “Cậu tôi thích cây thông này nhất, có khi ngồi ngắm hàng giờ. Bảo nó có một vẻ đẹp tuyệt hảo”. Tôi tò mò ngắm nghía. Vô cây nâu sần sùi, cành gãy vươn lên cao trong vẻ cổ sơ giản dị của một bức tranh

thủy mặc. Bầu trời chiều không nắng, không gió, lá cành đứng im như một khối chìm lắng từ dĩ vãng lại. Tôi nhìn cây thông rồi nhìn Nhất Linh ngồi trên ghế xích-đu bao lơn bên cạnh, và tôi liên tưởng đến một thời kỳ hoang đường có những đạo sĩ ngồi đánh cờ ven núi và những dòng suối như phát nguồn từ đỉnh non cao.

Những năm về sau, vì môn học và nghề nghiệp, tôi phải tham khảo sách vở tại thư viện. Qua tài liệu, nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long bắt đầu trở thành những nhân vật có công nghệ rõ rệt. Toàn bộ báo *Phong hoá*, *Ngày nay* làm tôi hiểu dĩ vãng, một thứ dĩ vãng thời bình có khiêu vũ, có hát quan họ, có hội làng Lim và cũng là dĩ vãng nhiều hoạt động cách mạng. Vào thời kỳ này tôi mới đọc hết sách của Tự Lực Văn Đoàn. Những cuốn *Gánh hàng hoa*, *Nửa chừng xuân*, *Hồn bướm mơ tiên* từng làm tôi say mê buổi thiếu thời, bây giờ đọc lại thấy nhạt nhẽo, vai đoạn kỳ dị vì quá cổ kính hoặc quá ngây thơ. Những cuốn nổi tiếng thời trước như *Đoạn tuyệt* bây giờ xa lạ như một mái tóc đuôi gà. Những cuốn lúc mới ra đời bị thờ ơ như *Bướm trắng* lại có giá trị hơn. Điều quan trọng tôi nhận thấy là Thạch Lam viết hay hơn cả trong Tự Lực Văn Đoàn. Tôi có nói nhận xét này với mẹ tôi và tôi chứng hứng khi nghe bà trả lời: “Bác Tam cũng nói thế từ lâu. Bác thường nói chính chú Sáu mới là nhà văn có tài nhất của Tự Lực Văn Đoàn dù sách in ra bán ế nhất!”. Và Thạch Lam cũng là người lười viết nhất trong tất cả, luôn luôn trễ hẹn đưa bài cho các toà báo. Một lần Nhất Linh tức, xuống căn nhà có cây liễu ở hồ Tây, thấy Thạch Lam ngồi trầm ngâm ngắm hồ. Hỏi: “Chú sao không viết?”. Đáp: “Chưa thể viết được!”. Nhất Linh tức giận bỏ về và quyết định cúp nguyệt cấp của Thạch Lam cho tới khi có bài. Thạch Lam tức, lại càng không cầm đến bút. Xích mích giữa hai anh em ngày càng trầm trọng, sau cùng mẹ tôi phải triệu thỉnh bà tôi ở trại lên mới dàn hoà nổi.

Tìm hiểu quá khứ văn nghệ của Nhất Linh, Hoàng Đạo tương đối dễ dàng. Tôi vất vả hơn khi tìm hiểu sự nghiệp chính trị và phải tìm mượn những cuốn sách ngoại ngữ không có bán ở Việt Nam. Càng hiểu rõ quá khứ, tôi càng thấy lòng kính trọng dành cho Nhất Linh gia tăng. Tôi bắt đầu thấy hãnh diện là cháu những người đó, và từ đấy đi tới tìm ở Nhất Linh hình dáng con người lý tưởng thích hợp cho tôi. Cũng trong thời kỳ này, tâm hồn thể xác tôi bị lôi cuốn vào nếp sống đô thị như trăm ngàn thanh niên khác cùng lứa. Đôi khi mệt mỏi ngồi trước chồng sách, tôi mơ màng nghĩ tới những điều sẽ làm sau này khi đã thành tài. Còn trên thực tế, tôi không làm một cái gì hơn là tán gái, yêu, học, dạy học, chơi gái và lang thang. Một buổi chiều, tôi nhận được thư T. gửi từ Đà Lạt xuống: “Du có nhớ Đà Lạt, lên chơi gấp. Cậu tôi đang chơi phong lan. Ông vào rừng kiếm lan suốt ngày. Những cuộc phiêu lưu ngắn, hẳn thích thú cho Du”. Đọc thư, tôi ngạc nhiên. Hình ảnh chói của tôi về Đà Lạt và Nhất Linh là bầu trời mưa ướn sũng, sương mù bao kín thung lũng, những ánh đèn mờ, tiếng sáo của T. buổi chiều trong biệt thự nằm khuất trên sườn đèo Prenn, và Nhất Linh nét mặt mỗi một, đau ốm thường xuyên, hầu như không ăn uống gì hơn một bát mì sưng mỗi bữa và ngồi trầm ngâm như một bức tượng trên ghế... Bởi thế tôi khó tưởng tượng một Nhất Linh vượt rừng đi tìm lan. Và ngay cả việc chơi thứ hoa hiếm này cũng làm tôi khó hiểu. Tôi không ngạc nhiên khi biết ông ngồi ngoài sân ăn cơm trộn vừng trong cối, theo gánh hát vẽ phong kiếm tiền học, học mỹ thuật trước khi học khoa học, ở Pháp về đi đến đâu cũng chê người Việt ở bản, và khi ở Trung Hoa về, đi đến đâu cũng khen người Việt sạch sẽ... Nhưng tôi thực sự ngạc nhiên khi nghĩ tới hình ảnh người hùng Nguyễn Tường Tam ngồi vun xới chậu lan như một ông đồ già hay một ẩn sĩ thời xưa. Nhưng trên cựa vượt đèo Blao, một cây thông trơ trọi làm tôi nhớ lại cây thông cổ thụ Nhất Linh từng ngồi ngắm hàng giờ, và từ lúc đó tôi bắt đầu chấp nhận được hình ảnh một Nhất Linh chơi lan nhưng không thể ngờ tới thái độ của ông với loài hoa rừng này, - một thái độ đam mê kỳ dị.

Tôi xách va-li tới đèo Prenn vào buổi chiều. Ngồi hút điếu thuốc đầu tiên với T. tôi ngắm những cây phong lan cành lá khác nhau dính trên các thân cây, vách tường. “Phong lan có hoa cậu tôi để trong vườn và trong phòng khách...”. Tôi từ nhỏ tới giờ chỉ biết phong lan qua vài truyện

ngắn lãng mạn của Khái Hưng và Nhất Linh. Khi bước chân vào phòng khác, tôi không thất vọng vì trong thực tế, phong lan đẹp hơn trong truyện đã tả. T. dẫn tôi đến từng loại: “Nhất điểm hồng, nhất điểm hoàng, thứ này gọi là Phi điệp vì hoa đỏ như phượng lại chuyên môn ở trên những cành cao nhất... Cành cây khô mềm như liễu có những nụ xám xỉ này là Phi hạc. Khó tìm lắm vì lúc chụm hoa, trông lẫn với cành khô. Nhưng khi nở, rồi Du sẽ biết. Cậu tôi dự đoán mai sẽ nở...”.

Buổi chiều, ngồi trên thành cửa sổ trên lầu ngắm sương mù bốc từ thung lũng lên, tôi nghe thấy tiếng hắc tiêu từ phòng khách phía dưới âm điệu buồn điệp khúc bản “Je vais à ton mariage”. “Cậu tôi thổi cho lan nghe đấy...”. Tôi ngồi ngó ngẩn nghe âm thanh buồn như bắt nguồn từ một quá khứ nhiều đau đớn chán nản. Đêm khuya đi uống cà-phê về, từ phía ngoài đường lộ, tôi đã ngửi thấy một mùi hương phảng phất. T. cất nghĩa: “Hương mặc lan đấy. Thứ lan hoa đen như mực cậu tôi tìm thấy ở các hốc đá ven thác. Hoa xấu xí nhưng mùi hoa ban đêm toả xa vô cùng...”. Tôi đi vào giấc ngủ đêm đó như một đứa trẻ lạc lối vào một thế giới khác lạ, thế giới những vị tiên còn chung sống với người trần.

Đêm thức khuya, nấn chối mắt tôi mới thức dậy. Đang lười biếng kéo chăn lên tận cằm nằm ngắm những trái thông khô ướt sương dưới nắng, T. lên gọi tôi: “Xuống xem Phi hạc... Cậu tôi đoán đúng. Nở hết sáng nay”. Căn phòng khách chan hoà ánh nắng từ vách kính lớn vào. Nhất Linh ngồi trên ghế giữa hoa nói với tôi như với một người vẫn sống thường trực bên nhau: “Cháu uống bia không?”. Nước bia làm tôi tỉnh ngủ, trên cao mây quang làm nắng tươi hẳn lên, tôi nhìn thấy cạnh ông, cành cây khô xám chiều hôm trước đã như có những con bướm cánh tím trong bám vào. Một thứ tím trong vắt, dịu như một giấc mơ đẹp không nhớ rõ. Tôi ngồi đó rất lâu, cạnh hoa, tâm hồn trống trải dần, chỉ còn niềm băng khuâng và rung động nhẹ nhẹ. Tôi bắt đầu biết yêu hoa như người xưa.

Thời kỳ này tôi như tách biệt với không gian thường sinh hoạt “dưới kia”. Tôi say mê những phút sau khi mở to mắt, héch mũi tìm xuất xứ một mùi hương lần khuất, ngẩng đầu nhìn ngọn cây đến sai cổ, tôi đứng đầu thật bất ngờ với chùm hoa ngay ngang mặt, tưởng như hoa mới hiện ra để đáp lại công tìm kiếm. Cái không khí huyền ảo này đã tạo ra tình yêu của tôi với Vương, một thiếu nữ có loại nhan sắc bình thường tôi không ưa. Nhưng tôi nhìn thấy nàng lần đầu ở ven suối Đa-mê với nụ cười trẻ thơ trong màu áo vàng nở ra trong khoảng nắng chiều, như một loài hoa hiếm. Tình yêu này bắt nguồn từ không gian huyền ảo của hoa rừng, của tiếng sáo, sương mù, nắng chiều nên tôi không ngạc nhiên khi thấy tan vỡ một năm sau trong bụi và nóng của Sài Gòn.

Tôi cũng không tiếc hận gì cả. Điều tất nhiên là phải như thế. Bây giờ, mỗi khi hồi tưởng thời kỳ này, tôi thường luyến tiếc vì đó là khoảng thời gian độc nhất trên đời tôi sống với phần tâm hồn mơ mộng và trong sáng nhất. Và tôi không khỏi muốn nói cảm ơn Nhất Linh, người bác không những đã mang cả cuộc đời phác hoạ cho tôi một mẫu người lý tưởng mà còn làm tôi hiểu một phần nào nghệ thuật sống thuần túy nhất, cao sạch nhất của con người Á Đông.

Một buổi chiều đi học về, Lam ngấp pipe ngồi ngoài cửa, vui vẻ báo tin: “Bác sắp về Sài Gòn, ra báo”. Cả hai chúng tôi đều ngạc nhiên về quyết định này. Ông rời bỏ Đà Lạt, rời bỏ những lan rừng tinh khiết xuống gia nhập cái thế giới đầy bụi của chúng tôi, hẳn phải do một cơ nào quan trọng. Ốc suy luận phân tích của lớp trẻ hoạt động quá trớn nên cứ tìm những nguyên do rắc rối. Có lẽ Nhất Linh bỏ núi bỏ lan chỉ vì một lý do thật giản dị: ông không thể ngồi yên, bất động trước thời thế nữa. Tình hình lúc đó thật khó thở, do đó, dù có nhiều nhân vật của Thông tin hết sức giúp đỡ, bác tôi không sao xin được giấy phép một tạp chí. Sau cùng, ông đành chọn ra giai phẩm không định kỳ, làm xong số nào, đưa kiểm duyệt như một tiểu thuyết xin xuất bản. Làm văn nghệ báo chí kiểu này thực vất vả. Nhất Linh đặt toà soạn luôn ở căn phòng nhỏ xíu

nằm phía sau biệt thự của người anh cả. Ăn, ngủ, làm việc, họp nhân viên biên tập đều tại đó. Và lối làm việc lần này khác hẳn với thời *Phong hoá, Ngày nay*. Trước kia ông là người đứng đầu, vạch đường lối, coi tổng quát, còn bài vở cũng rõ rệt. Với giai phẩm *Văn hoá ngày nay*, ông bao thầu tất cả mọi công việc, từ vẽ bìa, trình bày, trả lời thư độc giả cho tới sửa bản in thử. Ông làm *Văn hoá ngày nay* y như ông chơi lan vậy. Không muốn ai cáng đáng hộ việc gì dù lớp cháu chúng tôi đã lớn.

Nếu Nhất Linh không bao giờ để ý tới việc khuyến khích con cháu làm cách mạng, thì về văn nghệ, trái lại ông rất chú trọng. Năm 1953, Lam bắt đầu viết nhiều, thắc mắc không biết có đủ văn tài để đi vào văn nghệ hay không, nên gửi một truyện ngắn cho Nhất Linh (lúc đó ở Sài Gòn) đọc và yêu cầu: “Nếu bác thấy cháu có tài hãy khuyến khích. Còn nếu không, xin bác nói thẳng để cháu đi đường khác. Xin bác đừng khuyến khích kiểu “có mầm, nên cố gắng!”. Một tuần sau khi truyện gửi đi, Lam nhận được một bức điện tín của Nhất Linh, tôi còn nhớ nguyên văn: “Viết được lắm. Bác nhắc lại: chắc chắn viết được”. Sau Tết năm đó, Lam nhận được một bản viết tay trong đó Nhất Linh tuyên bố Đỗ Đức Thu gia nhập Tự Lực Văn Đoàn và Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh là nhân viên dự bị. Bản này Nhất Linh chép làm năm bản, một giữ lại, bốn gửi cho đương sự. Hầu hết mọi người không biết tới bản văn này nên đã ngạc nhiên khi thấy những sách của Đỗ Đức Thu thời tiền chiến, khi Phượng Giang tái bản đều ghi: Đỗ Đức Thu trong Tự lực Văn đoàn. Sự kiện này đã gây khó khăn và thắc mắc cho các nhà biên khảo văn học những năm về sau vì thủ tục gia nhập Tự Lực Văn Đoàn phức tạp và có nhiều điều kiện, và quyết định của mình Nhất Linh – người đứng đầu Văn Đoàn, không đủ để chính thức hoá. Dĩ nhiên Nhất Linh cũng đã nghĩ đến điều đó vì trong bản văn ông có ghi: vì nhiều người đã chết, nhiều người còn ở ngoài kia, nên sự gia nhập của Đỗ Đức Thu, cũng như trường hợp Duy Lam, Tường Hùng, Nguyễn Thị Vinh sẽ được hợp thức hoá theo đúng thủ tục của Văn Đoàn khi nào thuận tiện.

Khi họp ban biên tập trong căn phòng bé xíu đó trước khi phát hành *Văn hoá ngày nay* số 1, Nhất Linh dự đoán sẽ bán được năm ngàn số. Lam lạc quan hơn, đưa con số tám ngàn. Tất cả đều đoán sai. Tám ngàn là con số bán hết trong mấy ngày đầu, sau đó phải in đi in lại nhiều lần. Tôi lúc đó không biết viết văn là cái gì nên không có mặt trong buổi họp ấy để đưa một con số lớn hơn của Lam, vì dù sao đã đi dạy học rồi, tôi biết uy tín Nhất Linh tăng như thế nào trong quần chúng học sinh sinh viên kể từ khi chương trình Việt được áp dụng trong miền Nam từ đệ thất tới đệ nhất. Với mười lăm ngàn số báo bán được trung bình cho mỗi tập, tài chính tờ báo dĩ nhiên không gây bận tâm nào. Trái lại, có những phê bình chỉ trích kỳ cục làm Nhất Linh bực mình không ít. Thí dụ một ký giả nào đó trên một nhật báo (hay tuần báo in khổ như nhật báo, tôi không nhớ rõ), “phê bình văn nghệ” đại khái như sau: “Nhất Linh bịa nhiều refoulement! Nhân vật cô Mùi mới mười hai tuổi mà đã muốn được hôn!”. Sau đó ký giả mặt sát thậm tệ. Riêng chúng tôi, căn cứ kinh nghiệm các em gái chị gái và nhất là các bạn gái, biết chắc rằng con gái mười hai tuổi muốn được một chàng trai mình bắt đầu yêu hôn không phải là sự kiện lạ lùng. Cũng ký giả đó, căn cứ vào một đoạn văn khác tả nhân vật cậu Ấm mũi dính dầu lau súng, lừa hôn vợ để dầu dính sang mũi vợ, kết luận là: Nhất Linh không biết hôn, chưa hôn môi ai bao giờ vì hôn môi mũi không bao giờ chạm nhau! Đọc bài báo đó, lũ cháu chúng tôi vừa tức cười vừa buồn cười vì thấy chính ký giả đó có lẽ mới là người chưa hôn bao giờ, đi xem chiếu bóng thấy các tài tử hôn không chạm mũi nên vội vã kết luận. Còn bọn chúng tôi mới lớn, bạn gái nhiều, đều biết rằng chỉ tài tử ciné điều luyện trong nghệ thuật biểu diễn yêu đương, mới có thể “chính xác” trong khi hôn. Còn thông thường, vừa vụng về vừa xúc động, chúng tôi hôn nhằm lên mũi người yêu là chuyện rất thường, và hai mũi chạm nhau không phải là hiếm. Những phê bình loại này chỉ làm Nhất Linh bực mình thôi. Nhưng có một thứ phê bình làm ông suy nghĩ: “Nhất Linh không nên làm báo văn nghệ nữa. Nhất Linh đã có một địa vị lớn trong văn học sử, bây giờ làm *Văn hoá ngày nay* dở hơn *Phong hoá, Ngày nay* trước, chỉ thêm mất uy tín!”. Luận cứ này được rất nhiều người tán đồng, kể cả con cháu trong họ. Có thể nói chỉ còn

Lam và tôi là tán đồng sự trở lại hoạt động văn nghệ của ông. Hai đứa cho rằng thái độ đó của ông đáng kính phục vì làm người không phải là tạo cho mình một danh vọng chức phận, để rồi yên trí thụ hưởng, gồi lên cái danh cái phận đó như một cái gối êm ái cho quãng chót của đời sống. Có thể nói thứ can đảm hào hùng ấy của Nhất Linh làm hai đứa cháu ngoại chúng tôi phục hơn cả trong những đức tính của ông.

Tuy phục, nhưng chính trong thời kỳ này, hai đứa, về phương diện bài vở, lại chê trách người bác hơn cả. Cả hai đứa đều không chịu nổi những bài khảo luận linh tinh, những bức thư Nhất Linh viết trả lời độc giả. Đọc loạt bài này đôi khi thấy cũ kỹ và lảm cẩm. Về văn, tuy vẫn phục nghệ thuật phân tích tâm lý, nghệ thuật trình bày nhân vật, nhưng tôi đã cảm thấy Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ. Trường giang tiểu thuyết *Xóm cầu Mối* có những nhân vật đặt trong một không gian thật xa cách. Đọc, như thấy đi vào một dĩ vãng, trong khi những người trẻ đang mang một tâm trạng không khí lo âu khác, với cuộc đời đang ở trước mặt đòi hỏi phải chọn một thái độ thích ứng. Nhất Linh, với những tác phẩm sau không mang lại, không đáp lại một chút nào những khát vọng của thế hệ chúng tôi – thế hệ “nói sự thật bị coi như mạ lị, quân tử bị coi như gàn dở, anh hùng bị coi như ngu đần”. Về sau, nhóm Sáng Tạo có làm âm ĩ (làm âm ĩ, chứ không phải là phê bình) về Nhất Linh “tiền chiến”, Lam và tôi không đồng ý với họ về cái thái độ bắt đầu xây dựng văn nghiệp bằng cách phủ nhận tất cả quá khứ, nhưng hai đứa đồng ý với họ ở điểm: nhà văn Nhất Linh không còn là nhà văn của thế hệ trẻ hiện đại. Và điều đó cũng không quan trọng (ít nhất riêng cho Nhất Linh và văn học sử) vì không phải lúc nào thời nào cũng phải đáp đúng tâm trạng của thế hệ trẻ mới được là văn hào. Riêng hai đứa chúng tôi tán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến. Có Nhất Linh, như một dĩ vãng đẹp, như một căn bản, chúng tôi vững tâm hơn đi vào tương lai.

Sau khi *Văn hoá ngày nay* số 8 phát hành, Nhất Linh tuyên bố với người thân: “Thôi, không làm nữa!”. Quyết định này đột ngột, y như trước đó mấy tháng, ông bỏ lan, bỏ Đà Lạt xuống Sài Gòn làm báo. Bạn bè xúm lại can. Nể người thân, ông chịu để Tường Hùng và Lam tiếp tục. Ra tiếp hai số, ông cương quyết kết liễu *Văn hoá ngày nay*. “Nó đã làm xong nhiệm vụ!”, ông giải thích vậy. Đình chỉ hoạt động văn nghệ, ông vẫn tiếp tục ở Sài Gòn, không lên Đà Lạt “tu tiên” như lũ cháu tướng, và ông bắt đầu vào một thời kỳ đau ốm (đau dạ dày) và suy nhược thần kinh. Thỉnh thoảng ông lên cơn loạn trí, đứng trong nhà đường Lý Thái Tổ, móc giấy tờ trong ví đưa cho mọi người, miệng nói lảm nhảm: “Lấy hết đi. Xin các ông lấy hết đi! Đừng áp chế tôi tội nghiệp!”. Các người thân hết sức lo lắng. Chỉ riêng mẹ tôi, sau một lần chứng kiến cơn loạn thần kinh, về nói riêng với tôi và Lam: “Bác điên khôn ghê! Chỉ thấy bác đưa, vứt giấy tờ lảm cẩm. Chẳng thấy bác vứt tiền ra bao giờ cho mẹ con mình nhật tiêu!”. Nhận xét bí mật này của mẹ tôi làm hai anh em đâm nghi ngờ “sự loạn trí của Nhất Linh”. Nhất là tôi, vì được mẹ tôi kể lại những thủ đoạn chống Pháp của ông thời trước: hoá trang làm ăn mày, ông già, người say rượu, mê thổi kèn để che giấu hoạt động cách mạng. Hoàng Đạo còn bị bắt giam, chớ Nhất Linh, suốt đời tranh đấu, chưa bao giờ để đối thủ bắt được. Pháp, sau đó Cộng sản, đều bó tay. Hơn nữa, chúng tôi để ý thấy mỗi lần nhắc tới chính quyền, ông không còn dùng câu: “Cái gì mục nát thì tự nó nó đổ!” (Câu ông thường hay dùng trước kia mỗi khi bị mời xuống núi). Căn cứ và sự kiện mơ hồ như vậy, chúng tôi bắt đầu chờ đợi... Trong thời kỳ này, Lam và tôi hay suy xét tìm hiểu về con người của Nguyễn Tường Tam. Căn cứ vào hoạt động cũ, tác phẩm và con người hàng tiếp xúc, chúng tôi đi đến kết luận: “Bác chỉ làm cách mạng, không thể làm chính trị”. Chế độ Nhu – Diệm đang vững vàng, nhưng không thể tồn tại lâu. Theo ý riêng của lũ cháu, sau Ngô Đình Diệm, vai trò lãnh đạo quốc gia sẽ là của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vì không ai đủ uy tín hơn. Lam nhiều lần đặt giả thuyết: “Nếu bác làm Tổng thống, mọi sự sẽ ra sao?”. Các con cháu có người đã hỏi thẳng, Nhất Linh không đáp. Điều độc nhất ông nói ra về vấn đề này, có lẽ vồn vện có một câu nói với gia đình: “Nếu làm Tổng thống, tất cả gia đình sẽ ở ngoài dinh. Cẩm không ai được vào. Khi nào nhớ gia đình, sẽ về thăm”. Sau mỗi lần bàn tới giả thuyết “Tổng thống Nguyễn Tường Tam”, chúng tôi thường đi đến kết luận nhiều lo ngại vì

cho rằng với cá tính Nhất Linh, những người phụ tá giỏi đã chết, Nguyễn Tường Tam không thể làm một Tổng thống giỏi. Trên thực tế và trong lịch sử, chỉ có nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam chứ không có Thủ tướng hay Tổng thống Nguyễn Tường Tam để lũ cháu chúng tôi có dịp biết rõ những lo ngại đó đúng hay sai.

Đêm 11-11-1960, binh chủng nhảy dù đảo chính. Lam và tôi lên chợ An Đông tìm gặp Nhất Linh. “Việc này chắc có bác quá!”, Lam đoán vậy. Trên căn gác nhìn xuống chợ, Nhất Linh quần áo chỉnh tề, sắp sửa cùng B. ra đi. B. nói: “Tiếp xúc lại các nhân sĩ để củng cố và hoạch định đường lối chung của Mặt trận”. Tuần trước lên thăm, Nhất Linh là một ông già đau ốm đầy vẻ suy tàn. Sáng hôm nay, ông mắt sáng quắc, cử động linh hoạt và nụ cười luôn luôn có trên môi. Tôi ngạc nhiên không thể ngờ khi lao đầu vào hoạt động quý tộc, ông bác cao tuổi này lại có được vẻ mạnh mẽ và sáng suốt như vậy. B. nói: “Đã chuẩn bị từ lâu vụ này, nhưng bên chính trị chỉ được biết trước có 24 giờ. Lý do bên quân sự đột nhiên làm gấp vì mục Nhu sắp đi ngoại quốc”. Khi B. bảo tôi: “Du sang gặp anh N.T.V. đi. Đang cần Du đó”, Lam ngỡ ý cũng đi cùng, Nhất Linh im lặng có vẻ không bằng lòng. Sau này ông nói với Lam: “Phải biết tiết kiệm người. Đừng bao giờ lao đầu tất cả vào một vụ. Thua thì kẹt hết”. Tôi từ bỏ Việt Quốc đã lâu nhưng lúc đó không thể từ chối lời mời của B. Tại một trường tư bên Khánh Hội, ban chấp hành đặc biệt đang hoạt động dưới sự điều hành của N.T.V. Sau khi dự một buổi họp, Lam và tôi đều thất vọng vì mọi nhược điểm của các đảng quốc gia đều có đủ nơi đây. Tôi và Lam cố gắng làm việc với tất cả mọi khả năng dù cả hai đứa cũng chẳng có bao nhiêu kinh nghiệm về hoạt động cách mạng bạo động. Toàn chạy theo tình hình, không sao tạo được thế chủ động. Ngày hôm sau, quân ủng hộ ông Diệm Nhu tiến vào thành phố, buổi trưa, N.T.V., B., Lam và tôi ra chợ ăn cơm, nghe đài phát thanh bắt đầu mạt sát phe đảo chánh và dĩ nhiên suy tôn Ngô Tổng thống. Tôi đi bộ về, ngừng lại trước thành Cộng hoà, chứng kiến tiểu đoàn dù rút ra, trao trả thành cho Lữ đoàn Phòng vệ Tổng thống phủ. Toán quân được giải thoát, cởi trần tròng trực, cầm súng chạy, la hét vang trời: “Hoan hô Ngô Tổng thống, cứu tinh dân tộc”. Đoàn nhảy dù tập trung trên xe ngoài đường, từ sĩ quan đến lính nét mặt rầu rĩ. Có lẽ đây là lần đầu tiên binh chủng kiêu hùng này ném mũ thâm bại.

Hai ngày sau ở Câu lạc bộ Văn hoá, tôi được người cho biết đảng viên Cần Lao và phong trào Cách mạng Quốc gia đang định lợi dụng tình thế lộn xộn, cho người tìm giết Nhất Linh. Tôi đến tìm ông đang ở nhà bà ngoại. Trong căn phòng nhỏ giữa nhà, ánh sáng của ngọn đèn dầu chiếu sáng bà tôi và Nhất Linh đang ngồi trên chiếu trải dưới đất. Tôi báo tin, ông làm lì rớt thêm bia vào một ly, đưa tôi: “Cháu đến đây có ai theo không?”. Tôi trả lời: “Không có ai. Cháu đi cẩn thận, ngay quanh nhà cũng chưa có ai canh chừng cả”. Tôi châm thuốc hút, căn phòng im lặng đến độ tưởng như nghe được tiếng khói bay. Bà tôi, mặc cà-sa nâu, nét mặt gần như bình thản. Không biết đó là hiệu quả những năm tu hành, hay là bà tôi quá quen với những đứa con trai suốt đời làm cách mạng, tổ chức bí mật, thất bại và trốn tránh. “Bác cho cháu theo bác. Cháu khá nhanh nhẹn, có thể giúp ích khi cần...”. Nhất Linh im lặng hút thuốc. Tôi chờ đợi đợi. Ông đẩy ly bia về phía tôi: “Cháu uống hết đi rồi về. Cháu lo cho các bạn cháu đi. Còn bác, bác đã có cách”. Tôi uống hết bia, hút hết điếu thuốc, chào bà, chào bác rồi tới tìm Thi và bắt đầu sống một thời kỳ lẩn trốn như một con chuột thành phố. Có lẽ quá mệt mỏi vì lối sống này, tôi tới nhờ cha Cras, một thầy dạy và cũng là người thứ hai sau Nhất Linh, tôi kính mến trong đời, giúp cho vượt biên giới. Nhưng khi tới sát biên giới, tôi lại trở về. Có lẽ tôi bị ám ảnh bởi sự kiện Nhất Linh sau khi rời bỏ chính trị năm 1950, có qua Paris ở với con cả một thời gian, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi. Ông không thể ở lại, vì ông là một người dụ ngôn đích thực, sinh ra, sống và tranh đấu ở miền đất này, để rồi sẽ chết cũng tại đó.

Sau một thế gian im lặng, Nhất Linh tung ra một bộ tiểu thuyết gồm ba cuốn viết trong thời gian ẩn trốn. Dĩ nhiên là chúng tôi vội vã tìm đọc, và cũng thất vọng nhanh chóng. Bộ *Dòng sông Thanh Thủy* diễn tả cuộc đời làm cách mạng của một người mang vóc dáng Nhất Linh, nhưng

không diễn đạt được. Nhân vật Ngọc thật xa cách với nhân vật chúng tôi kỳ vọng phải có. Lam cắt nghĩa: “Bác sẽ không thể viết được nữa. Quá khứ dày đặc đã đè bẹp tâm hồn bác rồi...”. Tuy không hiểu rõ Lam định nói gì, nhưng nghe câu đó tự dưng tôi có cảm tưởng Nhất Linh sắp đi đến quãng chót của đời mình. Khi ông về căn gác trông xuống chợ An Đông, tôi hay đến thăm hơn xưa. Nhiều khi tôi tới, cúi chào, ông gật đầu rồi im lặng, tôi lục một cuốn sách ngồi đọc cho tới lúc muốn về. Vào thời kỳ này, tương đối ông có vẻ cảm tình với tôi hơn. Có lần gần ngày thi, chưa có tiền nộp lệ phí, ông bỏ tiền vào một cuốn sách, kín đáo đưa cho. Nhưng giữa hai bác cháu bao giờ cũng có một ngăn cách khó xác định. Một buổi sáng, cửa đóng kín che nắng, tiếng ồn ào của chợ họp phía dưới vang lên, tôi nhìn người bác già, thấy như đã thuộc vào dĩ vãng hay một thế giới khác. Cũng trong khoảng thời gian này, bà ngoại tôi mất. Lúc biết tin, bác đang đau, nhờ người vục tới, ngồi bên xác mẹ rồi trở về. Cái chết này, tôi tin đã làm ông chìm sâu hơn trong đau buồn. Từ lúc các con lập gia đình riêng, bà tôi thân và yêu Nhất Linh hơn cả. Và dù người già khó tính ghê gớm, trong các con, không kể mẹ tôi là gái, Nhất Linh cũng là người chịu đựng những trái tính của mẹ già tài hơn cả. Trên bàn thờ chính của họ Nguyễn Tường, còn để một bức minh họa bà tôi do Nhất Linh vẽ bằng bút chì, nét thật nhỏ và mờ. Tôi đi dạy học xa, rồi bị động viên nên lâu lâu mới tới chợ An Đông một lần. Thường thường hai bác cháu cũng chẳng nhiều lời hơn. Có khi buổi viếng thăm thu gọn lại trong hai cái chào: khi tới và khi về. Một buổi sáng thứ sáu, tôi rời Sài Gòn đi đơn vị. Chiều thứ bảy đọc báo có tin Nguyễn Tường Tam sẽ bị đưa ra toà vào sáng thứ hai 7-7, ngày Song thất của Diệm, người tôi như căng ra vì chờ đợi một biến cố: không một quốc gia nào đưa một con người như Nhất Linh ra toà mà không xảy ra một biến cố nào. Tôi hình dung, tưởng tượng tới thái độ Nhất Linh sẽ có: ông sẽ im lặng hoàn toàn trước tất cả mọi câu hỏi, lời kết tội? Ông sẽ chỉ nói một câu nhận hết trách nhiệm cho các đồng chí cùng bị xử? Ông sẽ rút vào bóng tối, sẽ vượt biên giới? Tôi nghĩ tới đủ các giả thuyết, nhưng tôi không thể ngờ ông đã chọn cái chết phản kháng như vậy. Một người bạn nghe đài B.B.C. báo tin cho tôi biết. Ngồi bất động trong một quán tới trưa, tôi ra bưu điện gửi điện tín cho Thi: “Mai đi P.K. Em đưa đám bác hộ anh”. Rồi lang thang trong thị trấn tới khuya, chỉ trở về phòng trọ đủ thời giờ thu xếp quân trang. Đi chuyển xe đầu lên cao nguyên.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chết, dĩ nhiên không thể đơn giản. Những nhân vật quan trọng trong chính quyền ủa tới, theo chỉ thị của ông Nhu, ép buộc đe dọa tang gia phải mai táng gấp. Lam ở Đà Lạt về và cùng Thi, luôn luôn có mặt ở căn nhà chợ An Đông cùng các con lo đối phó. Quyết định đầu tiên là đợi chủ nhật mới đưa đám, viện cớ con cả còn ở Pháp chưa về kịp, sự thực chỉ cốt để thực hiện cho tới mức chót ý muốn sau cùng của Nhất Linh: một phản kháng kiêu hùng và bi thảm. Mật vụ bủa vây kín dòng họ và chính tang gia sau cùng cũng không còn phân biệt được đâu là người đến viếng, đâu là mật vụ nữa. Chính sách của ông Nhu dùng khủng bố để đàn áp nên những người đến viếng gồm đàn bà nhiều hơn đàn ông, - đàn ông ở nhà tránh bắt bớ để còn “làm một cái gì cho cái chết của Nhất Linh khỏi trở thành vô ích”, một đồng chí lão thành một đảng kỳ cựu nói vậy. Chính quyền từ chối không cho mang quan tài đến chùa làm lễ cầu siêu, bắt đám tang phải đi theo một giờ nhất định và lộ trình nhất định. Tang gia dùng tiếng khóc cổ truyền của đàn bà Việt Nam làm lợi khí. Lan và Thi, ngoài việc dịch những câu phúng viếng, dịch cả ý nghĩa những tiếng khóc kể lể của các bà trong dòng họ cho thông tin viên, gây những xúc động cần thiết tại ngoại quốc. Sau cùng chính quyền chịu để đám tang ghé chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu nhưng không được mang quan tài vào. Ông Nhu đã nhượng bộ dù đã bức tức nói với các thuộc viên: “Hắn sống có đi lễ chùa bao giờ, bây giờ đòi cầu siêu!”. Đáng tiếc các thuộc viên này không đủ can đảm nói cho ông Nhu biết người thân sinh ra Nhất Linh đã là một cụ sư sau những năm tu hành cả quãng chót của cuộc đời, và dù chẳng mấy khi đến chùa, Nhất Linh chưa bao giờ tỏ vẻ coi thường bàn thờ Phật có thường trực trong nhà. Rồi đám tang cũng cử hành với sự hộ tống đầy đủ của Mật vụ và Cảnh sát chiến đấu. Chỉ có một vòng hoa đi đầu. Ảnh Nguyễn Thái Học, một người cháu mang đi trước, bức hình chụp lại chân dung Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ, một người cháu cầm đi kế tiếp. Một đảng viên

Việt Quốc, có nhiệm vụ mang đảng kỳ tới huyết, sợ Mật vụ tịch thu, nên trao cho Thi mang hộ. Lá cờ sao trắng, lá cờ tôi đã rời bỏ bốn năm về trước, tôi không thể ngờ có ngày chính Thi lại là người mang tới huyết, phủ lên quan tài người đã khuất. Thi đã làm đúng lời dặn, nòng đã thay tôi kẹt ở một ngọn đồi cỏ, đưa người bác kiêu hùng đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Một tháng sau, tôi xin được phép về Sài Gòn. Tôi cùng Thi xuống nghĩa trang Giác Minh thăm mộ bà tôi, ba tôi và người bác. Tàn hương ra về, tôi gặp Lam. Hai đứa nhìn nhau, mặt Lam sứt lại, răn cắn chặt lấy chiếc pipe. “Đã đến lúc phải làm một cái gì!”. “Đã đến lúc phải làm một cái gì!”... câu nói ám ảnh các con cháu, và tới cả những người, khi Nhất Linh còn sống, không đồng ý hoàn toàn với cả đời sống của ông. Chiều 26 tháng 10, Lam từ Đà Lạt về và tôi từ Pleiku gặp nhau tại Sài Gòn. Ngồi trong khu vườn mía um tùm của mẹ tôi, Lam bàn về cuộc đảo chính đang chuẩn bị. Mật vụ bỏ vây khắp nơi xiết chặt đến nỗi cả tôi lẫn Lam đều đồng ý: “Trong một tuần nữa không đảo chính, họ cho mình vào tù hết”. Chiều 28, an ninh cá nhân mỏng manh đến độ Lam quyết định: “Thôi, Du đi đi. Bác dặn phải tiết kiệm nhân lực. Để mình anh ở lại. Có thua, đến lượt Du lần sau”. Sáng sớm hôm sau, tôi lên đường trở về đơn vị, suốt ngày quanh quẩn quanh chiếc máy phát thanh. Hai ngày sau đảo chính, tôi nằm ôm máy phát thanh cho tới sáng. Bởi vì nếu lần này thất bại, hẳn trong nghĩa trang Giác Minh sẽ thêm mộ Lam. Và không hẳn chỉ thêm một mộ mà thôi. Đảo chính thành công và một cách mạng thành hình. Khi con thứ Nhất Linh bước vào phòng họp ở Tổng Tham mưu, Trung tướng Dương Văn Minh yêu cầu toàn thể Hội đồng Quân nhân Cách mạng đứng mặc niệm một phút nhà văn Nhất Linh và cách mạng gia Nguyễn Tường Tam. Và cuộc cách mạng chấm dứt sau phút ấy. Sau đó, chính trị bắt đầu, thứ chính trị mà chính người được mặc niệm đã bao lần chối bỏ trong đời.

Cuộc biểu tình đầu tiên của “quần chúng tự phát” ủng hộ cách mạng lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm năm 1963 Nguyễn Tường Tâm

Tối 1-11-1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu còn ở trong Dinh Gia Long liên lạc với các đơn vị trung thành với ông, trong khi lực lượng đảo chánh vẫn chưa hoàn toàn thắng thế. Một “lực lượng quần chúng” được tập hợp vào buổi tối ngày hôm đó, mà người viết được tham dự như một hạt cát, để thực hiện cuộc biểu tình ủng hộ lực lượng “quân nhân cách mạng” trong tình hình tranh tối tranh sáng, chưa biết phe nào thắng thế. Cuộc biểu tình đó không phải “cuộc biểu tình tự phát của quần chúng” theo đúng nghĩa của từ này, và cũng không phải do các ông tướng cầm đầu đảo chánh yêu cầu.

Trước ngày ông Nhất Linh tự tử, 7-7-1963, trong gia đình người viết, thế hệ Nhất Linh vẫn còn là một thế giới người lớn, mà toàn thể anh chị em trong họ chúng tôi đứng ngoài, chẳng biết gì. Ngoại trừ hai anh Nguyễn Tường Hùng, kiến trúc sư, và Duy Lam, sĩ quan quân đội, là hai người cháu liên lạc thân thiết với ông Nhất Linh trên lãnh vực văn chương và anh Nguyễn Tường Bá, luật sư, liên lạc chặt chẽ với ông Nhất Linh về chính trị, tất cả các anh chị em khác ở thế hệ tôi trong họ đều không để ý gì tới chính trị. Năm 1963, tôi mới có 18 tuổi, đang học đệ nhất trường trung học Hồ Ngọc Cảnh Gia Định, là một trong bốn, năm người nhỏ tuổi nhất trong họ, lại càng lơ là với chính trị hơn nữa: mình là con nít mà! Các cuộc biểu tình chống chính phủ của Phật giáo, kể cả vụ Thượng toạ Thích Quảng Đức tự thiêu, cũng không chiếm sự quan tâm của tôi. Thế nhưng, sau ngày 7-7-1963, ngày ông Nhất Linh tự tử để phản đối chế độ ông Diệm, tôi như cảm thấy cái tảng đá lớn trong đời mình vừa biến mất. Từ đó, mình không còn là con nít nữa. Thế hệ trước đã ra đi, giờ đây tôi thấy đột nhiên trưởng thành, trở thành người lớn, và cảm thấy phải đóng góp một cái gì đó với xã hội, với tổ quốc. Từ nay mình không chỉ còn là một cậu học sinh chỉ biết học hành nữa. Trong đại gia đình Nguyễn Tường, dường như đó

cũng là tâm trạng của tất cả anh chị em trong họ.

Việc đầu tiên liên quan tới chính trị chống chính phủ mà tôi tham dự là cùng với các anh chị em trong họ cố gắng làm sao chuyển được bản chúc thư chính trị của ông Nhất Linh tới cơ quan truyền thông quốc tế. Mật vụ của chính quyền cũng đang săn lùng mọi tin tức và tài liệu có nội dung chống chính phủ, vì thế việc đầu tiên là chúng tôi phải làm sao có được bản *copy* của bản chúc thư, để lưu hành, và cất giấu bản chính đi. Ba người anh em họ lớn tuổi nhất chủ chốt trong việc này là luật sư Nguyễn Tường Bá, anh Nguyễn Tường Lưu, con ông bác, và anh Nguyễn Tường Ánh con nhà văn Hoàng Đạo, dĩ nhiên phải có Nguyễn Tường Thiết, con trai ông Nhất Linh. Lúc đó máy *photocopy* chưa phổ biến như bây giờ. Quả thực dường như không ai trong chúng tôi biết trên đời đã có máy *photocopy* nữa. Chúng tôi kê một cái bàn lớn ở sân sau căn biệt thự của ông bác tôi, số 37 Nguyễn Bình Khiêm. Căn *villa* này quá lớn nên sau này đài phát thanh ở bên cạnh sử dụng làm một phần cơ sở của đài. Lúc đó máy ảnh còn dùng phim giấy và có lẽ chưa tới tận đủ để những người thợ ảnh tay mơ, như anh em chúng tôi, có thể chụp hình được một mảnh giấy, là bản chúc thư. Các anh loay hoay dựng bản chúc thư đứng dựa vào một vật để trên bàn, hướng về phía ánh mặt trời. Máy ảnh để trên bàn cho vững chãi. Các anh cố chụp. Nhưng không thành công. Sau đó tôi theo các anh lên xe hơi chạy đi tìm phóng viên quốc tế, lúc đó là UPI, để trao cho họ. Ngồi trên xe, có cả anh Nguyễn Tường Quý, sinh viên kiến trúc, chúng tôi chú tâm theo dõi phía sau xem có xe mật vụ theo không. Chúng tôi chỉ lo sợ mật vụ tịch thu được bản chúc thư. Ngày hôm đó, chúng tôi không gặp được phóng viên quốc tế. Sau đó các anh trao được bản chúc thư đó cho phóng viên quốc tế vào lúc nào tôi không rõ.

Đám tang ông Nhất Linh vừa xong. Tôi bắt đầu vào cuộc một cách tự phát. Địa điểm biểu tình của Phật giáo mà tôi tới “xem cho biết” lần đầu tiên là trước cửa chùa Giác Minh, đường Phan Thanh Giản Sài Gòn, gần góc đường Cao Thắng. Khởi đầu chỉ là “xem cho biết”. Nhưng trong cái không khí đầy kích động đó, tôi thấy mình đã trở thành một thành viên tích cực của phong trào. Chùa Giác Minh là ngôi chùa nhỏ, nằm trong hẻm, của Thượng tọa Thích Tâm Châu. Trước đó mấy năm, khi bà nội tôi còn sống, tôi đã có dịp đưa bà nội tôi tới thăm vài lần, vì bà nội tôi có quen biết khá thân với Thượng tọa. Lúc đó Thượng tọa Tâm Châu còn trẻ, kính trọng bà nội tôi như vị sư cụ thuộc thế hệ trước ông. Thượng tọa Tâm Châu hoàn toàn không tạo một ấn tượng trong tôi về hình ảnh của một vị lãnh tụ của Phật giáo sau này. Nhưng bây giờ, 1963, ông đang là một trong những trụ cột của phong trào. Giữa Phật giáo và chính quyền, bây giờ, về mặt nổi, đã có những cam kết hoà giải. Nhưng thực chất, hai bên đều nghi ngờ nhau, nên trên cái loa nhỏ mắc từ trong chùa, vị sư lãnh đạo đám đông tuy công khai lớn tiếng yêu cầu đồng bào giải tán (theo thoả thuận với chính quyền), nhưng ngay sau đó lại lên tiếng nhỏ nhỏ xui đồng bào “cứ ở tại chỗ, đừng ra về”. Vì thế đám đông không giải tán.

Trong thế giằng co đó, một vị chỉ huy cao cấp của cảnh sát, với dáng đầy quyền uy, ngồi trên chiếc xe hơi bóng loáng, nhỏ gọn có vẻ xe thể thao, tới đám biểu tình với mục đích yêu cầu nhà chùa ra lệnh cho đám đông giải tán. Mục đích này đã không những không thành công mà thái độ kèn kiêu của ông còn khiến đám đông bất mãn. Ông ta là một công chức thiếu khôn ngoan! Xe tới đám đông mà ông ta vẫn cứ chễm trệ trên xe, mặt lạnh lùng, quyền uy. Chỉ có người tài xế xuống xe yêu cầu đồng bào tránh ra cho xe của ông tới chùa. Thái độ của ông ta khiến đám đông bất mãn, không những không tránh ra mà còn bu lại quanh chiếc xe nhiều hơn và nhìn vào vị “quan” trong xe với thái độ thách thức. Dần dần đám đông hò nhau xúm lại toan khiêng chiếc xe lật nghiêng. Chiếc xe quá nặng. Không lật được xe thì đồng bào nhún chiếc xe hết bên này tới bên kia. Vị “quan” trong xe ngồi lắc lư như một anh “hề” lật đật. Cuối cùng cảnh sát dùng lựu đạn cay bắn vào đám đông. Đám đông chạy lui, nhưng nổi bực tức gia tăng như lửa trước cơn gió lốc. Guốc dép nằm la liệt trên đường. Chạy tới đường xe lửa thì đám đông nhặt đá và mọi thứ quay lại ném vào cảnh sát. Cuộc chạm trán giữa lựu đạn cay và gạch đá khốc

liệt. Nổi tức giận của quần chúng gia tăng. Quần chúng hai bên đường trở nên ủng hộ đám biểu tình. Họ cung cấp nước để đám biểu tình nhúng ướt khăn mùi-xoa phủ mặt chống hơi cay tiếp tục đương đầu với cảnh sát. Khoảng nửa tiếng sau thì đám biểu tình tản mát vào những con hẻm xung quanh và biến mất, trong sự che chở của người dân nơi đây. Một dấu hiệu mặc nhiên cho thấy cảm tình của quần chúng đối với phong trào Phật giáo chống chính phủ gia tăng. Đây là trận đụng độ với cảnh sát đầu tiên mà tôi tham gia.

Khởi đầu chỉ là đi “xem cho biết”. Đó là tháng Tám. Sau đó dường như tại trường nào cũng có những nhóm sinh viên học sinh tham gia chống chính phủ. Tôi được anh Nguyễn Tường Quí, sinh viên kiến trúc, thường xuyên cung cấp những tin tức về một số những dự định tự thiêu kế tiếp của các vị sư ở Sài Gòn, để tới đó yểm trợ. Nhưng chưa có vụ nào xảy ra như dự định. Các cuộc tập trung của quần chúng sau đó diễn ra tại chùa Xá Lợi đông hơn và thường xuyên hơn. Chùa Xá Lợi là một ngôi chùa lớn, mới xây cất, bên cạnh trường nữ Trung học Gia Long. Một lần anh Tường Quí hẹn tôi tới gặp Thượng tọa Thiện Minh tại chùa này. Một tổ sinh viên học sinh chưa tới chục người được dàn xếp bí mật lên gặp thầy. Chúng tôi mỗi người mỗi ngã, len lỏi giữa đám đông, được dẫn lên trên lầu. Tôi cảm thấy mình “quan trọng”. Cuộc gặp chỉ diễn ra ngắn ngủi trong mấy phút. Thầy Thiện Minh nói gì, tôi không còn nhớ nhưng không tạo ấn tượng trong tôi. Những ngày sau đó tôi tích cực tham gia mọi cuộc tập trung chống chính phủ tại chùa Xá Lợi, không phải vì lời hiệu triệu của thầy Thiện Minh, mà vì trong tình hình đó, tham gia chống chính phủ, với tôi, là một điều “tự nhiên phải làm”. Các cuộc tập trung này được nhà chùa nói là “tuyệt thực chống chính phủ”. Nhưng thực chất, đối với ai tôi không biết, đối với tôi và những người bạn thì chúng tôi đều về nhà ăn cơm rồi sau đó lại tới tham gia “tuyệt thực” tiếp. Hình như đám đông cũng làm như vậy! Nhưng dầu sao đối với truyền thông quốc tế và công luận thì đó vẫn là những “cuộc tuyệt thực vĩ đại chống chính phủ”.

Một hôm, anh Quí bảo tôi sẵn sàng tập hợp để chờ “một biến cố lớn”. Anh không nói là biến cố gì. Mà cũng chưa chắc anh đã biết là biến cố gì. Hôm đó “biến cố lớn” không xảy ra. Khoảng một tuần sau anh lại hẹn tôi tập hợp vào buổi sáng. Sau đó cuộc đảo chánh diễn ra, đó là ngày 1/11. Tôi nghĩ trong tình hình chưa ngã ngũ, phe đảo chánh muốn có một sự ủng hộ công khai của quần chúng. Không biết ý nghĩ này có đúng không. Tôi được đưa tới “trốn” trên lầu một căn nhà gỗ nhỏ trong khu xóm lao động nghèo ở khu vực Tân Định, gọi là xóm Chùa. Chúng tôi phải trốn vì chế độ ông Diệm vẫn còn và cảnh sát vẫn có thể bắt chúng tôi. Đó là nhà của sinh viên kiến trúc Đình Hữu Tường. Tới nơi, tôi thấy có thêm mấy sinh viên nữa là Nguyễn Tường Cường, em anh Quí; sinh viên kiến trúc Nguyễn Văn Trân, hiện ở Houston, Texas; sinh viên kiến trúc, người Công giáo, Vũ Thế Phiệt, hiện ở Los Angeles, và mấy người nữa tôi quên tên. Chắc chắn mấy người vừa nêu có tham gia một vài hoạt động tôi vừa thuật, nhưng có mặt trên căn gác vào giờ phút đó hay không thì tôi không nhớ chính xác.

Gần nửa đêm một chiếc xe jeep nhà binh tới đón nhóm chúng tôi tới trụ sở Công dân Vụ (hình như ở đường Hiền Vương, tôi không nhớ chính xác). Ngoài cổng đã có lính đảo chính canh gác. Trụ sở rộng mênh mông. Trời tối âm u. Tĩnh lặng. Nhưng trong hội trường lớn đã có đông người. Những cán bộ Công dân Vụ được triệu tập. Thái độ họ bình lặng, lơ là. Sau đó tôi được yêu cầu một mình lên xe jeep đi mua vải về viết biểu ngữ ủng hộ cách mạng cho cuộc biểu tình dự trù vào sáng hôm sau, mừng 2-11, nhằm áp lực thêm lên Tổng thống Ngô Đình Diệm lúc đó còn ở trong Dinh Gia Long. Tôi lại cảm thấy mình “quan trọng”, mình đang làm “cách mạng”. Giới nghiêm, không còn tiệm nào mở cửa, tôi nhớ tới một anh bạn cùng lớp, có bà mẹ mở tiệm vải tại chợ Tân Định: anh Vũ Thế Đoàn, hiện ở San Jose. Đang giới nghiêm mà thấy xe nhà binh xịch đỗ trước cửa, cả nhà nhón nháo mở cửa ra coi. Thấy tôi, anh bạn vui vẻ lớn tiếng giới thiệu với gia đình, tôi là cháu ông Nhất Linh. Tôi cho biết mục đích của “cách mạng”. Bà mẹ anh, một bà mẹ Bắc kỳ có giọng sang sảng vui vẻ điển hình, hăng hái bảo xe của tôi chở ra chợ để bà lấy vải cho “cách mạng”. Bà biểu, không lấy tiền. Cụ vừa qua đời được vài năm ở San

Jose. Cái cảm tình của dân chúng đối với phong trào chống chính phủ thể hiện ở hầu khắp mọi nơi, mọi người. Trở lại trụ sở Công dân Vụ, phía trên hội trường tôi thấy có trung úy Chu Xuân Viên, trung úy Duy Lam, và mấy sĩ quan nữa, tất cả đeo súng *colt*. Cảnh các anh, một ông lớn tuổi hơn, có thái độ cứng chạc, bình tĩnh, có vẻ là cấp chỉ huy của cơ quan, dường như đang bị áp lực của mấy anh sĩ quan, bảo các cán bộ Công dân Vụ tuân lệnh cách mạng. Trước khi xe *jeep* đưa toán sinh viên học sinh chúng tôi tới thì lực lượng quân sự đảo chánh chiếm cơ quan này rồi. Dường như người điều động “nhóm cách mạng” chiếm cơ quan này là trung úy Chu Xuân Viên, nay là dịch giả Chu Việt, thỉnh thoảng có bài trên *talawas* và trung úy Nguyễn Kim Tuấn, tức nhà văn Duy Lam. Duy Lam là em họ cô cậu ruột của tôi còn Chu Xuân Viên là rể trong gia đình Nguyễn Tường, em rể Duy Lam. Ngoài những người ngoài gia đình tôi không biết tên, tôi còn thấy mấy người anh em họ của tôi nữa là Nguyễn Tường Ánh, Nguyễn Tường Lưu, Nguyễn Tường Cường, Nguyễn Tường Quý, và Nguyễn Tường Bá. Trung úy Chu Xuân Viên lúc đó là sĩ quan truyền tin tại Bộ Tổng tham mưu. Duy Lam là trung úy chánh văn phòng của đại tá Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh sư đoàn 23 trên vùng II, cao nguyên miền Trung. Sau này tôi được biết lực lượng quân sự có công đầu với cách mạng là tiểu đoàn truyền tin của đại úy Đỗ Duy Luận, bà con với đại tá Đỗ Mậu, Giám đốc Nha An ninh Quân đội. Tiểu đoàn truyền tin này có nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc lật đổ ông Diệm, vì là đơn vị đầu tiên đánh chiếm Bộ Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt của đại tá Lê Quang Tung, rất mực trung thành với ông Diệm, và chiếm đóng Bộ Tổng tham mưu.

Nếu ngay lúc đầu không khống chế được Lực lượng Đặc biệt thì khó mà làm chủ Bộ Tổng tham mưu, và như thế đảo chánh khó mà thành công. Có lẽ trung úy Chu Xuân Viên tích cực tham gia đảo chánh vì cùng là sĩ quan truyền tin, có quan hệ bạn bè với đại úy Luận. Ngoài ra, vì là em rể, trung úy Chu Xuân Viên đã báo cho Duy Lam về cuộc đảo chánh để Duy Lam từ vùng II trở về Sài Gòn trước đó mấy ngày cùng tham gia. Nguyễn Tường Ánh, con nhà văn Hoàng Đạo, tham gia đảo chánh có lẽ cũng do mối quan hệ thân thiết với Chu Xuân Viên. Ba người này có quan hệ gia đình qua lại: Anh Viên lấy cô em gái Duy Lam, trong khi Duy Lam và Nguyễn Tường Ánh là hai anh em họ cô cậu ruột lại kết hôn với hai người em gái của anh Viên. Như vậy, Chu Xuân Viên vừa là anh vợ, vừa là em rể của Duy Lam. Ba người này lại trạc tuổi với luật sư Nguyễn Tường Bá, nên có lẽ các âm mưu đảo chánh, mấy người này biết, họ truyền cho nhau và cùng bàn thảo với nhau hành động. Nhưng có lẽ ngoại trừ đại úy Đỗ Duy Luận, tiểu đoàn trưởng truyền tin, có quan hệ gia đình với đại tá Đỗ Mậu, là trực tiếp có nhiệm vụ quan trọng trong phe đảo chánh thôi, còn các anh Chu Xuân Viên, Duy Lam, Nguyễn Tường Ánh, Nguyễn Tường Bá, tham gia cũng chỉ là vòng ngoài, vì nhiệt huyết tuổi trẻ, chứ không có liên hệ vòng trong thân cận với các ông tướng đảo chánh. Các ông tướng đảo chánh có lẽ cũng chẳng biết mấy thanh niên này là ai. Tôi cùng với các anh em họ khác tham gia đảo chánh ở một vài việc nhỏ bé chỉ vì trong mối liên hệ gia đình.

Có vài rồi, dù ít, nhưng lại không có sơn. Một mình tôi lại được xe *jeep* chở lên đường Lê Văn Duyệt gần khám Chí Hòa mua sơn. Giới nghiêm, tất cả các tiệm đều đóng cửa. Người lính lái xe gõ cửa một tiệm, họ không mở. Người tài xế tức giận đập cửa ầm ầm, họ cũng không mở. Tôi phải bảo anh ta đừng gõ cửa nữa làm chủ tiệm sợ. Tôi gọi to vào trong nhà, giọng có vẻ đầy quan trọng và hãnh diện, “Tôi là sinh viên học sinh cách mạng đây. Chúng tôi muốn mua sơn để viết biểu ngữ”. Chủ nhà mở cửa. Ông chủ người Bắc, nghe giọng tôi biết là người Công giáo Hồ Nai. Thảo nào ông ta không có vẻ có thiện cảm với “cách mạng chống Tổng thống Diệm”. Tiếp tôi ngoài ông còn có cô con gái trạc tuổi tôi, khá xinh. Tôi nhìn cô ta, bị thu hút, nghĩ rằng cô ta cũng chú ý tới tư thế “sinh viên cách mạng của mình”. Sau khi ông Diệm bị lật đổ, tôi trở lại tiệm, kiếm cơ cảm ơn để mong gặp lại cô, nhưng ông bố không có cảm tình với tôi, “một người cách mạng chống Tổng thống Diệm”. Tôi cũng chẳng thấy cô ta đâu. Đại đa số người “Bắc kỳ Công giáo di cư” đều trung thành với Tổng thống Diệm. Tối đó tôi mua mấy hộp sơn mang về. Xe chạy tới trước cổng, người lính gác chìa súng thẳng vào xe hô lớn, “Dừng lại”,

khiến tôi hết hồn. Vào tới hội trường, thấy tình hình vãi và sơn thiếu quá, anh Viên và anh Duy Lam hỏi những cán bộ Công dân Vụ xem có vãi và sơn không. Một ông có vẻ cấp chỉ huy trả lời là kho vãi ở đây đất tiền và quý lắm. Anh Viên (hay anh Duy Lam, tôi không nhớ chính xác) tức giận, với giọng của một sĩ quan, anh lớn tiếng áp đảo, “Vàng cũng phải mang ra đây!”. Người cán bộ nôm nớp nghe lời. Tôi đi theo họ vào kho mang vãi và sơn ra. Giữa đêm thanh vắng, bầu không khí lại trở nên yên tĩnh hơn, giữa họ và tôi chẳng nói với nhau một lời nào. Thái độ bất hợp tác. Tổng thống Diệm còn ở trong Dinh Gia Long, và những cán bộ Công dân Vụ này, một lực lượng bán quân sự, dưới quyền của Bộ trưởng Ngô Trọng Hiếu, hết sức trung thành với chính phủ, dường như vẫn còn hy vọng. Họ không ưa gì nhóm đảo chánh. Tôi chợt nghĩ, lần này nếu ông Diệm không đổ mà những cán bộ này nổi lên chống lại chúng tôi thì nguy to.

Khoảng 6, 7 giờ sáng, chúng tôi “áp giải” những cán bộ còn trung thành với chính quyền này đi biểu tình chống chính quyền, ủng hộ cách mạng. Đoàn biểu tình lúc đầu không có quần chúng tự phát. Chỉ có chúng tôi, một nhóm rất ít người, và tất cả những cán bộ Công dân Vụ hiện diện. Vừa đi tôi vừa thầm buồn cười về đoàn người biểu tình. Mấy anh lãnh đạo dắt đoàn biểu tình đi ngang trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công của ông Trần Quốc Bửu. Sau này luật sư Nguyễn Tường Bá kể cho tôi biết, tới lúc đó ông Trần Quốc Bửu, chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao công, mới đồng ý tham gia đảo chính. Đoàn biểu tình đi một vòng dài trước khi tới Đại Lộ Lê Lợi ở trung tâm Sài Gòn. Những cán bộ Công dân Vụ vừa đi, gương mặt vừa rầu rĩ, chẳng có gì là phấn khởi “ủng hộ cách mạng”. Dần dần quần chúng hai bên đường đi theo tham gia càng lúc càng đông, trong khi các cán bộ Công dân Vụ lại từ từ lặng lẽ rời đoàn. Đó là hình ảnh đoàn biểu tình đầu tiên, “tự phát của quần chúng” ủng hộ cách mạng lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Hôm sau hình ảnh ủng hộ cách mạng này được phổ biến trên khắp thế giới!

Mặc dù đoàn biểu tình đầu tiên này không phải là tự phát của quần chúng, nhưng trong thực tế của những thời gian từ mấy tháng trước đó, quần chúng đã chán ngấy chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Có lẽ đó là lần lớn nhất của người dân miền Nam, khiến họ phải chịu thảm cảnh của “Thiên đường Xã hội Chủ nghĩa” sau 30-4-1975.

Gia đình Nguyễn Tường, vinh quang và bi kịch Duy Lam

Duy Lam tên thật Nguyễn Kim Tuấn ông sinh năm 1932 tại Hà Nội, là con ông Nguyễn Kim Hòa (mất năm 1963, Sài Gòn) và bà Nguyễn Thị Thế. Mẹ ông là em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo và là chị Thạch Lam; mất năm 1997 tại Hoa Kỳ. Duy Lam là thành viên trẻ tuổi nhất, gia nhập Tự Lực Văn Đoàn năm 1958. Lúc đó ông mới 19 tuổi.

Tác phẩm của ông gồm truyện ngắn Chồng Con Tôi, Ngày Nào Còn Đàn Bà, Nỗi Chết Không Rời, Em Phải Sống. Hồi ký Gia Đình Tôi. Truyện dài Cái Lưới, Lột Xác.

Ngoài viết văn Duy Lam còn là một họa sĩ tài năng, ông vẽ rất sớm và mới đây có cuộc triển lãm tranh tại tiểu bang Virginia, Hoa kỳ.

Chúng tôi may mắn gặp nhà văn, họa sĩ Duy Lam trong lần triển lãm này và ông cho phép được hỏi đôi điều có liên quan đến Nhất Linh, cha đẻ của Tự Lực Văn Đoàn cũng là người cậu ruột thân thiết của ông.

Binh bộ Thượng Thơ

Nói về cuốn hồi ký mà mẹ ông, bà Nguyễn Thị Thế, viết về gia đình Nguyễn Tường ông cho biết:

Trong sách học thì ghi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh ở Hải Dương, không nói gì đến gốc gác của họ Nguyễn Tường, là một dòng dõi quan từ đời ông Nguyễn Tường Vân là Binh bộ Thượng thư của vua Gia Long.

Nhà văn, họa sĩ Duy Lam

" Ông Nhất Linh là bác tôi vì mẹ tôi là em ruột của ông có viết cuốn Hồi ký của gia đình Nguyễn Tường-Nhất Linh-Hoàng Đạo -Thạch Lam. Tôi đã tái bản đến ba lần. Mẹ tôi viết sau khi ông mất và đó là điều đáng tiếc. Chắc ông rất thú vị vì em gái của mình mà ông rất quý cũng đã viết hồi ký. Cuốn hồi ký được nhắc nhiều nhất trong văn học. Nhắc đi nhắc lại, trích trong văn chương Việt Nam.

Khi quyển hồi ký ra đời vào năm 1968 ở Sài Gòn thì nó đã làm cho tất cả các sách giáo khoa phải thay đổi vì cái gọi là gốc gác của họ Nguyễn Tường là ở Cẩm Phô, Quảng Nam. Trước đó không ai hề hay biết. Trong sách học thì ghi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh ở Hải Dương, không nói gì đến gốc gác của họ Nguyễn Tường, là một giòong dõi quan từ đời ông Nguyễn Tường Vân là Binh bộ Thượng thư của vua Gia Long. Chử Tường là bởi vua Gia Long đi đến chân núi Phước Tường, Hội An thì hỏi mọi người núi này là núi gì, ông trả lời "Thưa Chúa đây là núi Phước Tường". Vua Gia Long nói với ông Nguyễn Tường Vân đi bên cạnh là hầu cận rất thân "Phước là họ ta nhưng Tường thì ta ban cho nhà ngươi". Từ đó trở đi thì mới là họ Nguyễn Tường, trước thì chỉ Nguyễn không thôi.

Cụ Nguyễn Tường Vân có làm Đại sứ cho vua Gia Long sang nước Trung hoa thời nhà Thanh. Ở nhà tôi có một bức hình chụp cụ Nguyễn Tường Vân do nhà Thanh vẽ tôi có triển lãm trong các ngày lễ văn hóa ở các trường trung học ở Đà Nẵng năm 1971. Bức hình đã lâu đời hết sức nhưng màu vẫn còn đẹp nguyên."

- Thừa nhà văn Duy Lam, chúng tôi rất muốn biết điều gì đã xảy ra sau khi nhà văn Nguyễn Tường Tam vào Sài Gòn và thu nhận thêm một vài thành viên nữa cho Tự Lực Văn Đoàn, mặc dù lúc ấy sức thu hút của Văn đoàn này không còn mạnh mẽ như trước nữa?

- Về chuyện ông bác tôi thì tôi có giải thích một lần trong báo Người Việt tại sao ông Nhất Linh lại làm cái gọi là Tự Lực Văn Đoàn mà thêm giễu đùa là "nổi dài". Vào năm 1953 ông có làm "chức thư văn nghệ" và đưa tôi và Nguyễn Thị Vinh và anh Tường Hùng ở Tự Lực Văn Đoàn lớp sau. Những người trong lớp văn học cũng có thể trả lời tại sao ông lại làm Tự Lực Văn Đoàn lớp hai. Lớp hai chứ không phải là thế hệ hai vì Vinh là người cùng thời với ông ấy và là đồng chí của ông nữa. Phía ở Hà Nội vào lúc hoạt động chính trị, ông Trương Bảo Sơn chồng bà là một đồng chí của ông Nhất Linh.

Điên? - Mưu kế chính trị!

- Còn câu hỏi về sự tự vẫn của Nhất Linh tuy đã được bàn rất nhiều trên báo chí nhưng đâu đó vẫn còn những câu hỏi cho rằng Nhất Linh có vấn đề tâm thần dẫn tới cái chết của ông ấy...

- Đến bây giờ mọi người vẫn không chịu tìm hiểu gốc gác các câu chuyện tại sao, động cơ nào đã khiến ông Nhất Linh tự vẫn. Tôi làm việc với ông Nhất Linh nhiều nhất, khi tôi bắt đầu viết truyện theo sự huấn luyện và kèm của ông thì tập "Chồng con tôi" ra đời và do ông chọn. Ông sửa một truyện của tôi đến 4,5 lần nhưng tôi chịu được sự kỷ luật đó. Vì thế tôi mới được coi là người có lối văn Dostoyesky đầu tiên ở trong văn chương Việt Nam, như ông Nguyễn Văn Trung có nói đến chuyện đó.

Lúc viết truyện ngắn tôi còn đang đi học ở Chu Văn An, lớp đệ tứ mới 19 tuổi. Ông Nhất Linh vô Sài Gòn trước năm 1952. Ông ấy gọi cho tôi, bà Vinh và anh Hùng mỗi người một tờ giấy viết tay cho chúng tôi vào Tự Lực Văn Đoàn làm tôi hết sức ngạc nhiên vì tôi chỉ mới là cậu bé 19 tuổi.

Tiện đây tôi cho anh biết rằng lý do tại sao ông ấy lại làm ra về điên như vậy vì ông ấy nói với tôi vào thời tôi đến chơi ở Đà Lạt với ông: "Đời bác lắm khi phải giả vờ để tránh sự chú ý của Pháp. Có một lần bác phải giả điên điên, đại đại một thời gian. Rồi sau này thì nói khỏi rồi".

Trong cuốn sách của ông Tú Mỡ có nói đến đoạn đó. Đó chẳng qua là một mưu kế chính trị mà một người như ông phải làm thôi. Đó là lần thứ nhất. Lần thứ hai, lần này thì mẹ tôi có ghi trong

cuốn hồi ký là năm 60, ông ở nhà bà ngoại tôi là mẹ ông ở 58 Lý Thái Tổ (mà sau này tôi vô ở cùng) thì cảnh sát đứng rình chung quanh nhà. Như mẹ tôi nói” anh Tam lấy giấy tờ vất ra cửa sổ”, rồi nói năng lảm nhảm để giả vờ mình bị điên.

Thế nhưng cái đó không phải là lần đầu tiên. Ngày trước bác đã giả vờ điên rồi. Cái đó có ghi trong sách nhưng không ai đọc sách cả. Trong cuốn hồi ký của mẹ tôi đã in đến lần thứ ba. Mẹ tôi còn khôi hài “giả bác vất tiền ra thì mẹ đến mẹ nhặt”. Hai lần giả vờ điên thế nhưng người ta cứ bảo ông Nhất Linh tự tử chống Ngô Đình Diệm là vì ông điên. Tôi sợ họ không đọc sách cho kỹ nên họ mới là người điên.

Đứt đôi - Gây dựng lại

- Quay trở lại Tự Lực Văn Đoàn, ông có thể cho biết thêm tâm sự của Nhất Linh về đứa con tinh thần này như thế nào...ông ấy có tha thiết với nó hay chỉ là một phương tiện để hoạt động cách mạng? Nhất là sau khi những cây bút chính rút lại miền Bắc?

Lúc nào cũng tiến tới, lúc nào cũng làm một cái gì mới. Đời không khuất phục được. Chính trị độc tài không khuất phục được. Cộng sản không khuất phục được. Thế mới là ông Nhất Linh.

Duy Lam nói về người bác của ông

- Cuộc chiến tranh ý thức hệ đã làm đứt đôi Tự Lực Văn Đoàn. Ông Nhất Linh than thở với tôi: “Bây giờ bác vào đây có mỗi mình bác. Xuân Diệu, Tú Mỡ, Thế Lữ... ở ngoài đó đi theo cộng sản”. Mới đây anh Nguyễn Hưng Quốc mới đây diễn thuyết ở Người Việt cũng còn nhắc những người đều đi theo cộng sản hết. Ông Tú Mỡ được giải thưởng của Hồ Chí Minh về thơ trào phúng chống Pháp. Ông Thế Lữ là chủ tịch hội kịch nói. Ông Xuân Diệu là công thần của chế độ. Ba người đó là cộng sản bị đảng áp lực đã nhiều lần tố ông Nhất Linh là phản động và phủ nhận Tự Lực Văn Đoàn. Họ phải làm vậy thôi nếu không thì họ không thể nào sống nổi với cộng sản.

Như thế theo nguyên tắc họ không còn trong Tự Lực Văn Đoàn vì họ tự ý đã kích ông giám đốc của đoàn và tự ý rút ra. Những người Quốc gia ở Việt nam thời đó và những người Việt nam ở hải ngoại bây giờ tự hỏi mình có thể chấp nhận Tự Lực Văn Đoàn có 3 người cộng sản không? Chỉ còn có mỗi ông Nhất Linh, ông Hoàng Đạo mát ở hải ngoại, ông Thạch Lam mát sớm. Ông Khải Hưng thì bị cộng sản giết ở Cửa Gà cùng với anh của ông Nhất Linh là ông Nguyễn Tường Cẩm, chuyện đó là lịch sử rồi. Thế thì mình có chấp nhận Tự Lực Văn Đoàn có ba người cộng sản không?

Ông Nhất Linh nhiều lần nói chuyện với tôi ở nhà Hàng Bè. Vào Sài Gòn thì ông gửi cho chúng tôi “chúc thư văn nghệ” năm 1952. Ông hay than thở với tôi là “Cái công lớn nhất của đời bác là làm Tự Lực Văn Đoàn nhưng bây giờ vì chính trị, anh em tan nát ra cả. Không biết họ có vào được miền Nam không”.

Dĩ nhiên ông ấy có nhiều lần khóc, khó lòng mà không khóc được. Những ngày tết nhất nhớ lại Tự Lực Văn Đoàn ngày xưa của ông, nhớ lại những người đã chết, ông Tường Cẩm bị cộng sản bắt đi trước mặt tôi và bị giết chết. Vì những nỗi buồn đó mà ông ấy có nói với tôi “vì thế mà bác mới làm Tự Lực Văn Đoàn để đưa những tay bút mới” như một bài thơ có nói “Tự Lực Văn Đoàn rồi phải trôi lên”. Phải phục hưng tinh thần của Tự Lực Văn Đoàn nếu không chúng ta sẽ bị những người cộng sản chiếm đa số.



Nhà văn-Nhà thơ Thế Lữ - vanlangseattle.com photo

Vinh quang và bi kịch

- Số phận của gia đình Nguyễn Tường hầu như gắn liền với một giai đoạn lịch sử ... Là thành viên trong gia đình này nhà văn có cảm tưởng ra sao khi có người so sánh với gia đình Kennedy của Mỹ, cũng vinh quang nhưng đầy bi kịch...

- Gia đình tôi cũng giống như gia đình Kennedy ở bên Mỹ này, những thành viên trong gia đình đều làm chuyện công ích và chính trị. Họ Nguyễn Tường ở trong nước Việt Nam nhỏ bé cũng liên hệ đến chính trị cùng với các đồng chí. Ông Tường Cẩm thì bị cộng sản giết, ông Nhất Linh sau chết cũng vì chính trị. Ông Hoàng Đạo bị lưu vong mà phải chết sớm, cũng là vì chính trị. Cho nên có thể nói cái ảnh hưởng sâu rộng đến gia đình Nguyễn Tường và ảnh hưởng luôn đến Tự Lực Văn Đoàn. Làm đứt đời Tự Lực Văn Đoàn luôn. Ông Nhất Linh ở vị trí của ông- người sáng lập ra đoàn, phải cố gắng phục hồi tinh thần của Tự Lực Văn Đoàn bằng đủ mọi cách. Đó là tinh thần của ông Nhất Linh, lúc nào cũng tiến tới, lúc nào cũng làm một cái gì mới. Đời không khuất phục được. Chính trị độc tài không khuất phục được. Cộng sản không khuất phục được. Thế mới là ông Nhất Linh chứ mà lùi và xóa bỏ đi Tự Lực Văn Đoàn thì chuyện đó là chuyện tự nhiên, không ai nói gì được. Tinh thần ông ấy là như vậy, tôi biết bác tôi. Ông ấy bảo tôi “ cháu phải cố gắng”.

- Xin cảm ơn nhà văn, họa sĩ Duy Lam.

Bác sĩ Nguyễn Tường Bách - Người kết thúc chiến tranh quốc cộng 1945 Nguyễn Tường Tâm



Ông Nguyễn Tường Bách

Sự ra đi của Bác sĩ Nguyễn Tường Bách ngày 11/5/2013 tại Fountain Valley , Orange County, California, hưởng thọ 97 tuổi, đã hoàn toàn kết thúc cuộc chiến tranh Quốc-Cộng 1945... (về phe Quốc Gia). Phe Quốc Gia ở đây được định nghĩa là những người chống lại lý thuyết Mác Xít, chống lại Cộng sản. Phe Cộng sản thì vẫn còn một người thuộc thành phần lãnh đạo từ thời 1945 là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cũng nên biết thêm, cụ Bách là cộng tác viên thân cận của nhóm Tự Lực Văn Đoàn từ ngày nhóm này ra số báo Phong Hóa đầu tiên (thời gian này nhóm chưa lấy tên là TLVĐ).

Về quân sự cụ Võ Nguyên Giáp đi trước cụ Bách. Vào năm 1944 trong khi cụ Bách mới tốt nghiệp Đại học Y khoa Hà Nội thì theo tài liệu của Cộng sản, vào ngày 22-12-1944 tại Cao Bằng cụ Giáp thành lập Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam) tại chiến khu Trần Hưng Đạo, lúc đó có 34 người được trang bị 2 súng ngắn, 17 súng trường, 14 súng kíp và duy nhất một súng máy. Nhưng không có tài liệu hay chứng cứ nào cho thấy sau đó lực lượng vũ trang vài chục người đó được phát triển nhiều hơn. Lịch Sử đảng Cộng sản cũng thừa nhận sau khi Nhật thất trận, các tù nhân chính trị được chính phủ Trần Trọng Kim trả tự do, trong đó có cả những tù nhân cộng sản, thì số lượng đảng viên cộng sản chỉ khoảng 5 ngàn người. Đây là con số do cộng sản công bố; con số thực có lẽ ít hơn nhiều.

Phe Quốc gia gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Đại Việt có lẽ số đảng viên cũng không nhiều hơn. Lúc đó Bác sĩ Nguyễn Tường Bách sáng lập lực lượng Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, đồng thời chỉ huy lực lượng quân sự của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Bác sĩ Bách cũng thu nhận số đảng viên và lực lượng vũ trang của Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng không nhiều và so với lực lượng của cộng sản có phần yếu hơn (xem hồi ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua và tập truyện Trên Sông Hồng Cuốn Cuộn của Ng. Tường Bách).

Do tình cờ lịch sử, cả hai cụ Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Tường Bách đều có một số điểm tương đồng. Trước tiên, cả hai cụ cùng ở vị trí lãnh đạo cao cấp của hai lực lượng chống đối nhau thời 1945: Cụ Bách ở Việt Quốc, cụ Giáp ở Việt Minh, một tổ chức của Cộng Sản dựng lên để thu hút thành phần yêu nước cũng tương tự như tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sau này được Cộng Sản Miền Bắc lập nên năm 1960, trá hình là một tổ chức yêu nước của nhân dân miền Nam. Cả hai cụ đều là nhân vật lãnh đạo lực lượng vũ trang của tổ chức của mình. Và thật lạ lùng, cả hai cụ cùng trường thọ và là hai vị cuối cùng thuộc giới lãnh đạo cao cấp trong cuộc tranh chấp Quốc Cộng 1945. Bác sĩ Bách vừa mãn phần ở tuổi 97; cụ Võ Nguyên Giáp vẫn còn sống và đã 103 tuổi.

Cả hai cụ cùng là trí thức tiểu tư sản. Cụ Võ Nguyên Giáp xuất thân cử nhân luật và là giáo sư sử tại trường trung học Thăng Long, một trường trung học nổi tiếng vì có nhiều giáo sư nổi tiếng nhất Hà Nội thập niên 1930. Trong thời gian đó cụ Nguyễn Tường Bách học đại học Y khoa Hà Nội và tốt nghiệp Bác sĩ năm 1944, ở tuổi 28, cùng lớp với Giáo Sư Thạc Sĩ Y Khoa Trần Đình Đệ, cựu Khoa trưởng Đại học Y khoa miền Nam. Cụ Võ Nguyên Giáp lớn hơn Bác sĩ Bách 5 tuổi nên hoạt động chính trị có lẽ trước Bác sĩ Bách cũng khoảng từng ấy năm. Vào thập niên 1930 – 1940 thanh niên Việt Nam hoạt động trong các tổ chức bí mật chống Pháp ở tuổi rất trẻ. Trong hồi ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua (hồi ký VNMTKQ) ở trang 36, cụ Bách cho biết tinh thần cách mạng chống Pháp của học sinh trường Bưởi như sau, “một bạn học năm thứ ba (ghi chú của người viết, tức là mới lớp 8) có đến tìm tôi (ghi chú của người viết, lúc đó cụ Bách mới 13 tuổi và học lớp 6), và đưa một tờ truyền đơn ký tên là “Thanh Niên Ái Quốc,” rủ tôi vào một tiểu tổ lúc đó thành lập ngay trong trường. Tôi ngỡ ý tán thành.” Sau này, Bác sĩ Bách khởi đầu hoạt động chính trị từ thời còn là sinh viên y khoa trong đảng Đại Việt Dân Chính do nhà văn Nhất Linh là anh ông thành lập khoảng 1939.

Cả cụ Võ Nguyên Giáp lẫn Bác sĩ Bách đều không được huấn luyện quân sự mà đều được tổ chức của mình trao nhiệm vụ lãnh đạo quân sự. Điều đó cho thấy lực lượng quân sự của cả hai bên lúc đó đều không đủ mạnh để đương đầu với thực dân Pháp. Cụ Bách từng cười mà nói với tôi, “Chú là bác sĩ mà anh em giao cho chỉ huy quân sự thì đủ hiểu là lực lượng mình không mạnh!”

Cả hai cụ đều là đại biểu trong Quốc Hội khóa 1 năm 1946. Cụ Giáp là đại biểu của Cộng sản (núp dưới danh xưng Việt Minh). Bác sĩ Bách là đại biểu của Việt Quốc. Trong chính phủ Liên Hiệp Quốc cụ Giáp giữ chức Bộ Trưởng Nội Vụ. Bác sĩ Bách tuy không tham gia chính phủ Liên Hiệp nhưng khi tôi hỏi vấn đề này thì Bác Sĩ Bách cho biết cụ đã có hai người anh tham gia chính phủ Liên Hiệp với tư cách Bộ Trưởng rồi, đó là nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là Bộ Trưởng Ngoại Giao và nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long làm Bộ Trưởng Kinh Tế nên đảng Việt Quốc trao cho cụ trọng trách tổ chức nội bộ đảng. Nhưng cụ cũng cho biết trong công tác chính phủ hàng ngày cụ cũng tham gia với tư cách đại biểu của Việt Quốc, do đó cụ cũng nhiều lần trực tiếp gặp cụ Hồ Chí Minh và cụ Võ Nguyên Giáp cũng như các thành viên khác của Cộng Sản trong Quốc Hội và Chính Phủ. Cả hai cụ đều là những nhân vật lãnh đạo cuối cùng của tổ chức của mình còn sống sót từ thời 1945 cho tới đầu thế kỷ 21. Bác sĩ Bách tuy khoảng hai năm cuối sức khỏe đã yếu, không đi lại được, nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn, vẫn còn trả lời những câu hỏi liên quan tới các hoạt động văn hóa của TLVĐ và các hoạt động vũ trang chống Cộng thời 1945 cho tới lúc cụ và lực lượng Việt Quốc thất bại phải bỏ tẩu sang Trung Quốc năm 1946.

Trong hai, ba tháng cuối trước khi qua đời Bác sĩ Bách tuy còn tỉnh táo nhưng đã kém trí nhớ; cụ quên cả tên những người cháu tới thăm cụ, ngay cả tôi cụ cũng không nhớ tên, chỉ biết là cháu gọi bằng chú. Thời gian này chỉ kéo dài vài tháng và Bác sĩ Bách không phải trải qua giai đoạn dùng dụng cụ trợ sinh (life support) trước khi qua đời. Như thế Bác sĩ Bách đã có một sự ra đi mau mắn của người già, một điều mà những người già đều mơ ước. Đây là một may mắn cho cụ.

Cụ Võ Nguyên Giáp không may mắn bằng. Tuy “còn sống” nhưng nghe nói từ lâu cụ Giáp đã không còn biết gì hết, phải dùng dụng cụ trợ sinh (life support). Là em út trong gia đình Nguyễn Tường, cụ Nguyễn Tường Bách đã là một trong những cây bút trẻ nhất góp mặt trong những số báo Phong Hóa đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn. Lúc đó cụ mới 17 tuổi, chưa xong trung học. Tôi hỏi cụ, “Lúc đó chú tới tòa báo với tư cách một chú em nhỏ tới chơi xem các anh của chú làm báo hay chú tới với tính cách ngang hàng của người cộng tác?” Cụ nói, “Tuy lúc đó chú nhỏ, nhưng chú tới với tính cách người cộng tác; chú viết mà.” Tuy sau này khi từ giã gia đình ra đi làm cách mạng, Bác sĩ Bách ở hoàn cảnh một gia đình khá giả như chàng Dũng trong Đoạn Tuyệt hay Đồi Bạt, hai cuốn tiểu thuyết của Nhất Linh, nhưng khởi đầu cụ Bách sinh ra trong một gia đình nghèo. Có thể nói là cực nghèo (xem hồi ký về Gia Đình Nguyễn Tường của cụ Nguyễn Thị Thế, em gái cụ Nhất Linh). Tuy ông nội cụ làm tri huyện (tương đương quận trưởng hay chủ tịch huyện) Cẩm Giàng, nhưng qua đời đã lâu và gia đình trở nên túng quẫn. Bố cụ Bách lại hầu như cả đời không làm gì để nuôi gia đình. Mãi gần cuối đời bố cụ mới đi làm thông ngôn tòa sứ bên Lào. Theo gia phả bên họ Lê, tức bên họ mẹ các anh em Nguyễn Tường thì “ông Nhu làm thông ngôn ngạch tòa Công sứ”. “Ông Nhu” ở đây chính là bố của các cụ Nguyễn Tường. Bố các cụ không phải làm người bê ghi (người gác) ga xe lửa Cẩm Giàng như một số sách sau 1975 viết. Hồi ký của cụ bà Thế ở trang 48 cho biết bố các cụ làm thông ngôn cho ông Công Sứ Hải Tường một thời gian. Sau đó ông ta được đổi sang làm Công Sứ tỉnh Sầm Nứa bên Lào. Năm 1917, tình cờ gặp lại ông Công Sứ đó ở Hà Nội, ông Công Sứ mời bố các cụ sang làm thông ngôn cho ông ở bên Lào và ngày 31-8-1917 bố các cụ lên đường (hồi ký của cụ Thế trang 59). Nhưng bố các cụ chỉ làm được tám tháng thì qua đời vì bạo bệnh.

Kể từ đó gia đình 9 người gồm mẹ, 7 anh chị em và bà nội chỉ trông vào việc buôn gạo của mẹ cụ. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 8, cụ Bách viết, “*Cảnh nghèo nàn thiếu thốn trong gia đình, dù mẹ tôi và bà tôi cố gắng xoay sở, cũng chưa giải quyết được vì đông con.*” Trang 30, cụ lại viết về việc người con gái duy nhất trong gia đình, là chị Thế của cụ, không được đi học vì nhà nghèo, “*Trong lúc gia đình khó khăn chị không được đi học nữa và về nhà giúp mẹ trong việc*

buôn bán...Chị cần cù đảm đương mọi việc trong gia đình, đã giúp đỡ không ít để các anh em yên tâm học hành, làm việc.”

Cảnh nghèo khiến nhiều năm gia đình Nguyễn Tường không ăn tết. Trang 57 của hồi ký cụ Thế ghi, “Tết năm nay nhà không gói bánh chưng. Bà ngoại thấy tôi hỏi nhà cháu đã gói bánh chưa, tôi đáp thưa bà năm nay mẹ cháu không có tiền nên không gói ạ.” Chẳng những không có tiền ăn tết mà mẹ các cụ có năm còn phải trốn nợ vào ngày cuối năm. Sau này vì lý do tuyên truyền chính trị, cộng sản lên án Tự Lực Văn Đoàn có cái nhìn xã hội của những kẻ thuộc giai tầng “bên trên” nhìn xuống.

Thực ra không phải vậy. Quan niệm xã hội của anh em Nguyễn Tường trong Tự Lực Văn Đoàn đã hình thành từ cái huyện Cẩm Giàng nghèo khổ, cực kỳ nghèo khổ mà gia đình Mẹ Lê trong truyện của Thạch Lam là điển hình và gia đình các nhà văn này cũng không khá hơn các gia đình nghèo trong phố huyện, nơi theo sự kể lại trong gia đình và trong các hồi ký, chỉ có mấy gia đình giàu là gia đình mấy “chú Tàu” chủ tiệm trên phố chính của huyện. Có thể nói vào thời đó, gần như cả huyện Cẩm Giàng đều nghèo như Nhà Mẹ Lê cho nên ngoài anh em nhà Nguyễn Tường không gia đình nào có con ra khỏi phố huyện sau khi “tốt nghiệp” sơ cấp (ba năm đầu của bậc tiểu học) để tiếp tục học cao hơn. Trong hồi ký VNMTKQ, ở trang 9, cụ Bách mô tả cái nghèo của dân huyện Cẩm Giàng, “chung quanh, cảnh nghèo khổ, tiêu điều trong các gian nhà lụp xụp, cảnh chân lấm tay bùn của nông dân cặm cụi trên đồng ruộng lằm lội; những người chỉ có một cái khổ che thân, cảnh chợ phiên lèo tèo...tất cả những cái đó đã ăn sâu vào trí óc chúng tôi. Về sau đã thúc dục chúng tôi muốn viết lên, muốn làm một cái gì để thay đổi tình trạng đó.” Bà chị gái của cụ, bà Thế, ở trang 53 hồi ký của riêng mình cũng ghi, “Xóm chợ gần nhà tôi toàn là người làm ruộng quê ở Hà Nam, Phủ Lý vì bị lụt lội không đủ sống nên đưa nhau đến đây. Đa số gia đình làm nghề đi kéo xe hoặc làm mướn như nhà bác Đối, đánh cá vớt tép như nhà bác Lê và còn nổi tiếng nghèo vì quá đông con.” Truyện ngắn Nhà Bác Lê nổi tiếng của Thạch Lam chính là dựa trên chuyện thực của gia đình bác Lê này. Và gia đình Nguyễn Tường cũng không khá hơn những gia đình trong xóm. Trong mấy tạp chí địa phương của Cẩm Giàng ngày nay, người dân địa phương cũng xác nhận cha ông họ thời trước 1945 thật là nghèo, không có tiền gửi con đi học ở bên ngoài phố huyện, nên toàn huyện không có người đỗ đạt, ngoại trừ mấy anh em nhà Nguyễn Tường. Cơ ngơi gọi là “Trang trại Nguyễn Tường, TLVĐ” tại Cẩm Giàng được tạo lập sau này, sau khi mấy anh em nhà Nguyễn Tường đã thành đạt ở Hà Nội, giúp mẹ trở về Cẩm Giàng lập trại để an dưỡng tuổi già (*xem hồi ký về gia đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế*).

Anh em nhà Nguyễn Tường sống trong hoàn cảnh gần như đáy cùng xã hội. Ở trang 54 cuốn hồi ký, cụ bà Thế viết tiếp, “Những năm mất mùa đói kém, xe kéo chẳng ai đi những gia đình này bữa cơm bữa cháo. Nhà tôi chưa phải ăn thiếu nhưng cũng chả giàu gì hơn họ.” Từ hoàn cảnh gần như đáy cùng xã hội đó, anh em Nguyễn Tường của cụ đã vươn lên qua sự thông minh và quyết tâm, và nhất là quyết tâm của một bà mẹ tuyệt vời. Trong hồi ký VNMTKQ, ở trang 30-31, cụ Bách vừa mô tả cái nghèo của gia đình vừa mô tả sự quyết tâm nuôi con ăn học của mẹ cụ qua đôi câu “cãi nhau” giữa mẹ cụ và Thạch Lam, ““*Lâu nay không biết mày làm gì? Nhà đương túng bán mà sao không mang được một đồng về? – Có lẽ vì anh bỏ trường rồi chưa làm việc gì. So với các anh lớn, có thể anh không làm cho mẹ vừa lòng lắm. Hai mẹ con cãi cọ một lúc, rồi không biết sao cả hai đều khóc. Ngạc nhiên, chúng tôi chạy ra ngoài. -Con xin lỗi mẹ, con sẽ đi làm.” Anh vừa nói vừa gạt nước mắt, trông cũng đáng thương. Chắc anh nghĩ rằng mình cũng chưa làm gì giúp mẹ. -Ừ thì mẹ cũng tha lỗi cho con. Nếu muốn đi học, thì dù thiếu thốn, cả nhà cũng sẽ giúp.”*”

Tất cả mấy anh em của cụ từ những năm đầu đi học đã học ở ngôi trường duy nhất, chỉ có bậc sơ cấp (3 lớp đầu bậc tiểu học) trong cái huyện Cẩm Giàng cực kỳ nghèo khổ đó. Như đã kể, dân huyện quá nghèo, không ai đủ điều kiện cho con cái theo đuổi sách đèn ở mức vượt khỏi lũy tre làng. Chỉ có mấy anh em cụ, nhờ quyết tâm của bà mẹ, là thoát khỏi sau bậc tiểu học để lên Hà Nội tiếp tục theo đuổi sách đèn. Mẹ các cụ, sau khi chồng mất, một mình phải lo kiếm

tiền nuôi gia đình tổng cộng 9 miệng ăn kể cả mẹ chồng. Để vượt qua nhiệm vụ khó khăn đó, mẹ các cụ rất cương quyết, cho các con bỏ việc mặc áo tang cho hết sầu thảm, không khóc lóc để có tinh thần mà làm ăn. Ở trang 52 hồi ký cụ Thế, có ghi: " Em Bẫy lúc đó mới có ba tuổi bà tôi cũng bắt đội khăn xô, tôi thì đầu chẳng có tóc cũng phải chít khăn như người lớn, quần may bằng vải chàm trông y mán vậy. Mẹ tôi bắt bỏ hết bảo chúng nó còn bé bắt để tang chi trông sầu thảm. Bà nội khóc thì mẹ tôi nói người chết đã yên phận rồi, bây giờ bà phải thương các cháu lo sao cho khỏi chết đói, để yên con phải lo buồn bán chứ cứ ngồi khóc hoài sao, người chết cũng chả sống lại được mà người sống thì chết đói."

Mẹ các cụ là người bà mà thế hệ chúng tôi luôn ngưỡng mộ là một phụ nữ rất cứng rắn và cương quyết trong mục tiêu theo đuổi, nhưng lại rất dịu dàng với các con cháu. Mục tiêu theo đuổi cả đời của cụ là sự học của các con trai. Khi cụ mang cốt của phu quân từ bên Lào về chôn tại Cẩm Giàng, cụ mẹ chồng nghĩ phải tìm ngôi đất nào cho phát phú ngay chứ nghèo quá đi thôi (Hồi ký cụ Thế trang 64). Nhưng cũng chính trang hồi ký này ghi, "Thầy địa lý cho mời mẹ tôi tới bàn cãi bà muốn phát phú thì con cháu học dốt, hay quý và thọ thì nghèo, bà tính sao. Mẹ tôi nói ngay quý và thọ thôi chứ phú trọc mà làm gì." Chẳng biết có phải nhờ ông thầy địa lý người Tàu đặt mộ hay không mà sau này mấy anh em ông đều phát Quí như độc giả đều biết (nhưng không phát Phú). Mặc dù nghèo gần như không đủ ăn, nhưng với chuyện học của các con thì cụ hết lòng, kể cả phải cho tiền mua sách từ bên Pháp về cho các con học. Và may mắn thay các con cụ đều học giỏi, người nào cũng từng nhiều lần đứng nhất lớp, nhất trường, hay nhất cuộc thi và cũng từng thi nhẩy hai lớp ở bậc trung học, rút ngắn được khá nhiều thời gian và tiền bạc. Trang 62 hồi ký của cụ Thế ghi, "*Các anh tức lắm về bàn với mẹ tôi gửi mua bên Pháp đủ các thứ sách đem về học gấp. Năm sau đổi tuổi đi thi đậu thành ra đỡ được hai năm, đỡ tốn bao nhiêu công lao và tiền bạc.*"

Mấy anh em của cụ rất quyết tâm và thông minh nên thường chiếm giải nhất hay học thi nhẩy lớp. Từ anh Cả, hầu như cụ nào cũng học nhẩy hai lớp (hồi ký cụ Thế trang 62). Trang 62 của cuốn hồi ký cụ Thế cũng ghi muốn học vượt lớp thì phải đổi giấy khai sinh cho thêm tuổi. Từ hồi bé, trong gia đình, nhiều lần tôi đã nghe chuyện tất cả các chú bác và bố tôi đều học giỏi nên phải khai thêm tuổi để đi thi, tôi thường thắc mắc làm thế nào để các anh em của bố tôi đổi tuổi? Mới đây, đọc kỹ trong hồi ký của cô tôi, ở trang 72, cụ Thế đã ghi, "*Thỉnh thoảng chúng tôi lại sang chơi bên ấp Phiên Đình là ấp có ông lý trưởng đã đưa cả triện lý trưởng cho mẹ tôi muốn đóng vào đâu thì đóng. Chắc hẳn ông không thể ngờ được cái triện đó đã giúp cho mấy nhà văn nổi tiếng trong văn học sử sau này.*" Hóa ra, để đổi tên, đổi tuổi của mấy anh em nhà Nguyễn Tường, bà nội tôi cứ lấy cái triện của ông lý trưởng ấp Phiên Đình, huyện Cẩm Giàng mà "in" vào giấy khai sinh mới do chính cụ làm lại là xong(?) Cụ Bách cũng nhẩy hai lớp, và thường được giải nhất cuối năm. Phần thưởng mang về phải chờ bằng xe kéo. Nghe vậy anh em chúng tôi thấy thực dân Pháp tuy thế mà rất chuộng sự học, cho dù là sự học của dân bản xứ.

Việc học của cụ Bách thật buồn cười, và sự đối xử của mẹ cụ cùng các anh cụ đối với việc học của cụ cũng rất thoáng; có thể nói là quá thoáng so với cả tiêu chuẩn giáo dục gia đình bây giờ. Theo dõi việc học của cụ Bách ở bậc trung học thôi cũng giúp hiểu thêm về sinh hoạt của Tự Lực Văn Đoàn ngay từ buổi đầu ra báo Phong Hóa. Năm 1929 cụ Bách thi vào trường Bưởi và đỗ thứ 28 trong khi nhà trường chỉ lấy có 130 người trong số rất đông học sinh dự thi. Cụ đỗ cao nhờ bài Pháp Văn (hồi ký VNMTKQ trang 33 và 35).

Nhưng ngay trong ngày khai trường, cụ Bách đã cảm thấy một bầu không khí ngột ngạt, khó thở, mà cụ cho là bầu không khí thực dân. Ở trang 35 cụ viết, "Một bầu không khí thực dân...tôi nghĩ. Tôi liên tưởng đến những truyền đơn, báo bí mật và những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp...Từ ngày ấy, đối với nhà trường, tự nhiên tôi đã không có thiện cảm." *Cuối cùng, sau khi mới lên năm thứ hai, tương đương lớp 7 ngày nay, cụ bỏ trường về Cẩm Giàng tự học thi Tú Tài Tây. Ở trang 41 hồi ký VNMTKQ cụ viết, "1931. Suy nghĩ vài tháng rồi, tôi lấy một quyết định mạo hiểm: bỏ học về nhà. Tôi sợ nói ra, mẹ tôi và các anh chị sẽ phê bình tới tấp và sẽ ngăn*

cần. Vì có ai dạy mà bỏ đi một trường học tốt như vậy, không dễ thi vào. Và nếu tự học thì có làm nổi không, bằng Tú Tài đâu phải dễ lấy; mà tôi lúc này mới lên năm thứ hai.”

Gia đình cụ rất phóng khoáng, ngay cả trong việc học của con cái là việc quan trọng nhất trong mọi gia đình. Trang 44, cụ ghi nhận, “Khác hẳn với dự đoán của tôi, các anh tôi chẳng ai cho là việc đáng bàn, còn mẹ tôi sau khi do dự, cũng bằng lòng: “-Ừ thì mày về nhà mà học lấy. Nhưng phải chăm mới được.”

Năm 1933 cụ thi Tú Tài Tây phần thứ I và trượt. Trường cũng nên nhắc lại, năm 1929 cụ Bách mới thi đỗ vào năm thứ nhất trường Trung học Bưởi, tức là vào lớp 6. Năm 1931, ở năm lớp 7 cụ xin bỏ học để về Cẩm Giàng tự học. Thế mà năm 1933, tức là đáng lẽ mới hết lớp 9 (đệ tứ niên trường Bưởi) cụ đã đi thi Tú Tài Tây phần thứ nhất, tức là vượt 2 lớp (10, 11). Các anh em khác đều học vượt hai lớp như cụ. Mặc dù thi trượt nhưng cụ cũng đã đỗ phần thi viết, tức là đỗ các môn chính. Và cụ chỉ bị trượt vì vào vấn đáp môn Anh Văn. Anh văn cụ tự học nên phần phát âm sai hoàn toàn. Cũng trang 57 cụ kể, “gặp giám khảo hắc búa, bắt tôi đọc một một đoạn truyện “David Copperfield” của Dickens. Tôi gập cổ đọc, còn ông chỉ ngồi cười. Sau tôi mới hiểu, vì ông nghe chẳng hiểu gì hết với cái tiếng Anh lạ tại của tôi. Tất nhiên là trượt, về nhà học lại.” Đọc tới đây tôi lại nhớ tới kinh nghiệm của chính tôi. Năm 1962, tôi học đệ tam Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định, thi nhẩy tú tài I, cũng đỗ thi viết, rồi vào vấn đáp cũng trượt vì vấn đáp tiếng Anh. Ông giám khảo nói tiếng Anh với tôi rằng, “tiếng Anh của anh khiến tôi thất vọng”. Như vậy chế độ thi cử của Pháp tuy khó về nội dung nhưng lại rất mềm dẻo về thủ tục, học sinh muốn thi là nộp đơn thi, không cần học bạ gì cả. Nhưng tại sao lại có vấn đề giới hạn tuổi đi thi thì tôi chưa tìm hiểu được. Tới thời Việt Nam Cộng Hòa thì thủ tục có khó hơn một chút, là muốn thi Tú Tài I thì phải có giấy đã học lớp 11 của một trường tư hay của bất cứ một tư nhân nào có bằng cử nhân chứng nhận. Việc chứng nhận chỉ cần ký tên rồi mang công chứng chữ ký, thủ tục không quá vài phút. Chế độ thi cử hiện nay thủ tục không được dễ như vậy, chặt chẽ hơn, nhưng trình độ học sinh lại kém hơn nhiều.

Một điều đáng ghi nhận là chính cái năm thi trượt Tú Tài phần I (hè 1933), tức là đáng lẽ mới học lớp 9, cụ Bách đã bắt đầu tham gia viết báo, làm thơ trên tờ Phong Hóa. Ở trang 57 hồi ký VNMTKQ, cụ viết: “Năm đó, thi bằng Tú Tài phần thứ nhất, tôi đã “trượt vỏ chuối,” tuy đã cuộc bỏ hơi tai trước kỳ thi.” Ở trang 58, cụ Bách viết tiếp, “Thế là lại phải cuộc một năm nữa...Cũng may, năm ấy, tôi bắt đầu bước vào nghề viết báo, làm thơ, nên thì giờ cũng dễ trôi qua.”

Năm sau, 1934 cụ mới đỗ Tú Tài Tây phần I nhờ ông giám khảo thi vấn đáp tiếng Anh không quá khó. Như vậy sau hai năm học trong trường và ba năm tự học vất vả mới đỗ được Tú Tài Tây phần thứ I, cụ thấy không tự học được nữa mà phải vào trường. Và cụ không trở lại trường Bưởi mà xin vào trường tây Albert Sarraut. Ở trang 55 hồi ký VNMTKQ cụ kể: “Một cách chật vật, tôi cũng qua được phần thứ nhất bằng Tú Tài Tây...Nhưng phải đối diện với phần thứ hai làm sao đây? Theo ý kiến của các bạn, muốn ăn chắc, nên xin vào học trong trường Trung Học Albert Sarraut.” Ông viết tiếp, “Mùi thực dân của trường này tất sẽ nặng nề, nhưng đành phải chịu.”

Ông giỏi triết và học thi Tú Tài Triết. Trang 59 ông kể, “*Vì trước kia, tôi đã ưa đọc những sách triết học, nên được giáo sư dạy môn triết mến, những tác văn của tôi thường thường ông chỉ sửa chữa rất ít và khuyến khích.*” Trong nói chuyện riêng tư cụ kể nửa năm đầu cụ vất vả vì tiếng Pháp thua đám học sinh gốc của trường và thua đám tây, đầm. Nhưng nửa năm sau thì cụ vượt lên đứng đầu. Cụ viết ở trang 55 hồi ký VNMTKQ: “*Cuối năm, dù không dốc hết sức để ôn tập các bài vở, nhưng may mắn tôi cũng được giải nhất trong lớp và tương đối dễ dàng qua được phần thứ hai bằng Tú Tài...*” Vị giáo sư Triết người Pháp rất thích cụ và cứ ngỡ sau này cụ sẽ theo ban triết trên đại học.

Như vậy cụ đỗ Tú Tài phần II vào năm 1935. Nhưng tại sao, mặc dù học giỏi, mãi 9 năm sau, năm 1944, cụ Bách mới đỗ Bác sĩ. Từng có nhiều dịp gần gũi cụ mà chúng tôi không để ý tới chi tiết này để hỏi. Thời gian này gia đình cụ đã vươn lên tới mức bề ngoài cũng không thua

kém gia đình nào; mấy anh đầu đã đi làm có chức phận. Đặc biệt anh Tam của cụ (Nhất Linh) đã tốt nghiệp cử Nhân khoa học ở Pháp về và thành lập báo Phong Hóa.

Tuy gia cảnh đã thăng tiến cả về kinh tế lẫn tiếng tăm, nhưng cụ Bách lúc nào cũng đau nỗi đau “không duyên có” của chàng Dũng trong Đoạn Tuyệt & Đồi Bọn, hai tác phẩm của Nhất Linh được giới trẻ thời đó ưa thích. Cái nỗi đau không rõ ràng vì không liên hệ trực tiếp tới cuộc sống của bản thân và gia đình mình. Nhưng lúc nào cụ cũng suy nghĩ, muốn làm một cái gì đó...không rõ ràng. Có thể nói, tâm trạng của cụ Bách lúc đó là tâm trạng chung của giới trẻ ở cái thời có nhiều cuộc chuyển mình của đất nước từ sau cuộc khởi nghĩa bất thành đưa tới đoạn đầu dài của lãnh tụ Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cái tâm trạng đó chắc chắn cũng là tâm trạng của Nhất Linh từ thời rất trẻ và ông đã đưa được vào văn chương. Tất cả những điều này đã được cụ Bách mô tả ở trang 32 hồi ký VNMTKQ: “Sau 1925, là một giai đoạn rung động mạnh trong xã hội Việt Nam và cũng rung động đến cả tầng lớp học sinh nhỏ...Những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp, về những truyền đơn bí mật như tờ “Hồn Nước”, in bằng thạch mà chúng tôi truyền nhau đọc, những cuộc bãi công, biểu tình, cái tên Nam Đồng thư xã v.v... đều ít nhiều khơi dậy lòng yêu nước của những tâm hồn trẻ thơ.” Và rồi cụ thể hơn, cụ viết rằng, chính cái đêm khởi nghĩa của Nguyễn Thái Học và Việt Nam Quốc Dân Đảng mà các anh em cụ chứng kiến, hồi hộp theo dõi tại Hà Nội đã ảnh hưởng và tạo nên Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn sau này. Ở trang 37 hồi ký VNMTKQ, cụ Bách viết, “Một ngày tháng 2 năm 1930. Buổi tối, độ chín mười giờ...Bà, mẹ tôi đã đi ngủ. Nhớ lại còn ngồi trên gác đọc sách có anh Tam (Nhất Linh), anh Sáu (Thạch Lam) và tôi. Anh Cả đi làm ca đêm vắng nhà. Chung quanh im lặng. Bỗng đột ngột, vắng từ xa đến mấy tiếng nổ, xem ra lớn hơn tiếng súng thường. Tiếng gì đây? mọi người sửng sốt. Súng? Bom, tạc đạn? Trong thời kỳ bất thường này chúng tôi nghĩ ngay tới một cuộc nổi dậy. Anh Tam chạy ra phía cửa sổ, hé mở cánh cửa nghe ngóng. Vài tiếng nổ thêm, lác đác. Trong thâm tâm, chúng tôi hi vọng đây sẽ là một cuộc tấn công lớn của cách mệnh; đều khát vọng cuộc khởi nghĩa sẽ đưa tới chấm dứt sự thống trị hung tàn của thực dân, dành được độc lập tự do cho dân tộc. Tiếng nổ hình như vọng tới từ trên, phía bờ sông. Nhưng rất nhanh, im lặng lại trở lại...Anh em chúng tôi chờ đợi một thời gian, không thấy có động tĩnh gì khác, lại đặt mình xuống giường. Không ai nói với ai một câu nào, những điều biết là suốt đêm trần trọc không ngủ được. Có lẽ ai cũng đã cảm thấy thất vọng sâu xa...Mặc dầu thất bại, nhưng tấm gương anh hùng ấy vẫn luôn in mãi trong trí óc anh em chúng tôi.” Và ở trang 39, cụ kết luận về ảnh hưởng của cái đêm “cách mạng Nguyễn Thái Học” đó đối với xã hội nói chung và đối với TLVĐ sau này như sau, “*Tinh thần này không những sẽ phản ảnh trong các cuộc cách mệnh sau này, mà còn sẽ phản ảnh về các lãnh vực văn hóa, xã hội. Nếu không có tinh thần này, thì nói riêng, cũng sẽ không có Nhất Linh, Phong Hóa, và Tự Lực Văn Đoàn.*”

Lược qua tình hình vừa nêu, người ta có thể hiểu tại sao cụ Bách lúc đó tuy học trường Tây nhưng nỗi đau “vô có” vẫn ám ảnh khôn nguôi. Tình yêu và lý tưởng luôn luôn là cuộc sống và nỗi ám ảnh của tuổi trẻ. Với cụ Bách cũng vậy. Cụ Bách trẻ, đẹp trai, tài hoa, chơi nhạc hay, khiêu vũ giỏi, học cũng giỏi, lại thuộc gia đình đang nổi tiếng vì thành lập được nhóm TLVĐ, dĩ nhiên không thiếu cô em. Trong mấy cô gái trẻ có một cô cùng lớp mà tới những ngày cuối đời mới đây, khi tới thăm cụ, tôi vẫn được nghe cụ nhắc lại. Cô ta là đầm lai, học cùng lớp. Mỗi chiều tan học cô ta thường đạp xe theo cụ trên đường về. Thời đó “Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường” (tên của Hà Nội do Thạch Lam đặt) còn yên tĩnh với những con đường chim dưới hai hàng cây, với Hồ Gươm lóng lánh bên hàng liễu rủ, biểu tượng của thủ đô ngàn năm văn vật, với Nghi Tâm, Quảng Bá, hai tụ điểm của trai thanh gái lịch vào mỗi cuối tuần, với những nam thanh nữ tú ngày ngày đạp xe đạp từ từ dong duỗi trên các ngã đường. Hà nội của những năm xưa đó chưa có khói xe, chưa có kẹt đường. Hà Nội của mơ và mộng. Bây giờ mỗi khi nói tới một Hà Nội thời êm ấm đó nhiều người Hà Nội trung niên trở lên thường nói, “Hà nội thời Tự Lực Văn Đoàn”. Nhưng chàng thanh niên Nguyễn Tường Bách lúc nào cũng u-uẩn một tâm trạng. Trong đấy cùng tâm khảm, chàng tuổi trẻ Nguyễn Tường Bách luôn có một “chàng

Dũng”, sau này xuất hiện trong Đoạn Tuyệt và Đôi Bạn. Không phải chỉ có cụ là có tâm trạng của chàng Dũng. Nhất Linh cũng vậy. Đã có một thời Nhất Linh trên đường lưu vong làm cách mạng đã đổi tên Nguyễn Tường Tam thành Nguyễn Tường Dũng để che dấu tung tích. Trong hồi ký VNMTKQ trang 140 cụ Bách kể: “Anh Tam lúc này lấy tên là Nguyễn Tường Dũng (đúng như tên anh chàng Dũng trong truyện Đoạn Tuyệt), bị giam vào một hang đá gần Liễu Châu...” Về cô đầm lai đó, cụ đã nói với tôi, “Cuối cùng chú nghĩ không thể yêu cô ta được, vì cô ta là đầm lai”. Và từ đó cụ cắt đứt liên hệ với cô ta. Tuy cũng như Dũng của Đoạn Tuyệt, lúc đầu chưa biết phải làm gì, nhưng việc đầu tiên đối với cụ Nguyễn Tường Bách là phải cắt đứt một “mối tình mới chớm”, chỉ vì cô ta có máu Tây.

Thế là con đường trước mặt của chàng Dũng Nguyễn Tường Bách đã khá được định hình: phải tìm cách đưa đất nước thoát vòng nô lệ thực dân Pháp. Cũng như Dũng đã già từ Loan, dù chàng rất yêu, để lên đường làm một điều gì đó cho quê hương, chàng Dũng Nguyễn Tường Bách cũng cắt đứt một mối tình mới chớm để khởi đầu một con đường mới cho dân tộc. Ở hoàn cảnh của Cụ Bách, với 3 người anh đang mở tuần báo Phong Hóa cũng với ước vọng phải làm cuộc đổi mới cho quê hương, thì con đường hợp lý nhất và khả thi nhất đối với chàng Dũng Nguyễn Tường Bách là gia nhập cùng nhóm Phong Hóa với các anh để dùng tài văn chương của mình, qua các phóng sự, qua các bài viết, cho độc giả thấy được những nét đẹp về nước non và văn hóa dân tộc cùng những cảnh “Bùn Lầy Nước Đọng”, những cảnh khốn cùng của người dân nô lệ để từ đó mỗi người dân tự ý thức phải tìm một con đường cứu nước. Tự Lực Văn Đoàn đã khởi đi như thế; và chàng Dũng Nguyễn Tường Bách cũng khởi đi như thế.

Cụ Bách có tài văn chương và cụ mê văn chương. Cụ đã có những bài phóng sự hay. Cụ đã có ít ra là một truyện ngắn viết về một đêm Giao Thừa ở nhà thương thực cảm động. Khi hỏi về truyện ngắn này cụ Bách không còn nhớ. Tám mươi năm rồi còn gì! Tôi và Bác sĩ Nguyễn Tường Giang, con trai thứ của Thạch Lam trong nhiều lần nói chuyện với cụ có hỏi, “Tại sao chú không vào TLVĐ?” Cụ trả lời, “Vào TLVĐ đối với chú thì không khó, nhưng lúc đó việc vào TLVĐ đâu có quá quan trọng.” Chúng tôi hỏi tiếp, “TLVĐ lúc đó chưa nổi tiếng à?” Cụ cho biết, “Lúc đó TLVĐ cũng nổi tiếng rồi chứ, nhưng đâu ngờ nổi tiếng như sau này.”

Cụ có khiếu viết văn và thích viết văn. Và lại cụ thích đọc sách triết và giỏi về triết mà. Cụ viết văn ở tuổi rất nhỏ. Ở trang 32 cuốn hồi ký, cụ viết: “qua việc đọc những tác phẩm thời ấy, tôi cũng thấy ngứa tay, và viết bừa ra mấy truyện ngắn khi còn 11, 12 tuổi.” Cụ cho biết cụ thích viết văn hơn làm bác sĩ nhưng cụ phải học đại học. Không thích nghề bác sĩ lắm nhưng cụ cho biết lúc đó toàn 3 nước Đông Dương (Việt, Miên, Lào) chỉ có một đại học Hà Nội. Mà đại học Hà Nội ngoài phân khoa Canh Nông cụ không thích thì chỉ còn lại có hai phân khoa Luật và Y. Cụ không thích Luật, học luật thời đó đa số chỉ để ra làm quan, quan huyện (quận trưởng) chẳng hạn. Tất cả các anh em cụ mặc dù có thừa điều kiện để đi vào quan trường nhưng không ai thích làm quan. Ở trang 29 hồi ký cụ viết: “*Trong anh em chúng tôi, không ai thích làm quan, và cũng không thích quan. Chúng tôi không thích quan liêu, quyền quý, cũng như trọc phú chỉ biết trục lợi; không thích triều đình phong kiến và những kẻ cộng tác với bọn thực dân.*” Và thế giới quan-trường đã bị một trong các tác giả của TLVĐ là Khái Hưng chỉ trích trong tác phẩm “Gia Đình”. Như vậy cụ chỉ còn một con đường là học Y để ra làm bác sĩ. Cụ phải học bác sĩ nhưng cụ cũng luôn đau khổ vì không thích nghề này. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 97, cụ viết: “*Trong đời tôi, có lẽ một sự lầm lẫn trong nhiều lầm lẫn khác, là việc vào học y khoa. Lấy nó làm một cái cân câu cơm hạng tốt, không hơn không kém. Vì tôi cũng như một số bạn hữu khác, lúc mới vào học, rất ít nghĩ đến tính chất “cứu nhân độ thế” hay là những câu châm ngôn của Hippocrate.*” Nhưng dù sao, nghề y đã cứu cụ và gia đình cụ trong suốt gần 40 năm lưu vong bên Trung Cộng. Cụ cho biết chính nghề Y đã giúp cụ và gia đình tồn tại tương đối nhàn hạ và bình an hơn các người dân Trung Hoa cùng thời tại địa phương trong suốt mấy chục năm kẹt lại tại Trung Cộng. Đặc biệt, cụ kể, trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tại Trung Cộng (1966), những đồng nghiệp hay xếp của cụ bị Hồng Vệ Binh bắt mang đi diễu phố và

đánh đập tàn nhẫn, thương tật, không ai giám cứu giúp, thì cụ, vì có qui chế ngoại kiều, nên không bị Hồng Vệ Binh hành hạ, do đó cụ có cơ hội kín đáo cứu chữa những người bị đánh đập. Sau này những người đó trở lại nắm quyền đều nhớ ơn cụ.

Khi hai chúng tôi hỏi sao cụ không tiếp tục vừa viết văn vừa học Y khoa thì cụ cho biết học y khoa rất bận rộn. Vào những năm chót y khoa thì tình hình chính trị lồi cuồn nên cụ càng bận rộn hơn. Đó là lý do cụ chấm dứt con đường văn chương ngoài việc sau khi đã tốt nghiệp y khoa cụ làm chủ nhiệm rồi chủ bút mấy tờ báo của Việt Quốc trong những năm đầu của cuộc tranh chấp Quốc Cộng 1945. Hồi ký của Hứa Bảo Liên ở trang 65 và 67 ghi rằng sau khi chế độ thực dân Pháp bị sụp đổ, tờ Ngày Nay bộ mới ra đời với cụ làm chủ nhiệm. Sau đó tờ này bị đình bản, tờ Bình Minh ra đời cụ lại làm chủ nhiệm. Không lâu sau tờ này lại bị đình bản, tờ Việt Nam Thời Báo ra đời, cụ làm chủ bút. Trong những tờ báo này chủ yếu cụ viết bình luận chính trị. Chẳng bao lâu sau, tờ Việt Nam Thời Báo lại bị đình bản, tờ Việt Nam ra đời. Tờ này là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng đối chọi với tờ Cờ Giải Phóng của Việt Minh, cụ lại được anh em cử làm chủ nhiệm với sự cộng tác của các tác giả Khái Hưng, Hoàng Đạo. Hàng ngày cụ phải đọc kỹ tờ “Cờ Giải Phóng” của Việt Minh để đối chọi những quan điểm bất đồng. Ở trang 68, tác giả Hứa Bảo Liên (nàng Loan của Nguyễn tường Bách) viết tiếp, “*Đầu năm 1946, anh Bách ở luôn nhà báo cho tiện làm việc. Mỗi khi ra ngoài phải có người bảo vệ. Anh bận rộn đến nỗi tóc không cắt, râu không cạo, đầu tóc bờm xờm như người “vô gia cư”*.” Trụ sở của mấy tờ báo này chính là trụ sở của TLVĐ, số 80 Quan Thánh Hà Nội (hiện nay tòa nhà to lớn này vẫn còn mang số cũ và có nhiều người cư trú, nhưng không ai biết đó là căn nhà gắn liền với những biến động văn hóa và lịch sử đất nước của một thời gian gần 15 năm cho tới 1946 khi Bác sĩ Bách chỉ huy lực lượng vũ trang Việt Quốc rút lui khỏi Hà Nội lên chiến khu của Việt Quốc ở Vĩnh Yên.

Trong thời gian sinh hoạt văn nghệ với TLVĐ cụ Bách thân với một số những cây bút trẻ như Huy Cận, Xuân Diệu... và đặc biệt cụ hay nhắc tới nhà thơ Huyền Kiều, một nhà thơ to, khỏe và nghèo, là người bạn thân nhất của cụ. Cụ Bách đã phù rể trong đám cưới của Huyền Kiều. Tường Bách, Đình Hùng, và Huyền Kiều là ba trong số những người trẻ nhất trong đám văn hữu thân cận TLVĐ. Trong số những người văn nghệ sĩ trẻ kia có thể kể thêm Xuân Diệu và Huy Cận. Đình Hùng đã gọi nhóm 3 người bạn thân này là “ba tiểu quỷ”. Có một giai thoại về Huyền Kiều do Đình Hùng kể, mà nghe qua vừa thấy buồn cười, vừa thấy được hết cái tình cảm thân thương của anh em văn nghệ sĩ thân cận với TLVĐ, vừa thấy được phần nào, cái “bề sâu” của TLVĐ. Giai thoại đó có tựa, “Khái Hưng và Nhất Linh trong thơ Huyền Kiều” do nhà văn Quốc Nam thuật lại lời Đình Hùng như sau (1):

“Huyền Kiều vốn là bạn thân thuở nhỏ của Đình Hùng, ở Hà Nội ... Là hàng xóm, gần nhà Thạch Lam nơi phường Trúc Bạch, tôi thường ghé thăm Thạch Lam, bàn chuyện thơ văn rất lấy làm tương đắc. Và rồi tôi dẫn Huyền Kiều lại giới thiệu: “Huyền Kiều, một nhà thơ rất có triển vọng! Tên thực anh ta là Bùi Kiều. KIỀU HUYỀN KIỀU! Huyền Kiều, giản dị vậy!”

Thạch Lam cười xòa, vui vẻ dẫn hai bạn ... thơ vào thư phòng trò chuyện. Nơi cư trú của gia đình nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, là một ngôi nhà tranh đặc biệt, cất theo kiểu Nhà Ánh Sáng, do phong trào Nhà Ánh Sáng mà báo Ngày Nay phát động từ mấy năm trước. Có phòng khách, phòng ngủ, với đầy đủ tiện nghi ... Tuy là nhà lợp tranh, vách bằng đất bùn nhồi rơm, lán xi măng, quét vôi sáng sữa, ngôi nhà trông thật bề thế vì vẻ cao ráo, thoáng mát của nó. Nhất là ở cạnh Hồ Tây quanh năm thoáng mát. Có vườn hoa trồng đủ cây cảnh lạ, đẹp. Một thú chơi tao nhã của tác giả “Hà Nội Bấm Sáu Phở Phường”...

Một bữa vào cuối hè sang thu, Thạch Lam nhắn chúng tôi (vẫn lời Đình Hùng) đến nhà anh dùng bữa cơm tối. Theo thông lệ, chúng tôi đến sớm, ngồi nơi vườn hoa, ngắm cảnh chiều tà trên gương hồ bát ngát ... “gió rung trăng”. Thật thế đấy, nhằm đầu tháng ta, trăng mọc sớm, lơ lửng dưới làn nước trong; từng cơn gió nhẹ lướt mặt hồ, rung động ...

Thạch Lam cười vui:

- Huyền Kiều làm thơ đi! Nếu cần, tở gà cho.

Tôi chẳng mấy ngạc nhiên, vì đã hơn lần được nghe Thạch Lam nói chuyện về Thơ, phẩm bình về các trường phái Thơ ...

Tuy nhiên Huyền Kiều vốn khiêm tốn, chỉ âm ừ, cười bảo:

- Để lát nữa. Có lẽ sau bữa cơm tối nay, trong lúc tữu hậu trà dư ... chúng mình thơ thẩn ...

- Được lắm!

Đúng lúc, có tiếng chị Thạch Lam gọi. Và Khái Hưng, Nhất Linh ở đâu tới, cũng ào ra vườn. Một lát lại có cả Thế Lữ nữa.

Chủ nhà nhìn mọi người, khắp lượt, bảo:

- Quần hùng tề tựu gần đủ. Thôi mời quý vị vào dùng bữa, kéo ngụội cả.

Vào nhà thì đã thấy Nguyễn Tường Bách ở đấy từ bao giờ ...

Cơm xong, chuyện vãn khá lâu. Mãi khuya đêm Nhất Linh mới bảo, vẻ thật trịnh trọng: “Lát nữa tôi sẽ phải rời xa các anh em, nên có thể đây là một đêm họp mặt để tạm biệt. Chuyến hành trình này sẽ không lâu đâu. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau. Bây giờ chúng ta có thể chia tay nhau được rồi. Riêng tôi, tôi còn có điều nói riêng với anh Khái Hưng, vậy các bạn ra vườn chơi, hoặc đi ngủ. Thành thật cảm ơn tất cả...”

Tôi nhớ đại ý thế, vì đã quá lâu ngày. Mọi người đều buồn nhưng không ai lên tiếng – không có can đảm lên tiếng hỏi, vì đều biết Nhất Linh là người hoạt động cách mạng. Đã đến lúc phải “mạnh tay” với thực dân Pháp, chứ không còn ở giai đoạn làm văn hóa để nâng cao dân trí người mình nữa ...

Ba đưa tôi cùng kéo nhau ra vườn, ngồi nghe cá quẫy, nhìn trăng vời vọi. Có lẽ Thế Lữ đã về nhà gần đấy. Quanh quần vẫn chỉ có Huyền Kiều, Thạch Lam và tôi thôi. Và Thạch Lam, lại chính là Thạch Lam, khơi mào sau khi đã nghĩ lung:

- Thơ ... ra rồi! Này, hãy nghe đây! và anhặng hắng, ngâm:

“Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề ...”

Đấy câu mở đầu đấy! Huyền Kiều hãy làm tiếp đi!

Huyền Kiều và tôi ngơ ngác. Tôi không rõ vì sao bữa nay Thạch Lam lại nhiều ... thi hứng đến thế.

- Được! Huyền Kiều nói. “Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề ...” Ờ, được đấy. Và anh ngâm nghĩ. Câu mở của Thạch Lam thật tuyệt. Nó gợi ý cho tôi về một cái gì có thể gọi là ...”cổ kính”. Một đêm tiễn đưa nhau chẳng hạn. Hết đôi bạn Khái Hưng và Nhất Linh trong đêm khuya nay ... trước giờ ly biệt.

- A, khá! Thạch Lam cười. Anh nắm bắt được ý thơ rồi đấy. Vậy cứ thế mà tiếp nối. Tôi vào nhà đem trà nóng ra đây nhá. Nhân thế coi xem họ ra sao?

Một lát sau Thạch Lam đem bình trà và tách ra, bảo:

- Anh ba tôi và Khái Hưng im lìm ngồi trong thư phòng. Cả hai đều không nói năng gì cả. Phòng không đèn đóm nên bóng tối chan hòa. Ánh trăng mờ tỏ ... Có con mèo tam thể tôi nuôi quỵện dưới ghế Nhất Linh ngồi. Bên cửa sổ sát vách tường, bức liễn trúc treo rung động dường như cảm thông cho đôi bạn đang nhấp chén rượu sông trong phút giờ sắp ly biệt ...

Tôi chợt lên tiếng:

- Buồn thật. Mà cổ nhân cũng đã từng than: “Ôi! biệt ly sao mà buồn thế!” thật là chí lý.

Chúng tôi uống trà. Trăng vừa lặn. Gà rên tiếng gáy phía xa. Sao dần rơi ... dần rơi và tôi chợt thấy lạnh lạnh.

Vẫn không thấy chút động tĩnh gì nơi Khái Hưng và Nhất Linh ở trên nhà. Tôi cảm nghĩ trong giờ phút thiêng liêng ấy, ta không nên vọng động. Cũng đừng hỏi han gì cả. Trời sắp sáng rồi.

Và quả thật, ở bên Hồ Tây bữa ấy, trong sân nhà Thạch Lam, ba đưa chúng tôi đều rất dè dặt, hạn chế từng câu nói, tiếng cười. Trong khi ấy Huyền Kiều trầm lặng “làm việc”: suy tư về ý thơ và ý nghĩa của sự chia tay của đôi bạn văn Tự Lực Văn Đoàn.

Chợt Huyền Kiều nói:

- Tôi thử đọc cho các anh nghe. Bài thơ nhan đề “Tương Biệt Dạ”. Hay, dở tùy nghi Thạch Lam và Đình Hùng giúp sửa lại. Và anh khe khẽ ngâm sau khi dục Thạch Lam vào nhà lấy giấy bút

ghi tốc ký, bất kể trời vừa sập tối lại vì trăng đã chẳng còn... Tình bạn thơ – văn giữa chúng tôi thấm thiết là thế đó.

Tương Biệt Dạ

Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề

Ý sầu lên vút tới sao Khuê

Quý thay giây phút gần tương biệt

Lưu luyến người đi với kẻ về.

Ngồi suốt đêm trường không nói năng

Ngậm ngùi chén rượu ánh vầng giăng

Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ

Có giống như mình lưu luyến chẳng?

Đã tắt lò hương lạnh phím đàn

Thư phòng sắp sẵn để cô đơn

Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng

Một giải sương theo vạt dậm buồn

Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau

Nửa đêm chợt tỉnh bỗng dưng sầu

Giăng mùa Xuân đó, ai tâm sự?

Anh đã xa rồi, anh biết đâu?

Bài “Tương Biệt Dạ” của Huyền Kiêu, sáng tác vào chớm thu năm Canh Thìn – 1940, chỉ mấy tháng sau là bước sang năm Tân Tỵ – 1941... Khi hoàn thành bài “Tương Biệt Dạ”, vào nhà thi Nhất Linh đã lên đường từ lúc nào rồi ...

Trong giới sinh viên tích cực hoạt động bí mật chống Pháp cụ Bách thân với cụ Dương Đức Hiền, lúc đó làm chủ tịch Tổng hội Sinh viên, sau này là chủ tịch Đảng Dân chủ. Hai cụ Nguyễn Tường Bách và Dương Đức Hiền cùng trong đảng Đại Việt Dân Chính do Nhất Linh thành lập. Trong hồi ký, ở trang 123, tình bạn của hai cụ được cụ Bách mô tả như sau: “Một buổi tối sau, có người lên gác trọ tìm tôi. Nhìn rõ, mới biết là anh Dương Đức Hiền. Chúng tôi vui mừng xiết tay nhau...cả hai đều chưa bị khó dễ. Anh Tam (ghi chú của người viết: tức Nhất Linh) vẫn mất tích. Sau có tin báo là anh đã trốn ra ngoài nước, đi Quảng Châu. Hai chúng tôi đồng ý tạm thời hãy nằm im, xem tình thế biến chuyển ra sao.”

Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, vì khác chính kiến, tình bạn thấm thiết đó tan rã. Trong hồi ký của Hứa Bảo Liên, trang 64 ghi lại mối quan hệ chặt chẽ giữa cụ Bách và Cụ Dương Đức Hiền. Tác giả cuốn hồi ký viết, “...có người bạn anh Bách là anh Dương Đức Hiền tỏ ý muốn gặp anh Bách để bàn chuyện. Hiền trước kia là bạn cùng một chí hướng và cùng tham gia vào một tổ chức quốc gia. Sau này tổ chức bị Pháp khủng bố, qua một thời gian sau đó, anh ta tham gia vào phong trào Việt Minh và sáng lập đảng Dân Chủ.”

Một cách chi tiết hơn, trong hồi ký VNMTKQ ở trang 153 cụ Bách thuật lại: “Một hôm, vào tháng 6, tôi đương ngồi sửa bài tại tòa soạn thì ở dưới đưa lên một người lạ mặt. Anh ta bảo có thư riêng của một người bạn thân nhờ đưa đến. Rồi anh rút từ ống giày ra một tờ giấy mỏng. Dưới ký tên một người mà tôi cũng không ngờ đến: Anh Dương Đức Hiền. Đã hơn một năm, tôi không được nghe tin tức gì về anh.” Trong thư cụ Dương Đức Hiền trước cùng đảng Đại Việt Dân Chính với cụ Bách nhưng nay đã đại diện Việt Minh, hẹn gặp để bàn luận việc cộng tác chung. Cụ Bách và cụ Khái Hưng được đề cử đi gặp cụ Dương Đức Hiền. Nơi gặp cách Hà Đông độ năm cây số. Cụ Bách viết tiếp, “Chúng tôi đạp xe gần tới Hà Đông thì rẽ vào một con đường nhỏ, lầy lội, có khúc phải vác cả xe lên vai, lội bùn mà đi. Gần đến bờ sông Nhuệ, tới một tòa miếu cổ, thì thấy một người mặc quần áo nâu ra đứng đợi. Tuy quần áo khác, nhưng vẫn nhận ra được anh Hiền, gầy hơn, mặt đen sạm, nhưng hai hàm răng lại quá trắng, chẳng cần là mặt thám cũng biết đây là một nông dân giả hiệu.

Chúng tôi ngồi trên thềm miếu, nhìn xuống giòng sông Nhuệ nhỏ nước chảy êm đềm, trông hao hao giống con sông Sen ở quê nhà. Chung quanh vắng không có bóng người, chỉ có một người ngồi sau miếu, có lẽ là một tay súng hộ vệ.

Sau vài lời hàn huyên, anh cho biết là đã gia nhập vào Việt Minh, với tư cách lãnh đạo đảng Dân Chủ, và khuyên chúng tôi cùng các anh em Đại Việt Dân Chính khác cũng nên tham gia Việt Minh, không nên đứng lừng khờ nữa. Anh cầm tờ Ngày Nay trong tay, phê bình chủ trương của nó không triệt để, không cách mạng theo đường lối công nông. Anh nói Việt Minh nay đã phát triển mạnh, có căn cứ quân sự, được Đồng Minh ủng hộ... Chúng tôi chỉ nghe, không giải thích gì. Có lẽ vì thế mà anh thất vọng, rần giọng nói,

-Nếu các anh cứ lừng khờ như thế mãi, thì có ngày Nhật sẽ beng đầu các anh, mà nếu không thì cách mạng sẽ beng đầu các anh!" Cụ Bách và Khái Hưng hơi ngạc nhiên, vì lời dọa dẫm lại do một đồng chí cũ đưa ra. Hai cụ chỉ cười, đưa mắt nhìn nhau. Cuối cùng cụ Bách đáp, "Cách mạng Việt Nam thì có nhiều con đường để đi, không nhất định là phải tham gia vào Việt Minh. Song về việc hợp tác, chúng tôi sẽ về bàn với các anh em rồi sẽ trả lời sau."

Cuộc hẹn gặp lại sau đó một tuần đã không thành, vì Cụ Hiền nhấn là cụ phải đi lên miền trên có việc cần và sẽ liên lạc lại sau. Hai bên không gặp lại cho tới mấy tháng sau, bất ngờ cụ Bách lại gặp lại cụ Hiền trong một buổi họp tác đảng phái, mà từ bạn hữu đã trở nên đối địch. Cụ Bách viết tiếp ở trang 155, "Âu cũng là định mệnh. Chúng tôi cũng muốn hợp tác vì công cuộc chung, góp sức với nhau để đuổi quân xâm lăng ra khỏi nước. Song thực ra, hai bên có thể chân thành cộng tác với nhau không, lại là một vấn đề khó giải."

Sự chia tay của hai cụ, chính là điển hình sự chia tay của cả một thế hệ cùng ôm mộng đánh đổ thực dân Pháp, nhưng theo hai con đường khác nhau. Thậm chí, còn có sự chia rẽ của những anh em ruột thịt cùng một gia đình, hay của hai cha con, chỉ vì lý do tương tự. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 100, cụ Bách viết, "Nhưng, trong hàng ngũ người Việt chủ trương giải phóng dân tộc, giành độc lập, đã có những chia rẽ sâu xa về ý thức hệ, về sách lược và đường lối hoạt động." Thế hệ 1945 là thế hệ của những người yêu nước, dù là cộng sản hay quốc gia. Tất cả đều có một điểm chung đẹp đẽ là đánh đuổi thực dân Pháp. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 101, cụ Bách viết, "Nhiều phần tử trí thức và sinh viên, bị thôi thúc bởi lòng yêu nước, sẽ kế tiếp nhau tham dự vào những phong trào chống Pháp, hoặc cộng sản hoặc không cộng sản." Thế hệ thanh niên thập niên 1940-45 là một thế hệ "đẹp" với nhiều ước vọng giành độc lập cho tổ quốc. Đặc biệt thế hệ 1945, ở cả hai khuynh hướng Quốc, Cộng, trong tình hình thế chiến thứ II, các dân tộc thuộc địa vươn lên giành độc lập, đã là một thế hệ "huyền thoại" trong lịch sử cận đại của Việt Nam với nhiệt tình yêu nước không bờ bến, sẵn sàng từ bỏ gia đình, người yêu để lên đường cứu nước. Thế hệ 1945 huyền thoại đã được Đặng Phương (bút hiệu của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy) mô tả qua bài thơ Những Anh Hùng Vô Danh, mà những câu mở đầu thật cảm động và bi tráng: Họ là những anh hùng không tên tuổi – Sống âm thầm trong bóng tối mệnh mông, Không bao giờ được hưởng ánh quang vinh, Nhưng can đảm và tận tình giúp nước.

Nhưng thế hệ đó cũng trải qua nhiều bi thảm. Cái bi thảm thể hiện trong tình bạn của cụ Bách với những người bạn thân thương nhất của cụ, mà sau này, mỗi lần nhắc lại cụ vẫn bùi ngùi. Trong những chia rẽ của tình bạn, có lẽ sự chia tay với Dương Đức Hiền làm cụ ray rứt nhất. Cả hai đều có nhiệt tình chống Pháp, lúc đầu cùng chung một hướng, cùng chung một đoàn thể. Nhưng rồi sau cả hai lại theo hai con đường khác nhau: Quốc Gia và Cộng Sản. Thực ra, thế hệ thanh niên với những người như cụ Dương Đức Hiền mang bầu nhiệt huyết theo Việt Minh không phải là theo Cộng Sản. Ngày nay, khá nhiều các đảng viên Cộng Sản lão thành từ thời 1945 và cuộc kháng chiến 9 năm đã thú nhận lúc đó không biết Cộng Sản là gì, không biết chủ thuyết Mác Lê là gì, chỉ một lòng chiến đấu vì độc lập, tự do của tổ quốc.

Người Cộng Sản đã thắng keo đầu khi họ chớp thời cơ, nhân một cuộc biểu tình của công chức Hà Nội ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim ăn mừng nước nhà Độc Lập, thoát khỏi ách thực dân Pháp. Cộng Sản đã nhanh tay biến cuộc biểu tình của nhân dân Hà Nội yêu nước thành cuộc biểu tình của Cộng Sản, dưới danh nghĩa Việt Minh. Và Cộng Sản đã cướp được chính nghĩa.

Chính phủ liên hiệp Quốc Cộng hình thành sau đó đã không có được điều cơ bản là sự tin tưởng lẫn nhau của cả hai phe. Cho nên sự liên hiệp sớm đi tới tan rã. Lịch sử hợp tan của gia đình Nguyễn Tường của cụ Bách cũng gắn liền với giai đoạn hợp tan này của lịch sử dân tộc. Một ngày, cụ Bách bất ngờ tới thăm người chị, bà Nguyễn Thị Thế, nhà ở đê Yên Phụ, cũng gần nhà Thạch Lam. Tuy cùng ở Hà Nội nhưng đã lâu rồi cụ Bách vì bận việc chính sự đã không tới thăm chị và mấy đứa cháu như thường xuyên trước kia. Lần tới thăm bất ngờ này khiến bà chị và mấy đứa cháu ngạc nhiên. Cuộc gặp gỡ đã được Thế Uyên, con của bà Thế, kể lại đại khái như sau: Bất ngờ thấy chú Bách tới sau một thời gian dài vắng mặt. Lần này lại thấy chú đi có một người hộ vệ đứng ở đầu ngõ. Cũng như mọi lần, Thế Uyên lục túi cụ Bách định tìm kẹo. Nhưng lần này chàng không thấy kẹo mà chỉ lôi ra được mấy viên đạn. Cuộc nói chuyện của cụ Bách với mẹ Thế Uyên lần này ngắn ngủi và có vẻ nghiêm trọng. Cụ cho chị cụ biết cụ phải ra đi, và ra đi khá lâu, không biết bao giờ về. Đi đâu thì cụ không nói. Dĩ nhiên cùng với sự chia tay với gia đình, cụ Bách cũng phải chia tay với “nàng Loan” của cụ.

Sau khi rời Hà Nội Cụ Bách lên chiến khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Vĩnh Yên. Theo hồi ký của “nàng Loan của Bách”, Cụ Bách ít gửi tin tức về. “Nàng Loan” của cụ Bách dự tính tiếp tục học đại học tại Trung Quốc. Trong hồi ký “Nguyễn Tường Bách và Tôi” của Bà Hứa Bảo Liên, phu nhân của Cụ Bách, “nàng Loan” của cụ Bách kể chuyện giã từ giữa “Loan và Dũng” ở trang 73 như sau:

“Tự nhiên tôi nghĩ có lẽ tôi phải lên chiến khu cho anh Bách biết tôi dự tính đi học. Kỳ thực lúc đó, tôi cũng không biết hiện anh đang ở đâu? Chiến khu ở chỗ nào? Sau hỏi ra rồi tôi mới đáp xe hơi, sau chuyển sang đi thuyền đến Việt Trì. Vừa đặt chân tới đất này, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng rất mau tôi lại cảm thấy không khí khẩn trương, người đi lại rất ít. Thình thoảng lại nghe có tiếng súng nữa. Tôi tìm đến trụ sở thì gặp ngay anh Bách và anh Vũ (ghi chú của người viết, tức cụ Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ quân sự của VNQDD). Có lẽ anh cũng không ngờ tôi đến thăm anh trong lúc này. Tôi cho anh biết tôi dự tính đi Trung Quốc học. Lúc đó chúng tôi cũng không biết bao giờ mới gặp lại nhau vì trong thời buổi loạn lạc này, không ai có thể tiên đoán được tương lai! Mà lúc đó anh cũng không nói cho tôi biết đảng bộ và quân đội của Việt Quốc đã dự định rút khỏi Việt Trì để lên Yên Bái. Sáng hôm sau, tôi đáp thuyền rồi đổi sang xe hơi trở về Hà Nội.”

Không đương cự nổi với Cộng Sản tại Hà Nội, cụ Bách phải dẫn lực lượng vũ trang của Việt Quốc lui về vùng chiến khu Việt Quốc ở Vĩnh Yên, nơi có đồn điền nổi tiếng của một đảng viên cao cấp của Việt Quốc là Đỗ Đình Đạo. Trên cuộc rút quân đó, lực lượng Việt Quốc và Cộng Sản (Việt Minh) đã đụng độ khốc liệt. Trong một lần giao tranh, cụ bắt được một cấp lãnh đạo của Việt Minh, sau này lên tướng. Trong tình cảm lãng mạn tiểu tư sản, cụ không trối hay đánh đập người “tù binh”, mà chỉ tước khí giới rồi cho ngủ chung với lực lượng vũ trang của cụ tại nơi đóng quân. Ngày hôm sau, hai chiếc xe hơi cắm cờ Việt Minh và cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng từ Hà Nội tới, trên xe có đại diện hai phe trong chính phủ Liên Hiệp, yêu cầu trả tự do cho người “tù binh Việt Minh” và lãnh người “tù binh” đó về Hà Nội. Người đại diện Việt Quốc trên một trong hai xe hơi đó lại chính là nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, anh thứ tư của cụ (xem Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn của Nguyễn Tường Bách và Hồi ký của Hứa Bảo Liên) Chẳng bao lâu sau sự chia rẽ của chính phủ Liên Hiệp Quốc Cộng đi tới chỗ tiêu diệt lẫn nhau một cách tàn khốc hơn. Tại làng Phụng Dực, quê của bà Nhất Linh, trong căn nhà của bà, Cộng Sản (dưới danh nghĩa Việt Minh), trên con đường truy lùng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và gia đình, đã bắt mang theo 4 người gồm có bà Nguyễn Tường Tam, con trai Nguyễn Tường Việt của cụ Nguyễn Tường Tam khi đó mới khoảng 14 tuổi, em ruột của bà Nguyễn Tường Tam, tên Tín, và bố tôi, cụ Nguyễn Tường Cẩm, anh thứ hai của cụ Nguyễn Tường Tam. Cộng sản dắt 4 người tù họ gọi là “phản động” đi về vùng họ kiểm soát. Một hôm tình cờ, máy bay đồng minh tới thả bom. Văn phòng nơi giam giữ xụp đổ. Hai người tù đàn ông đang bị xích nên không thoát được. Chỉ có bà Nguyễn Tường Tam và người con trai 14 tuổi không bị trói nên thoát được. Lại vẫn là máu tiểu tư sản, anh Nguyễn Tường Việt mới đây kể lại, trước khi đi trốn, anh và mẹ đã nâng cái cây sừng nhà đổ xập đang đè lên một người cán bộ để cứu người

cán bộ đang bị thương này. Sau đó hai mẹ con phải trốn 15 ngày dưới hầm trong căn nhà của một người giúp việc ngày xưa tốt bụng và trung thành mà chúng tôi gọi là anh Tí, trước khi anh giúp việc này tìm được cách đưa vợ con cụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trốn về Hà Nội. Còn bố tôi và người em bà Nhất Linh, bị thủ tiêu mất tích kể từ đó. Cái sự bi thảm trong cuộc chiến Quốc Cộng đã xảy ra cho gia đình tất cả các anh em Nguyễn Tường của Cụ Bách cũng là những bi thảm tương tự xảy ra cho nhiều gia đình khác.

Khi bàn tới sự thất bại của phe Quốc gia trước đối thủ Cộng sản người ta thường nói tới sự quyết liệt và tài tổ chức khéo léo của phe Cộng Sản hơn hẳn phe Quốc Gia. Nhưng người ta ít bàn tới việc người Cộng Sản quyết liệt ra sao và họ tổ chức giỏi như thế nào.

Từ 1945 cho tới 1975 người Quốc Gia bị thua Cộng Sản vì thái độ “không quyết liệt với kẻ thù,” trong khi Cộng Sản thì hoàn toàn trái ngược. Trong những thanh toán nhau giữa hai phe, người Cộng Sản quyết liệt hơn ở điểm họ truy lùng toàn bộ bố mẹ, anh, chị, em, vợ con, kể cả con còn niên thiếu của đối thủ chính trị để tiêu diệt. Họ gọi chung những người đó là “thành phần phản động”. Một đòn hiểm ác hơn nữa là CS cô lập không những người bị cho là phản động mà còn cô lập cả gia đình họ. Cộng sản vận động, và đe dọa mọi người trong xóm, mọi bạn bè, họ hàng bà con không được quan hệ với cá nhân và gia đình của người bị họ cho là “thành phần phản động”. Ngay cả những người bạn thân, học trò ruột ra đường trông thấy họ từ xa cũng né tránh sang bên kia đường, không dám chạm mặt, không dám chào hỏi dù chỉ một câu, sợ bị liên lụy có thể mang họa vào thân, nhẹ thì bị kiểm điểm, nặng thì bị đi tù. Sự cô lập, bỏ đói của Cộng sản đối với cụ Phan Khôi hay các nhà văn trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, hoặc với các trí thức từng có công với Cộng Sản như Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo v.v... là những ví dụ cho thấy sự độc ác, quyết liệt của Cộng sản khác hẳn chủ trương, chính sách ôn hòa, hợp lý, hợp tình người của người Quốc Gia. Sự quyết liệt một cách độc ác của cộng sản đã được Luật gia Nguyễn Mạnh Tường mô tả khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Hòa Khánh ở trang 712 cuốn Nhân Văn Giai Phẩm của Thụy Khuê. Hòa Khánh hỏi, “Luật sư có bị bắt, bị giam cầm gì không? Trả lời, “Không. Chỉ bị đuổi ra khỏi những nơi đang làm việc. Và độc ác nhất là bị cô lập hoàn toàn. Các anh cứ tưởng tượng suốt mấy chục năm trời, không ai dám đến gặp tôi cả. Họ sợ bị liên lụy đến bản thân, đến gia đình của họ. Có khi đi ngoài đường, nhìn thấy tôi từ xa, là bạn bè, học trò cũ của tôi phải tránh đi chỗ khác.” Hòa Khánh hỏi, “trong thời gian suốt mấy chục năm trời như vậy, luật sư làm gì để sống?” Trả lời, “Không làm gì cả. Xin việc gì người ta cũng không nhận... cứ bán dần đồ đạc trong nhà mà ăn tiêu... Rồi tất cả đồ đạc cạn dần... Tôi lại sống bằng sự bố thí của anh em, bạn bè.” Đọc hết tường thuật về sự đàn áp của cộng sản đối với gia đình tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường, người ta thấy kinh hãi tới độ không tưởng tượng được là có thể tàn bạo tới như vậy (2). Hoàn cảnh bị cô lập và đàn áp của tiến sĩ Trần Đức Thảo cũng kinh hãi tương tự. Và đỉnh điểm là bà vợ Tiến sĩ Trần Đức Thảo không chịu nổi phải nạp đơn ly dị với ông vào năm 1960 (3). Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, chính sách cô lập, đàn áp, bỏ tù (gọi là cải tạo), tịch thu nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, cửa tiệm, kho hàng, cơ xưởng sản xuất và triệt đường sinh sống lại được áp dụng trên qui mô rộng lớn toàn miền nam đối với hàng trăm ngàn quân nhân, công chức, doanh nhân và người Việt gốc Hoa. Và lần này không phải chỉ vài gia đình tan nát như ở miền bắc sau 1954, mà là cả chục ngàn gia đình vợ chồng bị tan nát, chia lìa.

Việc truy đuổi để tiêu diệt toàn thể bố mẹ, vợ con, anh chị em của đối thủ chính trị là điều không một tổ chức chính trị nào của người Quốc Gia chủ trương. Sự khác biệt về cách đối xử của người Quốc gia và Cộng sản đối với thành phần khác chính kiến bắt nguồn từ sự khác biệt trong lý thuyết hành động. Chủ thuyết Mác Lê dạy các cán bộ Cộng Sản phải phân loại nhân dân ra từng thành phần không chỉ dựa trên hành vi chính trị hay kinh tế của cá nhân người đó mà còn dựa trên lý lịch gia đình ba đời. Phe Quốc gia không buộc người dân khai lý lịch ba đời hay hai đời mà chỉ đòi hỏi người dân khai lý lịch về phần cá nhân họ mà thôi. Dựa trên lý lịch ba đời mỗi người dân bị Cộng sản phân loại vào một thành phần nào đó để hoặc được hưởng ân huệ hoặc bị đàn áp, triệt hạ. Ngày 5/6/2013, trên trang mạng “Bảo Tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh”, trong bài Quá trình thành lập Xứ uỷ Trung Kỳ và các Tỉnh đảng bộ Nghệ Tĩnh, tác giả Nguyễn

Thị Hồng Vân viết nguyên văn, “Xứ uỷ Trung Kỳ, nhất là đồng chí Bí thư ra chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ: thanh trừng trí phú, địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ,” Cho tới hiện nay, thế kỷ thứ 21, Cộng Sản vẫn còn áp dụng nguyên tắc của luật rừng này. Ngày nay họ đàn áp, triệt hạ tất cả cha mẹ, anh chị em của những phần tử đối kháng bằng nhiều cách như ép chủ nhà chấm dứt hợp đồng thuê nửa chừng, ép công ty họ đang làm việc phải sa thải họ v.v... Chưa kể họ còn cho công an mặc thường phục đóng vai côn đồ hành hung, gây tai nạn giao thông v.v... Cái thâm độc của CS ở đây còn thể hiện ở điểm họ không chủ trương gây tai nạn chết người mà chỉ gây thương tật nặng. Như vậy, nạn nhân vẫn còn sống và từ đó trở thành một gánh nặng cho toàn bộ gia đình. Ví dụ thì đây đây trên báo chí lẻ trái (blogs). Mới đây, ngày 19/6/2013 trong bài “Đình Nhật Uy bị bắt vì “không thuyết phục được Đình nguyên Kha nhận tội?” ký giả Trương Minh Đức viết, “Kể từ khi sinh viên Đình Nguyên Kha bị bắt thì công an địa phương luôn sách nhiễu gia đình bằng nhiều thủ đoạn, họ thường xuyên gọi điện thoại với những khách hàng đến sửa chữa máy vi tính tại cơ sở của Đình Nhật Uy (ghi chú của Ng. tường Tâm: người anh), công an hăm dọa khách hàng là nếu làm ăn với gia đình “phản động” này thì hãy coi chừng đó! và cũng kể từ đó không ai dám đến làm ăn với cơ sở của Đình Nhật Uy, thời gian vắng khách kéo dài Uy không chịu nổi với các khoản thuế, chi phí... Đành phải đóng cửa để về vườn làm bất cứ công việc gì cho gia đình. Từ một Kỹ Sư Công nghệ thông tin, chuyên gia máy tính đành phải về cuốc đất trồng rau, giăng lưới bắt từng con cá sặc để góp thêm cho mẹ Liên chờ đến chuyến thăm nuôi gởi cho em Nguyên Kha đang ở trong tù... đang thất nghiệp không giúp ích được gì nên tính lên Sài Gòn in tái bản thêm 400 cuốn sách kỹ thuật về sửa chữa máy Photocopy mà Uy cùng mấy người bạn đồng xuất bản trước đây, nếu bán được cũng có ít tiền giúp mẹ để phụ giúp nuôi em Kha... nhưng khi vừa đến nhà in thì bị từ chối với lý do là tên của Nhật Uy có trong cuốn sách đó nên không được in tái bản!??..”

Ngày 19-6-2013 trong phản hồi bài: “Một gợi ý cho biểu tình ở VN: Đứng im để biểu tình ở Thổ ...” Một khách với mã số 90908 đã viết, “Tôi không biết cách xử lý của cảnh sát các nước khác nghiệt tới đâu, nhưng tôi biết rõ ở VN, không chỉ cảnh sát, cả một guồng máy sẽ ập xuống, không chỉ bản thân người đi biểu tình, cả gia đình thân quyền cũng vạ lây. Triệt đường sinh kế, cô lập sinh hoạt, triệu tập lên triệu tập xuống, rì tai, hù dọa, rồi nếu cần thì thuê mướn bọn xã hội đen hành xử kiểu côn đồ... Kể sơ sơ những thứ lộ lộ ra trước mắt mọi người thế chứ còn những chiêu ngầm gian xảo hơn, tàn bạo hơn, có thể tôi vẫn chưa kịp nắm rõ.

Phe Quốc Gia không có một lý thuyết hành động nào phân loại người dân theo lý lịch gia đình để có chính sách đối xử tương ứng cho nên không có chính sách đàn áp, tiêu diệt thân nhân, gia đình của các phần tử Cộng Sản. Trong suốt 21 năm của chính quyền miền Nam, không một người vợ nào của Cộng Sản nằm vùng bị bắt nếu không có bằng chứng chính người đó hoạt động cho Cộng Sản. Vợ con họ cũng không bị đuổi việc cho dù đang làm việc cho chính quyền. Các khách hàng làm ăn với vợ con họ cũng không bị đe dọa để chấm dứt buôn bán với họ. Không một người con nào của cán bộ cộng sản nằm vùng hay tập kết ra Bắc bị đuổi học hay không xin được việc làm trong công sở chỉ vì liên hệ gia đình. Nhiều khi người Quốc gia còn đối xử với các đối thủ Cộng sản một cách “Quân tử tâu” nữa. Sự việc này mới đây đã được nhiều “cộng sản nằm vùng” thuật lại. Bài “Có một giờ G khác vào năm 1974” đăng trên báo Saigon Tiếp Thị (<http://sgtt.vn/Loi-song/177101/Co-mot-gio-G-khac-vaio-nam-1974.html>) có lời thuật của “Đại tá, anh hùng phi công Nguyễn Thành Trung”. Người phi công của Không Quân Saigon ném bom Dinh Độc Lập ngày 8.4.1975 đã thuật lại việc Chính Quyền Saigon và Trung Tướng Tư Lệnh Không Quân Saigon đối xử với vợ con ông sau khi ông theo Cộng Sản phản bội Việt Nam Cộng Hòa như sau: “...thời gian sống trong đội ngũ không lực Sài Gòn cho tôi một niềm tin rằng vợ tôi, một người phụ nữ không liên quan gì đến công việc của tôi, con tôi còn quá nhỏ (đứa lớn mới 5 tuổi, đứa nhỏ chưa tròn năm) sẽ không bị đối xử một cách tàn nhẫn. Thực tế diễn ra đúng như tôi dự đoán. Cảnh an ninh không quân đưa xe đến nhà bắt vợ con tôi. Vợ tôi phản đối vì mình không biết gì về công việc của chồng. Họ từ tốn: “Thưa bà, chúng tôi không bắt bà (nếu bắt chúng tôi đã dùng công số 8, trói bà chẳng hạn), chúng tôi tới đây mời bà vào phòng an ninh sư đoàn, với trách nhiệm bảo vệ sự an toàn tính mạng của bà và các con bà.

Nếu bà có tài sản quý giá nào thì bà cứ mang theo”. Bài báo thuật tiếp, “Trong thời gian vợ tôi bị giam ở số 4 Nguyễn Bình Khiêm, trung tướng không quân Trần Văn Minh đến thăm với tư cách người chỉ huy có một người lính phản chiến. Ông ấy hỏi vợ tôi có cần bạn bè, người thân đến chuyện trò gì không hay cần mua sắm gì thì ông sẽ giúp đỡ.” Người Quốc gia là như vậy, “tiểu tư sản”, lại thêm “quần tử tàu”, nên thua Cộng Sản là phải.

Còn nói về tài tổ chức khéo léo của Cộng Sản hơn hẳn người Quốc Gia thì phải hiểu rằng người Quốc Gia thua kém Cộng Sản chỉ vì khác hẳn Cộng Sản, người Quốc Gia tổ chức theo nguyên tắc Pháp Quyền (rules of law), trong khi Cộng Sản không có luật, hay chỉ có luật để trưng bày, trong thực tế họ dùng luật miệng, luật rừng. Chính vì nguyên tắc Pháp Quyền của Người Quốc Gia mà đại đa số cán bộ Cộng Sản nằm vùng đã được ung dung hoạt động đến cuối cùng phá hỏng cái nền dân chủ Pháp Quyền đã từng bảo vệ người dân cũng như bảo vệ chính họ. Ngày nay, họ đang tranh đấu quyết liệt đòi chính quyền Cộng Sản phải trả lại cho họ những nhân quyền họ từng được hưởng ở miền Nam mà ngày xưa chính họ phá bỏ. Để hiểu rõ điều này, tốt hơn hết nên nghe tường thuật của cựu “Việt Cộng nằm vùng” Hạ Đình Nguyên trong bài “Nguyễn Phương Uyên, tôi có thể làm gì cho em?” đăng ngày 5-11-2012 trên trang mạng Việt-studies (-http://viet-studies.info/kinhte/HaDinhNguyen_NguyenPhuongUyen.htm)”

Đối tượng mà chúng tôi chống, lúc bấy giờ, là Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, song lại có đôi điều mà trái tim công bằng của tuổi trẻ ghi nhớ như là nét son của một xã hội công dân – dù nó chưa tương xứng để gọi tên như thế– Tôi nhớ tại Tối Cao Pháp viện, Tổng thống VNCH – Nguyễn Văn Thiệu, đã đích thân đến Tòa án can thiệp, tranh luận tay đôi với Viện trưởng Nguyễn Minh Tiết, rằng cần phải kết án 21 SV trong số 42 SVHS đã bị bắt vừa qua là Việt Cộng, vì có bằng chứng minh bạch. Ông Viện trưởng Tiết đã cương quyết bác bỏ, vì sự tra tấn dã man là bằng chứng của ép cung, lời cung đã khai không còn giá trị. Thế là hầu hết đã được trả tự do ngay sau phiên tòa. Trong đó có một số anh chị có vai trò trong tổ chức Thành đoàn CS.” Cái tổ chức của người Quốc Gia kém xa Cộng Sản ở điểm mà chính ông Hạ Đình Nguyên cũng phải nhận định tiếp, “Dù các anh chị ấy có lập trường kiên định, một lòng trung thành với con đường lý tưởng đã chọn, song không khỏi ghi nhớ về tính cách của một vị quan tòa, và nguyên tắc, dù chưa phải là thực chất của một thể chế dân chủ, nhưng ở đó có một số điểm tựa để cho người dân tin cậy, là hệ thống luật pháp về dân sự, dù thời điểm đó đang là chiến tranh.” Người Quốc Gia tổ chức kém Cộng Sản bởi vì họ có một tổ chức tư pháp bảo vệ người dân như vậy.

Người Quốc Gia đã hành xử hoàn toàn khác người Cộng Sản, “dù thời điểm đó đang là chiến tranh” (mượn lời Việt Cộng nằm vùng Hạ Đình Nguyên) do đó trong một thời điểm của lịch sử họ đã thua.

Sự thất bại của đoàn quân Việt Quốc đã khiến cụ Bách và các đồng chí phải bôn tẩu sang Trung Quốc. Cũng như Loan và Dũng trong Đoạn Tuyệt và Đôi Bạn, cuối cùng hai người cũng tái hồi. Cụ Bách và nàng Loan của cụ cuối cùng cũng tái hồi. Loan của cụ Bách tên là Hứa Bảo Liên, một cô gái xinh xắn, mau mắn, đánh bóng bàn giỏi, người Hà Nội Việt gốc Hoa, thường vào nhà thương làm thiện nguyện và quen chàng sinh viên y khoa Nguyễn Tường Bách trẻ tuổi, đẹp trai, tài hoa, đàn hay, nhẩy giỏi, học giỏi, ở đó. Như vừa trình bày ở trên, khi cụ Bách chia tay với cô Hứa Bảo Liên trong chiến khu hai người không một hứa hẹn gì. Chính trường chưa rõ nét mà cuộc đời của chàng Dũng Nguyễn Tường Bách thì vô định, sống nay chết mai, ai biết được đường tên mũi đạn. Sau khi lên thăm già từ chàng thanh niên bác sĩ Nguyễn Tường Bách tại chiến khu của VNQDD tại Việt Trì, cô Hứa Bảo Liên lên đường sang du học bên Côn Minh, Trung Quốc. Sự già từ đã tưởng như vĩnh viễn. Nhưng cuộc tái ngộ bất ngờ của hai người được nàng Loan Hứa Bảo Liên kể lại ở trang 91 cuốn hồi ký “Nguyễn Tường Bách và Tôi” như sau:

“Một buổi chiều mùa thu vào cuối tuần, tôi vội vàng ra trường để cùng các anh Tam (Nhất Linh), Long (Hoàng Đạo) và các anh em khác ra ga Côn Minh... Mọi người đang đứng đợi. Mãi lâu mới có một đoàn xe lửa từ từ tiến vào trong ga. Chuyến xe này từ Khai-Viễn tới. Tất cả mọi

người đều chăm chú nhìn những hành khách đang xuống xe. Mãi sau có một anh chỉ cho mọi người nhìn theo, đằng xa có một toán người ăn mặc giống nhau, với những bộ đồ màu xanh đã bạc. Trên vai người nào cũng đeo một túi vải và chiếc bi-đông đựng nước. Tất cả đều gầy, đen và trông có vẻ mệt mỏi so với những hành khách khác. Anh Bách gầy hơn hết, và đen rạm đến khó nhận ra. Được cái anh vẫn điềm tĩnh vui vẻ bắt tay mọi người. Cuối cùng tất cả đều vui mừng trở về trụ sở. Túi vải anh không có gì đáng giá, ngoài vài bộ quần áo thay đổi, áo len cũng không có. Trên tay anh có chiếc đồng hồ cũ và chiếc nhẫn tôi tặng cho anh trước kia, có lẽ là vật đáng giá nhất mà anh đã đem theo.” Hình ảnh tái ngộ bất ngờ của Bác sĩ Nguyễn Tường Bách và người yêu tại một sân ga xa xôi, giữa thời chinh chiến, mang đậm nét lãng mạn cách mạng của Dũng và Loan trong tiểu thuyết của Nhất Linh, Tự Lực Văn Đoàn.

Thế là một giai đoạn đầy biến động của lịch sử đất nước đã sang trang với sự thất bại của đoàn quân Việt Quốc. Đó là năm 1946 với sự tan rã của chính phủ Liên Hiệp Quốc Cộng. Khi được tôi và bác sĩ Nguyễn Tường Giang con cụ Thạch Lam hỏi, “Trong đời chú điều gì làm chú hối tiếc nhất?” thì không ngập ngừng cụ trả lời ngay: “Chú hối tiếc nhất là vào thời điểm 1945, các chú chỉ chậm chân 15 phút để rồi cuộc chiến Quốc Cộng kéo dài cho mãi tới thế hệ các cháu ngày nay.” Khi nói tới sự chậm chân 15 phút, ý cụ muốn nói tới việc Phe Quốc Gia đã không quyết liệt để có chủ trương cướp chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim để rồi chỉ trong 15 phút bất ngờ Phe Cộng Sản đã biến cuộc biểu tình ủng hộ chính quyền Trần Trọng Kim, ăn mừng nước nhà độc lập khỏi ách thực dân Pháp và Nhật, thành một cuộc biểu tình cướp chính quyền của phe họ.

Theo hồi ký của Bác sĩ Nguyễn Xuân Chử, nxb Văn Hoá, Houston, 1996, thì Bác sĩ Chử lúc đó là đại diện chính phủ Trần Trọng Kim đã từ chối đề nghị của quân Nhật dẹp loạn Việt Minh. Ngoài ra trong một bài phát biểu tại Đại Hội Toàn Đảng Đại Việt năm 1998, tại San Jose, California, USA, ông Hoàng Nhật Tiến, đảng viên niên trưởng (sau này, năm 2006 là chủ tịch Đảng) đã tiết lộ rằng, Cụ Trương Tử Anh, lãnh tụ chung của các đảng quốc gia, đã dè dặt không muốn cướp chính quyền Hà nội nhân ngày công chức biểu tình 19/8/1945 mặc dù các đảng viên các đảng phái quốc gia đã hết sức thuyết phục. Sự thiếu quyết liệt của các đảng phái Quốc Gia đã mang lại cơ hội cho Cộng Sản chiếm được chính nghĩa trước nhân dân. Thực ra, Việt Minh Cộng Sản không đủ cán bộ để làm cuộc biểu tình đông như vậy, họ chỉ cướp công và giấu mặt cộng sản để cướp chính nghĩa mà thôi. Tâm sự tiếc nuối của cụ Nguyễn Tường Bách đã được mô tả ngắn gọn trong tựa đề của một bài phỏng vấn cụ Bách đăng trên tuần báo Saigon USA của Luật Sư Nguyễn Tâm xuất bản tại San Jose, California, Hoa Kỳ ngày 11-1-1999; tựa đề đó là: “Lỡ Một Bước, Hận Ngàn Thu”.

Năm 1946 Bác sĩ Nguyễn Tường Bách và các đồng chí của ông đã một lần thất bại trước đối thủ Võ Nguyên Giáp và phe Cộng Sản và phải bỏ tẩu sang Trung Quốc. Năm 2013, trong một trận “quyết đấu tay đôi”, vì cả hai phe giờ chỉ còn hai cụ, một lần nữa Bác sĩ Nguyễn Tường Bách lại thất bại trước cụ Võ Nguyên Giáp khi phải ra đi sang bên kia thế giới, trong khi cụ Võ Nguyên Giáp vẫn còn ở lại, dù phải mang ống thở.

Cuộc chiến Quốc Cộng thế hệ 1945 như vậy chính thức đã kết thúc. Nhưng cuộc chiến giữa những người Quốc gia, được hiểu là những người tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền, và những đảng viên Cộng Sản mù quáng vẫn còn tiếp diễn. Tuy nhiên khác với thời kỳ ba mươi năm chiến tranh 1945-1975, cuộc chiến Quốc Cộng hiện nay đang diễn ra với phần áp đảo nghiêng về phe đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền. Mặc cho trước mắt, phe Cộng Sản cầm quyền còn đang hung hãn, nhưng sự hung hãn hiện nay của phe Cộng Sản cầm quyền chỉ như sự vùng vẫy của con thú đang lâm vào đường cùng không lối thoát.

© Đàn Chim Việt

(1) http://www.hocxa.com/VanHoc/KhaiHung/KHung&NLinhtrongthoHKieu_QuocNam.php ;
Khái Hưng và Nhất Linh trong thơ Huyền Kiều

-Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua cuốn I của Nguyễn Tường Bách.

-Hồi Ký về Gia Đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế

(2): Nhân Văn Giai Phẩm-tác giả Thụy Khuê-nhà xuất bản Tiếng Quê Hương Virginia

(3): http://www.viet-studies.info/TDThao/NTNhat_TDThao_NKVien.htm

Đăng trên VieTimes-10-11-12/10/2007-Chuyện người vợ “duy nhất” của... hai học giả lớn Việt Nam-Ấn bản ngày 24-6-2013 này khác với ấn bản đã được công bố ngày 19-6-2013.